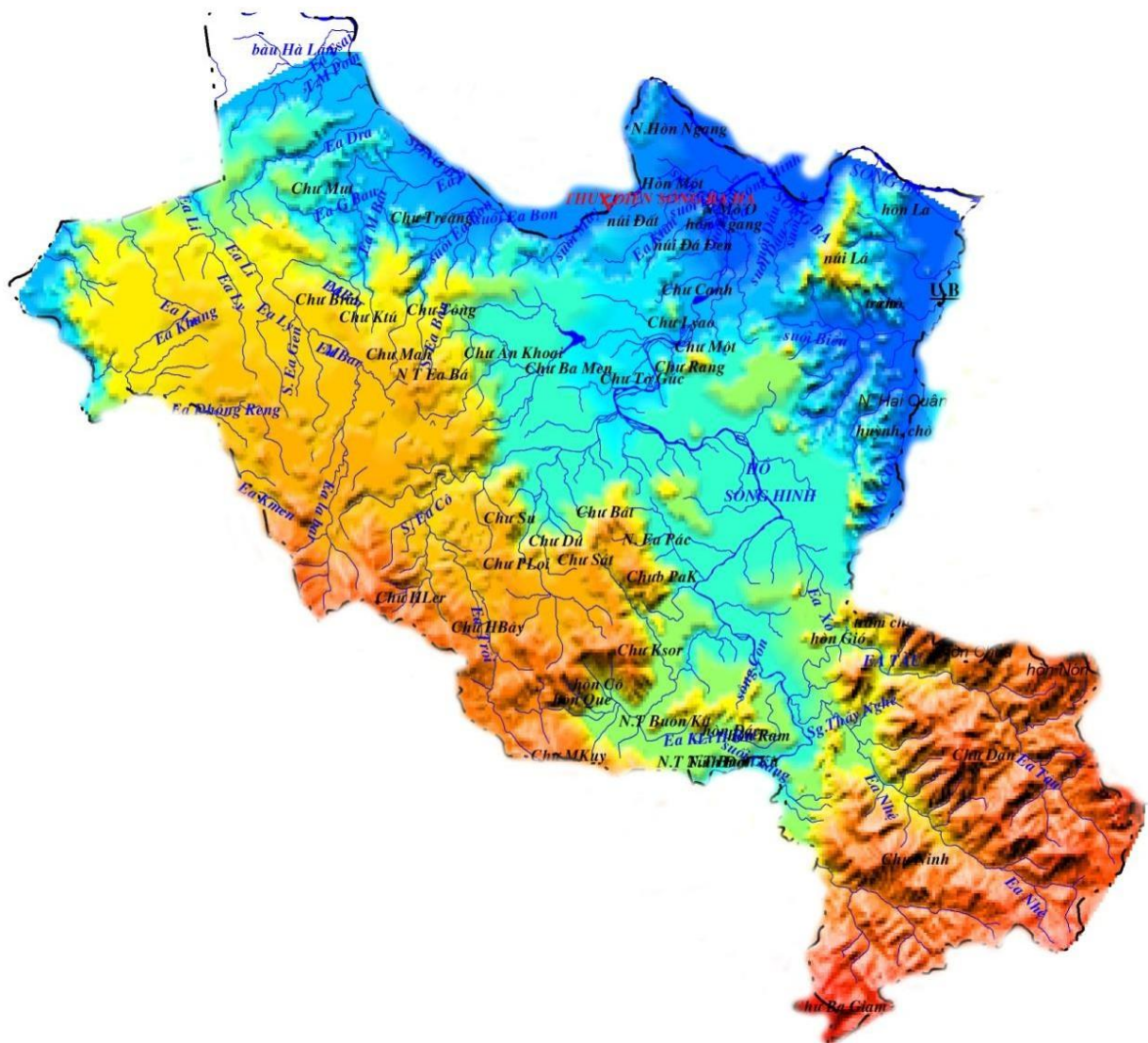


CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----//-----

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN



NĂM 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN**

Ngày tháng năm 2025
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2025
UBND HUYỆN SÔNG HÌNH
(Ký tên, đóng dấu)

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Mục đích và yêu cầu lập kế hoạch sử dụng đất huyện Sông Hinh	1
1.1. Mục đích.....	1
1.2. Yêu cầu.....	1
2. Những căn cứ pháp lý để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025	2
2.1. Các văn bản Trung ương ban hành.....	2
2.2. Các văn bản của địa phương ban hành	3
2.3. Văn bản do huyện Sông Hinh ban hành	5
3. Các phương pháp thực hiện.....	5
3.1. Nhóm phương pháp thu thập số liệu.....	5
3.2. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu	6
3.3. Phương pháp xử lý số liệu, bản đồ	6
3.4. Phương pháp thống kê, so sánh và phân tích.....	6
3.5. Phương pháp minh họa trên bản đồ.....	6
4. Tổ chức thực hiện	6
5. Các sản phẩm và nội dung chính của báo cáo	7
5.1. Các sản phẩm.....	7
5.2. Nội dung chính của báo cáo	7
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN	8
1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên.....	8
1.2. Phân tích hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất	16
1.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên và môi trường.....	17
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI	18
2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.....	18
2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế	18
2.3. Dân số, lao động	20
2.4. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn	21
2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng	22
III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG.....	28
3.1. Những lợi thế.....	28
3.2. Những hạn chế	28
IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC.....	29
4.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 (chi tiết xem Biểu số 01/CH).....	29
4.2. Biến động sử dụng các loại đất năm 2023 - 2024	32
4.3. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước (năm 2024).....	34

4.3.1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất	35
4.3.2. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất.....	46
4.3.3. Kết quả thực hiện thu hồi đất.....	48
4.3.4. Kết quả thực hiện khai thác đất chưa sử dụng vào mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp	49
4.4. Đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước	49
4.4.1. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024	49
4.4.2. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024	50
4.4.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ tới.....	51
V. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025	52
5.1. Tiêu chí lựa chọn các công trình, dự án ưu tiên trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện	52
5.1.1. Bảo đảm quốc phòng, an ninh	52
5.1.2. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường	52
5.1.3. Tính khả thi của việc thực hiện.	52
5.1.4. Định hướng phát triển kinh tế-xã hội năm 2025 của huyện	53
5.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân	54
5.2.1. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức	54
5.2.2. Nhu cầu sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân.....	55
5.3. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã	56
5.4. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.....	68
5.5. Diện tích đất cần thu hồi.....	69
5.6. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích	70
5.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2025	70
5.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2025	70
5.8.1. Cơ sở tính toán.....	70
5.8.2. Dự tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai năm 2025.....	71
VI. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	72
6.1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	72
6.2. Các giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	73
6.3. Giải pháp về khoa học - công nghệ	74
6.4. Các giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	74
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	76
1. Kết luận	76
2. Kiến nghị	76

DANH MỤC CÁC BIỂU

Biểu 01: Hiện trạng sử dụng đất huyện Sông Hình năm 2024.....	29
Biểu 02: Biến động sử dụng đất năm 2024 so với năm 2023.....	32
Biểu 03: Danh mục công trình, dự án năm 2024 đã thực hiện.....	35
Biểu 04: Danh mục công trình, dự án năm kế hoạch 2024 đề nghị chuyển tiếp sang năm 2025.....	36
Biểu 06: Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	41
Biểu 07: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024.....	46
Biểu 08: Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2024.....	48
Biểu 09: Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức.....	54
Biểu 10: Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân.....	55
Biểu 11: Kế hoạch sử dụng các loại đất năm 2025.....	56
Biểu 12: Diện tích đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2025.....	69
Biểu 13: Kế hoạch thu hồi đất năm 2025.....	69
Biểu 14: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025.....	70

ĐẶT VẤN ĐỀ

Sông Hình là huyện miền núi của tỉnh Phú Yên được thành lập từ năm 1985, nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Phú Yên, cách thành phố Tuy Hoà khoảng 60km. Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện có 89.262,01 ha, chiếm 17,78% diện tích tự nhiên của tỉnh Phú Yên. Huyện có 11 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó 10 xã và 01 thị trấn Hai Riêng, là trung tâm huyện lỵ. Dân số năm 2023 là 52.168 người, trong đó dân tộc thiểu số chiếm 47%. Mật độ dân số trung bình 58,44 người/km².

Luật Đất đai năm 2024 quy định: Lập, điều chỉnh, Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là 1 trong 18 nội dung quản lý nhà nước về đất đai (Điều 20); việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, ngày 18/01/2024 (Điều 67), Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (Điều 21) để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trên địa bàn huyện có liên quan đến sử dụng đất.

Thực hiện Luật Đất đai, chỉ đạo của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) và nhiệm vụ UBND huyện giao; Phòng Tài nguyên và Môi trường (nay là phòng Nông nghiệp và Môi trường) đã phối hợp với Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp miền Trung ***lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên*** để đảm bảo tính thống nhất về quản lý Nhà nước về đất đai, góp phần quan trọng trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội, ổn định và phát triển các khu dân cư đô thị, nông thôn, các khu dịch vụ, du lịch, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp,...

1. Mục đích và yêu cầu lập kế hoạch sử dụng đất huyện Sông Hình

1.1. Mục đích

- Cụ thể hoá các chỉ tiêu phân bổ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giao cho huyện năm 2025 đến địa bàn các xã, thị trấn.

- Góp phần quản lý chặt chẽ tài nguyên đất đai theo kế hoạch và pháp luật; đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, đảm bảo phát triển bền vững.

- Làm căn cứ pháp lý để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, ... theo quy định của pháp luật.

- Giúp cơ quan quản lý nhà nước về đất đai xác định được danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm; xác định chỉ tiêu sử dụng đất, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất.

1.2. Yêu cầu

- Kế hoạch sử dụng đất phải đáp ứng yêu cầu thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; kế hoạch sử dụng đất của huyện phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của tỉnh; kế hoạch sử dụng đất của huyện xác

định được nội dung sử dụng đất đến cấp xã; kế hoạch sử dụng đất phù hợp với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

- Sử dụng đất tiết kiệm và có hiệu quả; khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh lương thực.

- Bảo đảm tính liên tục, kế thừa, ổn định, đặc thù, liên kết của các khu vực kinh tế - xã hội; cân đối hài hòa giữa các ngành, lĩnh vực, địa phương; phù hợp với điều kiện, tiềm năng đất đai.

- Việc lập kế hoạch sử dụng đất bảo đảm sự tham gia của tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng, cá nhân; bảo đảm công khai, minh bạch.

2. Những căn cứ pháp lý để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025

2.1. Các văn bản Trung ương ban hành

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến Quy hoạch; Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017; Luật Thủy lợi, ngày 19/6/2017; Luật Trồng trọt, ngày 19/11/2018; Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15, ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15, ngày 29/6/2024 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; Luật Quy hoạch, ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật liên quan đến quy hoạch, ngày 20/11/2018;

- Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định Quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.

- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Quyết định 1626/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định 1746/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;

- Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT, ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2.2. Các văn bản của địa phương ban hành

** Văn bản do Đảng bộ, HĐND tỉnh Phú Yên*

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Yên lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020- 2025.

- Nghị quyết 13/NQ-HĐND, ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Phú Yên về Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 05 năm (2021-2025) tỉnh Phú Yên;

- Nghị quyết số 09/NQ-HĐND, ngày 21/4/2023 của HĐND tỉnh về Thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND, ngày 17/04/2024 của HĐND tỉnh Phú Yên v/v thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh 03 loại rừng theo phân loại rừng tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 35/NQ-HĐND, ngày 11/07/2024 của HĐND tỉnh về Thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

- Nghị quyết số 50/NQ-HĐND, ngày 19/9/2024 của HĐND tỉnh Thông qua Danh mục dự án cần thu hồi đất theo quy định tại Điều 79 của Luật đất đai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

- Nghị quyết số 80/NQ-HĐND, ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Thông qua Danh mục dự án CMĐ sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất theo Khoản 2 Điều 14 và khoản 1 Điều 122 của Luật đất đai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

- Nghị quyết số 84/NQ-HĐND, ngày 25/12/2024 của HĐND tỉnh Thông qua Danh mục dự án cần thu hồi đất theo quy định tại Điều 79 của Luật đất đai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

- Nghị quyết số 85/NQ-HĐND, ngày 25/12/2024 của HĐND tỉnh Thông qua Danh mục dự án CMĐ sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất theo Khoản 2 Điều 14 và khoản 1 Điều 122 của Luật đất đai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

** Văn bản do UBND tỉnh Phú Yên*

- Quyết định 1008/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 của UBND tỉnh Phú Yên về việc Phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Phú Yên theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 3249/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh V/v Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Phú Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt bổ sung các mỏ khoáng sản làm VLXD thông thường vào Danh mục khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 2412/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của UBND Tỉnh Về việc phê duyệt cập nhật, bổ sung các điểm mỏ khoáng sản vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND, ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên 5 năm (2020-2024).

- Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt cập nhật, bổ sung và loại bỏ các điểm mỏ khoáng sản làm VLXD thông thường khỏi Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên về Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

- Quyết định số 844/QĐ-UBND, ngày 18/7/2022 của UBND tỉnh Phú Yên về phê duyệt Danh mục không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

- Quyết định số 960/QĐ-UBND, ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh Phú Yên về phê duyệt Phương án đầu giá quyền khai thác khoáng sản (11 mỏ đất) làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

- Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 về phê duyệt, cập nhật bổ sung các điểm khoáng sản làm VLXD TT vào QH thăm dò, khai thác, chế biến SD làm VLXD TT và than bùn trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 20/8/2022 về phê duyệt, cập nhật bổ sung các bãi thải vật liệu xây dựng vào đồ án Quy hoạch các bãi thải vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1855/QĐ-UBND, ngày 31/12/2023 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Sông Hinh;

- Quyết định số 507/QĐ-UBND, ngày 17/4/2024 của UBND tỉnh Phú Yên v/v cho phép thực hiện, cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Sông Hinh, huyện Tuy An (đợt 2);

- Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 của UBND tỉnh Phú Yên về phê duyệt Kết quả rà soát, điều chỉnh 03 loại rừng theo phân loại rừng tỉnh Phú Yên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Sông Hinh;

- Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên về Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

- Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh Phú Yên về việc Điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý công sở trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 của UBND tỉnh Phú Yên;

- Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh Phú Yên về việc Điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn tỉnh tại Công văn số 2427/UBND-KT ngày 23/5/2022 của UBND tỉnh Phú Yên;

- Công văn số 5443/UBND-ĐTĐD, ngày 04/9/2024 của UBND tỉnh Phú Yên về việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện.

- Thông báo số 2088/TB-VPUBND, ngày 31/10/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Phú Yên về Ý kiến kết luận của tập thể lãnh đạo UBND tỉnh tại Cuộc họp Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh ngày 23/10/2024.

- Thông báo số 58/TB-STNMT, ngày 20/02/2025 của Sở Tài Nguyên và Môi trường về Kết quả Thẩm định hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Sông Hinh.

2.3. Văn bản do huyện Sông Hinh ban hành

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Sông Hinh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Nghị quyết 24/NQ-HĐND, ngày 18/12/2020 của HĐND huyện Sông Hinh về Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 05 năm (2021-2025);

- Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 31/10/2023 về Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021- 2025 (Nguồn vốn do huyện quản lý)

- Quyết định số 2107/QĐ-UBND, ngày 06/10/2021 của UBND huyện Sông Hinh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 huyện Sông Hinh (nguồn vốn do huyện quản lý).

- Thông báo số 180/TB-UBND, ngày 18/7/2024 của UBND huyện Sông Hinh về việc Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

- Quyết định số 2434/QĐ-UBND ngày 04/11/2024 của UBND huyện Sông Hinh về việc phê duyệt Đề cương - dự toán kinh phí dự án: Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên;

Và các công văn đăng ký nhu cầu sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất của các ban, ngành, các cấp của tỉnh và huyện.

3. Các phương pháp thực hiện

3.1. Nhóm phương pháp thu thập số liệu

a. Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa: Đây là phương pháp được dùng để điều tra, thu thập số liệu, tài liệu, bản đồ, thông tin về điều kiện tự nhiên, kinh

tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước; thu thập tình hình thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất theo phương án kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt. Khảo sát thực địa tại cấp xã, thị trấn để xác định khoanh vẽ lên bản đồ địa chính vị trí, ranh giới, hiện trạng sử dụng đất của các thửa đất sẽ chuyển mục đích sử dụng để thực hiện các công trình, dự án trong năm kế hoạch.

b. Phương pháp kế thừa, chọn lọc tài liệu đã có: Trên cơ sở các tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập được tiến hành phân loại, chọn lọc, kế thừa các tài liệu đã được phê duyệt và các công trình, dự án đang triển khai năm 2024 chưa xong và thực hiện tiếp của năm 2025; các công trình, dự án mới sẽ triển khai năm 2025.

3.2. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu

Chọn một số dự án lớn nằm trong phương án QH, KHSD đất đã được phê duyệt để điều tra về kết quả đã thực hiện hoặc tại sao chưa được thực hiện để rút ra các nguyên nhân làm tốt hoặc làm chậm tiến độ thực hiện kế hoạch sử dụng đất và giải pháp khắc phục,...

3.3. Phương pháp xử lý số liệu, bản đồ

Các số liệu thu thập được phân tích, xử lý bằng phần mềm Excel. Các số liệu được tính toán, phân tích theo các bảng, biểu kết hợp với phần thuyết minh. Bản đồ được xây dựng bằng sử dụng phần mềm như Microstation, MapInfor,...

3.4. Phương pháp thống kê, so sánh và phân tích

Trên cơ sở các số liệu, tài liệu thu thập được, tiến hành phân nhóm, thống kê diện tích các công trình, dự án đã thực hiện theo kế hoạch; chưa thực hiện, hoặc đang thực hiện dở dang; tổng hợp, so sánh và phân tích các yếu tố tác động đến việc thực hiện phương án KHSD đất. So sánh các chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện năm trước (năm 2023) với chỉ tiêu phương án KHSD đất đã được phê duyệt.

3.5. Phương pháp minh họa trên bản đồ

Đây là phương pháp đặc thù của công tác lập kế hoạch sử dụng đất. Các loại đất chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch năm 2025 được thể hiện trên bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện, tỷ lệ 1/25.000 thể hiện cụ thể các yếu tố về vị trí phân bố, ranh giới sử dụng đất, diện tích, hiện trạng sử dụng đất,... Phương pháp minh họa bằng bản đồ có sử dụng các phần mềm chuyên dụng làm bản đồ (như Microstation, Mapinfor,...).

4. Tổ chức thực hiện

- Chủ dự án: UBND huyện Sông Hinh.
- Đại diện chủ dự án: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Sông Hinh (Nay là phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Sông Hinh).
- Đơn vị tư vấn lập dự án (Đơn vị trúng thầu): Phân viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp miền Trung - Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp (*Bộ nông nghiệp và PT Nông thôn*).
- Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn trực thuộc huyện Sông Hinh.

5. Các sản phẩm và nội dung chính của báo cáo

5.1. Các sản phẩm

1. Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, kèm theo hệ thống bảng biểu, phụ biểu tính toán, bản đồ thu nhỏ, bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thể hiện trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã, thị trấn (*có lồng bản đồ địa chính*).

2. Bản đồ kết quả rà soát kế hoạch sử dụng đất năm 2024 toàn huyện, tỷ lệ 1/25.000.

3. Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 toàn huyện, tỷ lệ 1/25.000.

5.2. Nội dung chính của báo cáo

- Đặt vấn đề.
- Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.
- Thực trạng phát triển kinh tế, xã hội.
- Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện.
- Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025.
- Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất
- Kết luận và kiến nghị.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Sông Hinh là huyện miền núi nằm phía Tây Nam tỉnh Phú Yên, cách thành phố Tuy Hoà khoảng 60 km, có tọa độ địa lý từ $12^{\circ}45'$ đến $13^{\circ}06'$ độ vĩ Bắc và $108^{\circ}40'$ đến $109^{\circ}07'$ độ kinh Đông, ranh giới huyện tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp huyện Tây Hoà.
- Phía Tây giáp tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Gia Lai.
- Phía Nam giáp tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Khánh hòa.
- Phía Bắc giáp huyện Sơn Hoà.

Trên địa bàn có các tuyến giao thông QL29, QL19C là cầu nối các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ với các tỉnh Tây Nguyên, tạo điều kiện thuận lợi trao đổi mua bán hàng hoá và liên kết, hợp tác phát triển kinh tế-xã hội, từ năm 2014 tuyến đường Trường Sơn Đông đi qua huyện đã hoàn thành thì khả năng trao đổi hàng hoá với các tỉnh Tây nguyên càng thuận lợi hơn.

Sông Hinh là huyện có vị trí quan trọng về quốc phòng, vừa là hậu cứ, vừa là hậu phương, khu vực phòng thủ cửa ngõ phía Tây vững chắc, vừa là cầu giao lưu văn hoá giữa các tỉnh duyên hải miền Trung với địa bàn chiến lược Tây Nguyên. Tiếp giáp với hai vùng sản xuất nông nghiệp quan trọng là huyện Tây Hoà, vùng trồng lúa lớn nhất tỉnh và vùng trồng cây công nghiệp phát triển của hai tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk. Là nơi tiếp giáp giữa khu vực đồng bằng và miền núi cao nguyên, thượng và trung lưu của hệ thống các sông, suối lớn chảy qua phía nam tỉnh, có ý nghĩa quan trọng về phòng hộ, dự trữ nguồn nước, giảm tác động thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái,...

1.1.2. Địa hình

Huyện Sông Hinh nằm trong thung lũng sông Ba, có địa hình đồi lượn sóng và núi cao trung bình, thấp dần theo hướng Nam-Bắc, Tây-Đông và bị chia cắt nhiều. Có 03 dạng địa hình chính:

- **Địa hình thung lũng thấp ven sông Ba**, sông Hinh, độ cao 30-100 m thuộc các xã Sơn Giang, Đức Bình Đông, Đức Bình Tây, độ cao 100-200 m thuộc các xã Ea Bá, Ea Lâm, Sông Hinh. Địa hình tương đối bằng phẳng độ dốc phổ biến $0-8^{\circ}$, có diện tích chiếm khoảng 33% tổng diện tích tự nhiên. Đây là vùng thích hợp trồng cây ngắn ngày.

- **Địa hình núi thấp và đồi lượn sóng** phân bố ở khu vực trung tâm và trải dài từ Tây sang Đông, độ cao trung bình từ 100-400 m, độ dốc phổ biến $8-15^{\circ}$, có diện tích chiếm khoảng 20% tổng diện tích tự nhiên, các loại đất chính ở đây là đỏ vàng và đất xám. Cây trồng chính hiện nay là cây công nghiệp, lúa nương và hoa màu, còn lại là cỏ tự nhiên và cây bụi.

- **Địa hình núi cao trung bình** tập trung ở phía Nam và Đông Nam huyện, độ cao trung bình 500-800m thuộc xã Ea Bá, Ea Trol, từ 800-1.528 m ở phía Đông Nam thuộc xã Sông Hinh địa hình dốc trên 25° chia cắt mạnh, là nơi bắt nguồn các sông, suối, rừng tự nhiên chủ yếu phân bố trên địa hình này. Dạng địa hình trên có diện tích chiếm khoảng 47% tổng diện tích tự nhiên.

Mật độ núi khá dày đã tạo cho huyện Sông Hinh có nhiều sông và suối, tiêu biểu là Sông Ba, sông Hinh và sông Con.

Do địa hình dốc nên quá trình sử dụng đất phải quan tâm đến các biện pháp giữ ẩm chống xói mòn đất. Áp dụng các biện pháp thâm canh, luân canh tăng vụ, thiết kế đồng ruộng theo đường đồng mức, thực hiện nông lâm kết hợp, ưu tiên cây có độ che phủ lớn, bộ rễ nhiều,...

1.1.3. Khí hậu

Theo tài liệu “*Đặc điểm khí hậu - thủy văn tỉnh Phú Yên*” do Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện, huyện Sông Hinh thuộc vùng khí hậu thung lũng sông Ba (vùng IV) và vùng khí hậu thủy văn chủ yếu phía Nam (vùng III).

- **Mưa:** Sông Hinh nằm trong vùng có lượng mưa lớn nhất tỉnh. Lượng mưa đo được nhiều năm trong khoảng 2.200-2.400 mm. Số ngày mưa trung bình khoảng 150-160 ngày/năm. Lượng mưa trong 4 tháng mùa mưa khoảng 1.780 mm chiếm 69-72% lượng mưa cả năm.

- Nhiệt độ không khí:

+ Nhiệt độ trung bình năm 26⁰C, thấp nhất 22,1⁰C, cao nhất 28,7⁰C.

+ Biên độ nhiệt ngày và đêm trung bình năm khoảng 9,2⁰C.

+ Nhiệt độ tối cao trung bình: 31,7⁰C.

+ Nhiệt độ tối cao tuyệt đối: 41,7⁰C.

+ Nhiệt độ tối thấp trung bình: 22,5⁰C.

+ Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối: 11,5⁰C.

+ Phân bố nhiệt độ theo mùa: Nếu tính theo quy ước, nhiệt độ trung bình ngày trên 25⁰C là mùa nóng, dưới 20⁰C là mùa lạnh và mùa mát 20-25⁰C thì huyện Sông Hinh bắt đầu mùa nóng từ tháng 4 và kết thúc tháng 10, mùa mát bắt đầu từ tháng 10 và kết thúc và cuối tháng 3:

- Gió:

+ Về mùa đông: Gió Đông Bắc thổi đều hầu hết trong các tháng mùa đông với tần suất 50-70%. Thậm chí cho đến tháng 4 hướng gió Đông Bắc còn tần suất 41%, sau đó là các hướng Đông, hướng Bắc chiếm tỷ lệ 15-30%.

+ Về mùa hạ: Gió mùa hạ thiên về hướng Tây, tập trung vào góc từ 225-270⁰ (từ Tây Nam đến Tây). Từ tháng 5-9, gió mùa hạ phát triển mạnh, gió Tây với tần suất 30-65%, tháng 8 tần suất gió Tây lớn nhất trong năm, tiếp theo là hướng Tây Nam cũng khá thịnh hành với tần suất 20-35%.

Tốc độ gió trung bình hàng năm dao động trong khoảng 2-2,5 m/s, độ chênh lệch qua từng tháng không quá 0,5m/s. Các tháng mùa hè tốc độ gió trung bình lớn hơn mùa Đông. Trong đó tốc độ gió trung bình lớn nhất vào tháng 5, 6 và nhỏ nhất vào tháng 12 hoặc tháng 1.

Tốc độ gió mạnh nhất đạt 41,9 m/s.

Nằm ở sườn đông dãy Trường Sơn huyện Sông Hinh chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió Tây khô nóng, tác động rất nhiều đến đời sống và sản xuất: làm giảm năng suất, chất lượng cây lúa, năng suất thịt, sữa trứng của gia súc, gia cầm thậm chí phát sinh nhiều dịch bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

- **Nắng:** Tổng số giờ nắng trung bình khoảng 2.337 giờ/năm. Trong suốt sáu tháng từ tháng III đến tháng VIII, số giờ nắng trung bình mỗi tháng dao động từ

220 đến 250 giờ. Các tháng ít nắng nhất là những tháng mùa mưa, số giờ nắng trung bình hàng tháng cũng 100-150 giờ.

- **Độ ẩm:** Độ ẩm tương đối trung bình năm: 80%-85%. Tháng có độ ẩm trung bình lớn nhất vào tháng 10 và 11: 89%, tháng nhỏ nhất là tháng 7: 76%.

- **Bốc hơi:**

+ Bốc hơi khả năng: Tổng lượng bốc hơi năm từ 1.300-1.500mm, tháng bốc hơi nhiều nhất 160mm và tháng thấp nhất 31mm.

+ Bốc hơi tiềm năng: Bốc thoát hơi tiềm năng trung bình ngày 3,7 mm/ngày.

- **Bão và áp thấp nhiệt đới, đông, sương mù:**

Mưa đông thường không kéo dài nhưng cường độ rất mạnh, do đó làm xói lở và bào mòn lớp đất trên mặt, mưa đông kèm theo bão, gió lốc làm đổ nhà cửa, cây cối, các công trình xây dựng.

1.1.4. Thủy văn

- **Sông Ba:** là sông lớn nhất miền Trung, còn gọi là Eapa ở thượng lưu và sông Đà Rằng ở hạ lưu. Phân đi qua huyện Sông Hinh dài 48 km. Diện tích lưu vực: 13.900 km², tập trung ở Gia Lai, Kom Tum, Đắk Lắk, phần diện tích ở Phú Yên có 2.480 km² chiếm 18,3%. Từ thượng nguồn, sông chảy qua vùng núi non hiểm trở, lòng sông hẹp lắm thác ghềnh, độ dốc lớn 20%. Chảy về hạ lưu, lòng sông mở rộng dần. Sông Ba có tiềm năng thủy lợi lớn, tổng lượng nước đổ ra biển hàng năm 9,7 tỷ m³. Trên sông có công trình thủy điện An Khê, (Gia Lai), thủy điện sông Ba Hạ (huyện Sông Hinh) và đập Đồng Cam (huyện Tây Hòa),...

- **Sông Krông H'Năng:** Bắt nguồn từ huyện Krông Năng (*Đắk Lắk*) chảy qua một phần ranh giới phía Tây của huyện, sông dài 130 km, phân tiếp giáp với huyện là 12 km. Là một phụ lưu quan trọng của sông Ba và nhập dòng sông Ba tại xã Ea Lâm. Diện tích lưu vực: 1.840 km², hàng năm nhận một lượng mưa khoảng 1.700 mm, môđun dòng chảy năm 21,71 l/s/km², hàng năm đổ vào sông Ba lượng nước khoảng 1,25 tỷ m³. Trên sông đã được xây dựng Thủy điện Krông H'Năng.

- **Sông Hinh:** Bắt nguồn từ huyện M'Đrăk (*tỉnh Đắk Lắk*) chạy qua trung tâm huyện đổ ra sông Ba tại Đức Bình Tây, là một phụ lưu tương đối lớn và là nguồn cung cấp nước quan trọng của sông Ba. Sông có chiều dài 88 km, đoạn chảy qua huyện dài 47 km có độ dốc tương đối lớn. Diện tích lưu vực: 932 km², hàng năm đổ vào sông Ba lượng nước khoảng 1,46 tỷ m³. Năm 2000 thủy điện Sông Hinh đã tích nước phát điện với công suất 70MW.

- **Sông Con:** bắt nguồn từ vùng cao xã Sông Hinh đổ ra sông Ba tại Hà Giang với chiều dài 21km, chiều rộng bình quân 15-20m, hiện nay sông có nhiệm vụ dẫn nước xả của thủy điện Sông Hinh.

- Ngoài ra còn có các suối lớn như Ea Ly, Ea Bar, Ea Din, Ea Trol, Ea Hbol, Suối Bèo,... quanh năm có nước và có thể xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

1.1.5. Các nguồn tài nguyên

a. Tài nguyên đất

Theo kết quả điều tra bổ sung, chỉnh lý bản đồ đất tỉnh Phú Yên, toàn huyện có 08 nhóm đất với 17 loại đất như sau (*không tính diện tích không điều tra: sông,*

suối, hồ,...):

***. Nhóm đất cát** (đất cát điển hình)

- *Diện tích*: Diện tích 208 ha, chiếm 0,23% DTTN.

- *Phân bố*: Phân bố ở các xã Đức Bình Đông (19 ha) và Sơn Giang (189 ha). Cây trồng chủ yếu là cây hàng năm.

- *Tính chất đất*: Thành phần cơ giới là cát, cát thô rời rạc, tỷ lệ cát trên 97%, khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng kém; hàm lượng dinh dưỡng trong đất thấp, phản ứng đất chua ($pH_{KCl} < 5$).

- *Hướng sử dụng*: có thể đưa vào sử dụng trồng cây hoa màu nhưng cần chú ý đến chế độ tưới tiêu, bón phân nhiều lần. Trong điều kiện cho phép có thể khai thác để trồng điều, xây dựng cụm nghiệp và quy hoạch nuôi trồng thủy sản.

***. Nhóm đất phù sa**

- *Diện tích*: Diện tích 2.702 ha, chiếm 3,03% DTTN; bao gồm 02 loại: Đất phù sa trung tính ít chua (P): 1.621 ha; đất phù sa chua (Pc): 1.081 ha.

- *Phân bố*: Phân bố ở 09 xã. Trong đó, xã có diện tích lớn nhất là Đức Bình Đông (786 ha), tiếp theo là Sơn Giang (583 ha), Đức Bình Tây (577 ha), Ea Trol (236 ha), Ea Bar (211 ha), Ea Bia (112 ha), Ea Bá (102 ha), Sông Hình (91 ha) và Ea Lâm có diện tích ít nhất (22 ha). Nhóm đất phù sa phân bố chủ yếu ở ven sông suối, tập trung lớn nhất ở ven sông Ba.

- *Tính chất*: Đất được hình thành do sự bồi đắp phù sa của sông Ba chảy qua cao nguyên Bazan, nên chất lượng phù sa tốt, giàu chất dinh dưỡng. Thành phần cơ giới đất tương đối mịn, tỉ lệ sét (Clay), limon (Silt) cao (*riêng đất phù sa được bồi và đất phù sa không bồi thành phần cơ giới nhẹ hơn, thường cát pha, thịt nhẹ*). Phản ứng đất ít chua (pH_{KCl} thường trên 4,5); hàm lượng cation kiềm đạt mức trung bình, độ no Bazơ nhỏ hơn 50% (V%); Chất hữu cơ và đạm khá; Lân ở mức trung bình và nghèo (P_2O_5 : 0,02-0,07%); Kali tổng số khá, song Kali trao đổi thấp. Nhìn chung đất thích hợp với sinh trưởng và phát triển của cây lúa.

- *Hướng sử dụng*: Đây là nhóm đất tốt nhất cho sản xuất nông nghiệp, thích hợp với nhiều loại cây trồng khác nhau như các loại rau, đậu đỗ, lúa nước, ngô,... và các loại cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày và cây ăn quả. Điều kiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng rất thuận lợi trên nhóm đất này vì phần lớn diện tích được tưới nước chủ động. Hiện nay nhóm đất này đã được khai thác triệt để vào sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là trồng lúa nước, rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây ăn quả.

***. Nhóm đất xám và bạc màu**

- *Diện tích*: 12.087 ha, chiếm 13,53% DTTN toàn huyện, là huyện có diện tích đất xám và bạc màu lớn thứ hai của tỉnh (sau huyện Sơn Hoà) và chiếm 27,81% tổng diện tích đất xám và bạc màu trên địa bàn tỉnh. Nhóm đất xám của huyện được chia thành 03 đơn vị đất: đất xám trên phù sa cổ (X): 414 ha, đất xám trên macma acid và đất cát (Xa): 10.671 ha, đất xám gầy: 1.002 ha.

- *Phân bố*: Đất xám được phân bố ở tất cả các xã trên nhiều dạng địa hình khác nhau. Tập trung chủ yếu ở các xã: Ea Trol (3.093 ha), Ea Bá (1.963 ha), Ea Lâm (1.358 ha), Ea Bar (1.357 ha), Ea Bia (1.317 ha), Sông Hình (1.095 ha),... và xã Đức Bình Tây có diện tích ít nhất (8,0 ha).

- *Tính chất*: tầng đất thường mỏng, nhiều đá lẫn, kết von; phản ứng đất chua; nghèo chất hữu cơ, đạm và các chất dinh dưỡng khác.

- *Hướng sử dụng*: Trong nhóm đất này, diện tích đất có độ dốc $<15^{\circ}$ là chủ yếu (chiếm trên 98%) có khả năng phát triển nông nghiệp nên cần thiết khai thác đưa vào sản xuất nông nghiệp, trồng cao su, mở rộng vùng chuyên canh cây mía.

Đánh giá chung về nhóm đất xám:

- Đất xám trên phù sa cổ có tầng đất thường rất dày, cơ giới nhẹ, dễ thoát nước. Đất xám trên đá macma acid và đá cát có rất nhiều hạn chế: nhiều sỏi sạn, thành phần cơ giới thô, rất nghèo dinh dưỡng, dễ bị rửa trôi và xói mòn.

- Loại đất này thuận lợi cho cơ giới hoá và thích với các loại cây trồng cạn. Tuy vậy, đất nghèo các chất dinh dưỡng, cho nên khi sản xuất cần đầu tư phân bón; nhất là các loại phân hữu cơ.

- Loại đất này khi canh tác phải chú ý trồng các đai rừng bảo vệ để hạn chế xói mòn rửa trôi đất canh tác.

***. Nhóm đất đen**

- *Diện tích*: 11.298 ha, chiếm 12,65% DTTN toàn huyện, là huyện có diện tích đất đen lớn nhất tỉnh và chiếm 39,44% tổng diện tích đất đen trên địa bàn tỉnh. Nhóm đất đen của huyện được chia thành 02 đơn vị đất: Đất nâu thẫm trên sản phẩm phong hóa đá bọt và đá Bazan (Ru): 806 ha; Đất đen trên sản phẩm bồi tụ Bazan (Rk): 10.492 ha.

- *Phân bố*: phân bố chủ yếu ở xã Ea Ly 2.737 ha; TT Hai Riêng 1.995 ha; Đức Bình Tây 1.932 ha; Ea Bar 1.713 ha; Đức Bình Đông 1.554 ha, Ea Bá 685 ha, Ea Bia 670 ha và Sơn Giang 12 ha.

- *Tính chất*: Nhìn chung nhóm đất đen có nhiều ưu điểm, địa hình khá bằng phẳng, giữ ẩm tốt, chất dinh dưỡng khá, song nhược điểm là tầng đất mỏng, nhiều đá lẫn, kết von, nhiều nơi xuất hiện đá lộ đầu, rất khó khăn cho việc cơ giới hóa.

- *Hướng sử dụng*: nhóm đất này thích hợp trồng cây lương thực, thực phẩm như lúa nước, rau màu và nhiều loại cây ngắn ngày khác.

***. Nhóm đất đỏ vàng**

- *Diện tích*: Nhóm đất đỏ vàng có diện tích lớn nhất huyện Sông Hinh, là huyện có diện tích nhóm đất đỏ vàng lớn thứ ba của tỉnh (sau huyện Đồng Xuân và Sơn Hoà) chiếm 14,31% tổng diện tích đất đỏ vàng toàn tỉnh. Tổng diện tích nhóm đất đỏ vàng là 45.156 ha, chiếm 50,55% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

Nhóm đất đỏ vàng của huyện bao gồm 6 loại đất: Đất vàng đỏ trên đá macma acid (Fa): 30.689 ha, đất nâu vàng (Fu) trên đá Bazan: 5.651 ha, đất nâu đỏ (Fk) trên đá Bazan: 1.621 ha, đất nâu vàng trên phù sa cổ (Fp): 82 ha, đất vàng nhạt trên đá cát (Fq): 2.395 ha và đất đỏ vàng trên đá sét (Fs): 4.718 ha.

- *Phân bố*: ở hầu hết các địa phương trong huyện; trong đó: xã Sông Hinh có diện tích lớn nhất 13.669 ha; tiếp đến là Ea Trol 9.574 ha; Ea Bar 6.859 ha; Ea Ly 4.941 ha; Sơn Giang 3.959 ha; Đức Bình Đông 2.394 ha; Ea Bá 1.905 ha; Ea Lâm 1.093 ha, Ea Bia 280 ha, TT Hai Riêng 253 ha, Đức Bình Tây 229 ha.

- *Tính chất*: trong nhóm đất này thì đất nâu vàng trên phù sa cổ, đất đỏ và nâu vàng trên đá Bazan có chất lượng tốt hơn; các loại đất còn lại có chất lượng kém hơn như tầng đất mỏng, nhiều đá lẫn, kết von, nhiều nơi xuất hiện đá lộ đầu.

Đánh giá chung về nhóm đất đỏ vàng:

+ Các loại đất nâu đỏ trên đá macma bazơ và trung tính, đất nâu vàng trên đá macma bazơ và trung tính và đất nâu vàng trên phù sa cổ có tầng dày, đất có địa hình cao, độ dốc không lớn thích hợp với nhiều loại cây ngắn và dài ngày, đặc biệt là cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su,...

+ Các loại đất đỏ vàng trên đá sét và biến chất, đất vàng đỏ trên đá macma acid và đất vàng nhạt trên đá cát, có chất lượng kém, có nhiều hạn chế đối với sản xuất như: độ dốc lớn, tầng đất mỏng, hàm lượng các chất dinh dưỡng thấp, đất có phản ứng chua, cần được cải tạo và bảo vệ chống xói mòn rửa trôi tầng đất mặt.

+ Nhóm đất này có diện tích lớn nhất huyện, nhưng diện tích có độ dốc dưới 15° có khả năng sản xuất nông nghiệp chỉ có 14.793 ha (chiếm 32,76% diện tích nhóm đất này).

***. Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi**

- *Diện tích:* 4.501 ha, chiếm 5,04% tổng diện tích đất toàn huyện.

- *Phân bố:* trên các đỉnh núi có độ cao từ 900 m trở lên, thuộc xã Sông Hình.

- *Hướng sử dụng:* hiện nay vùng đất này chủ yếu còn rừng tự nhiên che phủ. Do ở vùng địa hình chia cắt, dốc nhiều, tỷ lệ che phủ cao, thực vật đa dạng chủ yếu là rừng tự nhiên. Đất mùn vàng trên núi cao không có ý nghĩa cho sản xuất nông nghiệp, chủ yếu sử dụng vào mục đích lâm nghiệp.

***. Nhóm đất thung lũng dốc tụ**

- *Diện tích:* 1.056 ha, chiếm 1,18% DTTN.

- *Phân bố:* Đất thung lũng do sản phẩm bồi tụ phân bố ở các thung lũng thuộc các xã Ea Trol 1.000 ha; TT Hai Riêng 43 ha; Ea Bar 10 ha và Ea Bia 3 ha.

- *Tính chất:* Nhìn chung đất có độ phì tương đối khá, đất chua, nằm ở địa hình thấp trũng khó thoát nước.

- *Hướng sử dụng:* Chủ yếu được sử dụng trồng cây hàng năm như lúa màu, cây lương thực.

***. Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá**

Diện tích 418 ha, chiếm 0,47% DTTN, phân bố ở các xã Đức Bình Đông, Sông Hình, Ea Bia, Ea Trol. Đất hình thành là kết quả của quá trình xói mòn rửa trôi trong nhiều năm trên các loại đất dốc có độ che phủ thấp, tầng đất mịn hầu như không còn. Đây là một trong các loại đất “có vấn đề”, không có ý nghĩa đối với sản xuất nông nghiệp. Chủ yếu sử dụng để khai thác làm vật liệu xây dựng.

***. Các loại đất khác** (không điều tra: sông suối, hồ và MNCD,...): 11.913 ha, chiếm 13,34% tổng DTTN.

Nhìn chung tài nguyên đất huyện khá đa dạng về nhóm, các loại đất phân bố trên nhiều dạng địa hình khác nhau tạo ra những tiểu vùng sinh thái nông - lâm nghiệp thích hợp với nhiều loại cây trồng, đặc biệt là cây công nghiệp lâu năm. Tuy nhiên quá trình khai thác, sử dụng và tập quán canh tác trong nhiều năm chưa thật hợp lý do chạy theo thị trường giá cả (phá rừng trồng sắn,...) nên nhiều nơi tình trạng xói mòn, rửa trôi và suy thoái chất lượng đất vẫn đang xảy ra.

b. Tài nguyên nước

- *Nước mặt*: nước mặt huyện Sông Hinh tương đối phong phú với hệ thống sông suối khá đồng đều có nước quanh năm bao gồm sông Ba, sông Krông H'Năng, sông Hinh, sông Con, ngoài ra còn được hình thành bởi các suối nhỏ, ao, hồ,... Lượng mưa đo được nhiều năm trong khoảng 2.200-2.600 mm nên nguồn nước mặt rất lớn. Nhưng 71% lượng mưa tập trung vào các tháng mùa mưa.

Sông Hinh có nguồn nước mặt dồi dào, có chất lượng tốt, không bị ô nhiễm và có thể khai thác sử dụng cho nhiều mục đích trong sinh hoạt và sản xuất. Tính đến năm 2020, trên địa bàn huyện có: 13 hồ thủy lợi (*trong đó hồ Ea lâm 2 không còn khả năng tưới*); 05 đập dâng; 02 kênh thủy lợi sử dụng nước từ các công trình thủy điện, 05 trạm bơm.

Việc xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi trên địa bàn huyện sẽ góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên nói chung và huyện nói riêng. Khả năng khai thác nước mặt phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt còn lớn. Tuy nhiên, do lượng nước phân bố không đều theo thời gian nên cần xây dựng các công trình thủy lợi để điều tiết nước.

- *Nước ngầm*: Qua điều tra thực tế giếng đào trong nhân dân, nhìn chung trữ lượng nước ngầm ở huyện Sông Hinh thấp:

- Vùng thấp ven sông Ba mực nước ngầm thấp, giếng đào 3 - 5 m.
- Vùng đồi núi có mực nước ngầm từ 15-20 m.
- Giếng khoan tại thị trấn Hai Riêng sâu 42 m.

Nguồn nước ngầm tại huyện Sông Hinh có chất lượng đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất, tuy nhiên nguồn nước ngầm ở một số nơi bị nhiễm phèn, nhiễm vôi. Hiện nay, hầu hết người dân khai thác nước ngầm bằng giếng đào, giếng khoan, công trình cấp nước tập trung dùng cho việc ăn uống, sinh hoạt và phục vụ chăn nuôi gia súc, gia cầm, tưới cây. Khả năng khai thác hiệu quả các nguồn nước là vấn đề còn đang gặp rất nhiều khó khăn do địa hình phức tạp, nhiều đồi núi có độ dốc lớn, khả năng giữ nước mặt đất thấp và dân cư phân bố rải rác.

c. Tài nguyên rừng

Sông Hinh là huyện miền núi với tài nguyên rừng phong phú và đa dạng. Năm 2024, diện tích đất lâm nghiệp là 34.725,89 ha chiếm 38,90% diện tích đất tự nhiên. Với trữ lượng gỗ khoảng trên 4 ngàn m³. Rừng Sông Hinh thuộc loại rừng trung bình với nhiều loại thực vật, động vật rừng (*rừng giàu: 6.237 ha; rừng trung bình: 8.755 ha; diện tích còn lại chủ yếu là rừng nghèo, rừng non và đất khoanh nuôi phục hồi rừng, rừng trồng*).

* *Thực vật rừng*: Rừng Sông Hinh có 2 loại rừng chính, đó là rừng kín lá rộng thường xanh và rừng trồng:

- *Rừng kín lá rộng thường xanh*: Chiếm hầu hết diện tích rừng tự nhiên, loại rừng này có khả năng phòng hộ cao. Bình quân có 40-50 loài/ha, bước đầu đã thống kê được gần 300 loại cây gỗ thuộc 39 họ thực vật khác nhau. Điển hình là họ Dầu (*Dipterocarpaceae*), họ Đậu (*Fabaceae*), họ Giẻ (*Fagaceae*), họ Bứa (*Chesiaceae*), họ Thị (*Ebenaceae*), họ Sim (*Myrtaceae*), họ Long não (*Lauraceae*), họ Đào lộn hột (*Anacardraceae*), họ Sổi (*Dilleniaceae*), họ Dâu tằm (*Moraceceae*),...

Các giống loài thường gặp chủ yếu như: Chò chai, Trâm trắng, Huỳnh, Dẻ, Công, Trám hồng, Dầu rái, Sao đen, Kiền kiền, Gụ mật, Dung nam, Thị rừng...trong đó Chò chai, Công và Kiền kiền chiếm ưu thế.

- *Rừng trồng*: các loại cây chủ yếu gồm: Keo, Bạch đàn và các loại khác như: Dầu rái, sao, muồng, xà cừ,... Phương thức trồng chủ yếu là thuần loại theo đám, ngoài ra cũng có một số ít trồng hỗn giao giữa các loài hay trồng làm giàu dưới tán rừng.

Những năm qua, thực hiện tốt chủ trương của Chính phủ về mục tiêu phủ xanh đất trống đồi núi trọc kết hợp với chính sách giao đất, khoán rừng cho nhân dân, các chương trình phát triển lâm nghiệp nên diện tích và tỷ lệ che phủ của rừng đã tăng đáng kể, đạt 45,75% năm 2024.

Huyện Sông Hinh có thế mạnh về lâm nghiệp, cộng với sự phát triển kinh tế rừng trong những năm gần đây sẽ đáp ứng nhu cầu nguồn nguyên liệu phục vụ phát triển ngành công nghiệp sản xuất giấy và bột giấy, ngành công nghiệp chế biến gỗ, ngoài ra với sự phong phú và đa dạng của hệ động thực vật rừng và các yếu tố khác có thể khai thác phát triển ngành du lịch ở địa phương.

d. Tài nguyên khoáng sản, vật liệu xây dựng

- *Vàng Suối Mây*: Khoáng hoá vàng phân bố trong các đá granitoit thuộc phức hệ Bến Giằng- Quế Sơn. Thân quặng là các mạch thạch anh chứa sunfua khoảng 5% gồm pyrit, chancopyrit, galenit và vàng tự sinh. Điểm quặng vàng Suối Mây được khảo sát sơ bộ, tài nguyên dự báo cấp P_2 là 34,45 kg (Au) và 30,9 kg (Ag).

- *Vàng Mò O*: xã Đức Bình Tây. Quặng hoá nằm trong đới biến đổi của granit thuộc phức hệ Đèo Cả (γK đc). Đới biến đổi rộng 500m, dài 2 km.

Trữ lượng vàng, bạc (*tương đương cấp $B+C_1$*): 1,2 tấn (Au); 14 tấn (Ag).

- *Vàng Buôn Ken*: xã Ea Bá. Mạch quặng nằm ở ranh giới giữa đại cơ Lamprophia và granitoit của phức hệ Bến Giằng - Quế Sơn. Đá vây quanh bị epidô hoá, thạch anh hoá. Thành phần khoáng vật: thạch anh (95%); khoáng vật quặng (5%) gồm pyrit, chancopyrit, galenit, acsenopyrit, hematit, malachit.

Tài nguyên dự báo cấp P_1 là: Au 493,3kg, Ag 08,8kg.

- *Vàng Buôn Diêm*: thị trấn Hai Riêng. Đá vây quanh quặng là granit biotit hạt nhỏ thuộc phức hệ Đèo Cả. Biến đổi gần mạch có các hiện tượng epyđot hoá, clorit hoá và berezit hoá. Tài nguyên dự báo cấp P_1 : Au 0,75 tấn, Ag 6,4 tấn.

- *Vàng Buôn Bàu*: xã Ea Trol. Vây quanh quặng là đá granodiorit, diorit thuộc pha 2 phức hệ Bến Giằng - Quế Sơn. Khoáng hoá vàng trong mạch thạch anh – sunfua dày 0,3m, dài 300m. Tài nguyên dự báo cấp P_1 là: Au 243kg, Ag 1,5 tấn.

- *Cát xây dựng ven sông*: phân bố trong bồi tích tại cửa Sông Hinh đổ ra sông Ba thuộc xã Đức Bình Đông và Sơn Giang. Cát phân bố ven dòng sông với chiều dài hơn 5km, rộng 100-250m. Chiều dày tầng sản phẩm từ 6-7m.

- *Pegmatit Buôn Ken*: xã Ea Bá. Pegmatit là pha đá mạch của phức hệ Bến Giằng - Quế Sơn, phân bố rải rác trên diện tích khoảng 7 -10km². Pegmatit Buôn Ken có chất lượng khá tốt, có thể sử dụng trong sản xuất sứ cách điện và thủy tinh,...

Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có các mỏ đá granit, phụ gia xi măng có thể khai thác phục vụ trong lĩnh vực xây dựng và chế biến đá xuất khẩu.

Tài nguyên khoáng sản huyện Sông Hinh ít phong phú, đa dạng. Ngoài vàng và Pegmatit, đá xây dựng các loại có thể khai thác phục vụ các ngành công nghiệp trong nước và xuất khẩu, các loại khác có trữ lượng thấp.

Trong những năm đến cần điều tra thăm dò, đánh giá lại quy mô, trữ lượng, hàm lượng các mỏ để có biện pháp tổ chức khai thác hợp lý vừa phục vụ phát triển các ngành kinh tế địa phương vừa bảo vệ nguồn tài nguyên bền vững.

1.2. Phân tích hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất

1.2.1. Môi trường đất

Môi trường đất của huyện tương đối tốt, các loại cây trồng trên địa bàn huyện đều cho năng suất khá cao. Tuy nhiên, trồng trọt phát triển mạnh và chiếm tỷ trọng lớn trong nông nghiệp, do vậy hiện tượng xói mòn, rửa trôi làm giảm độ phì nhiêu của đất, các hiện tượng dị thường của khí hậu đã gây ra sự cạn kiệt nước của các dòng sông, suối vào mùa khô và mực nước ngầm giảm dần. Đến mùa mưa, lũ lụt thường xảy ra làm ách tắc giao thông, thiệt hại hoa màu, cây trồng, vật nuôi cũng như nhà cửa của nhân dân trên địa bàn huyện. Nguyên nhân của hiện tượng này chủ yếu do khai thác tài nguyên rừng chưa thực sự gắn liền với đầu tư phục hồi tài nguyên và môi trường, diện tích rừng trong những năm gần đây có tăng nhưng mức tăng chất lượng rừng còn hạn chế, độ dày tán che thấp.

1.2.2. Môi trường nước

Huyện Sông Hinh có nguồn tài nguyên nước dồi dào, có chất lượng tốt, chưa bị ô nhiễm có thể khai thác sử dụng cho mục đích trong sinh hoạt đời sống và sản xuất. Tuy nhiên, đang tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm nguồn nước do nhiều nguyên nhân:

Các cơ sở y tế, sản xuất công nghiệp - TTCN quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, nằm phân tán ở các địa phương, việc đầu tư hệ thống xử lý nước thải chưa được chú trọng đầy đủ là nguy cơ làm ô nhiễm nguồn nước. Đặc biệt, trên địa bàn có nhà máy chế biến tinh bột sắn là nguồn gây ô nhiễm nguồn nước đáng kể, nhưng chưa được xử lý hiệu quả.

Tập quán chăn nuôi thả rông gia súc, gia cầm, chất thải con người không được thu gom, đốt rừng làm nương rẫy, địa hình dốc, vào mùa mưa kéo theo một lượng bùn đất lớn đổ vào các ao hồ và thấm sâu trong lòng đất tác động đến chất lượng nước.

Một số nơi nước ngầm bị nhiễm phèn (*Đức Bình Tây, Đức Bình Đông*).

1.2.3. Môi trường không khí

Môi trường không khí và tiếng ồn của khu vực chủ yếu chịu ảnh hưởng bởi hoạt động sản xuất (do các khí thải độc hại thải ra từ các khu nhà máy,...) và hoạt động lưu thông di chuyển của các phương tiện giao thông vận tải gây tiếng ồn. Tuy nhiên các ảnh hưởng này là không đáng kể.

Hiện tại chưa có kết quả quan trắc môi trường không khí của huyện, tuy nhiên qua khảo sát thực tế cho thấy môi trường không khí, tiếng ồn xung quanh huyện tương đối trong lành và ít có dấu hiệu bị ô nhiễm.

Quản lý về môi trường trong ngành nông nghiệp và khu vực nông thôn được

chú trọng, với các giải pháp thiết thực và khoa học như: Xây dựng các khu chăn nuôi tập trung xa khu dân cư, xa nguồn nước.

Trên địa bàn huyện không có các nhà máy, khu công nghiệp lớn. Rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý theo hình thức chôn lấp tập trung tại bãi rác Buôn Ken, xã Ea Bá. Dân cư chủ yếu tập trung ven đường quốc lộ 29, 19C, đường tỉnh, đường huyện và các trục giao thông chính, mật độ xây dựng thấp, chủ yếu là đất nông nghiệp nên môi trường hiện nay còn khá trong lành là điều kiện tốt để phát triển các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái.

1.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên và môi trường

1.3.1. Yếu tố thuận lợi

Trên địa bàn huyện có các tuyến QL 29, QL 19C, đường Trường Sơn Đông đi qua là cầu nối các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ với các tỉnh Tây Nguyên, tạo điều kiện thuận lợi để trao đổi hàng hoá và liên kết, hợp tác phát triển KT-XH.

Tài nguyên đất đai có nhiều nhóm, loại đất và với các tiểu vùng khí hậu đặc thù phù hợp với nhiều loại cây trồng như: lúa, mỳ, cao su, cà phê, keo, cây ăn quả,..

Tài nguyên khoáng sản không nhiều nhưng có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế của huyện, đặc biệt sản xuất vật liệu xây dựng.

Có nhiều sông lớn, nguồn nước dồi dào nhiều vị trí đã xây dựng hồ, đập đảm bảo yêu cầu nước cho sinh hoạt và các ngành sản xuất trong huyện.

Diện tích đất lâm nghiệp lớn, với nhiều chủng loại động thực vật phong phú, thuận lợi để hình thành các vùng trồng cây nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, cây dược liệu,...

Sông Hinh là một trong những địa bàn chiến lược về quốc phòng của tỉnh và khu vực, là hậu phương vững chắc của các tỉnh Tây Nguyên. Tiếp giáp với hai tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai, thuận lợi mở rộng quan hệ giao lưu trao đổi hàng hoá và hợp tác phát triển.

Về môi trường nói chung khu vực huyện Sông Hinh chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm. Tuy nhiên, hiện nay với việc phát triển nhanh chóng các trang trại chăn nuôi lợn quy mô lớn trên địa bàn huyện đòi hỏi cần có sự kiểm soát chặt chẽ về đảm bảo vệ sinh môi trường trong chăn nuôi, đặc biệt là khâu xử lý nước thải ra môi trường.

1.3.2. Những hạn chế

Địa hình đồi núi dốc, lũ, hạn hán,... dân cư phân bố rải rác và thưa thớt, do đó phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng gặp nhiều khó khăn.

Ngoài sản xuất nông-lâm nghiệp và công nghiệp điện năng, các ngành công nghiệp khác và dịch vụ, du lịch,... chậm phát triển, chưa có tác động mạnh đến quá trình phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Do sức ép của sự gia tăng dân số, phát triển kinh tế-xã hội, cùng với sự khai thác tài nguyên quá mức và những tác động tiêu cực của con người đã và đang gây ra những biến đổi xấu đến môi trường đất, nguồn nước, không khí, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sinh thái của huyện.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

2.1.1. Tăng trưởng kinh tế

Theo Báo cáo tình hình nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh năm 2024. Tổng giá trị sản xuất các ngành (giá so sánh năm 2010) đạt 10.200,0 tỷ đồng, bằng 100,57 % kế hoạch. Trong đó:

- + Giá trị sản xuất Nông-Lâm nghiệp 1.880 tỷ đồng, đạt 100,16 % kế hoạch.
- + Giá trị sản xuất Công nghiệp-TTCN-XD 5.572 tỷ đồng, đạt 100,16 % kế hoạch.
- + Giá trị sản xuất Thương mại-DV 2.740,0 tỷ đồng, đạt 101,67 % kế hoạch.
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn: 117 tỷ đồng, đạt 101,29% tình giao và 83,57 huyện giao. Trong đó: Thu từ tiền sử dụng đất đạt 27,92 tỷ đồng.
- Tổng vốn đầu tư phát triển 800 tỷ đồng, đạt 80% kế hoạch.
- Tổng sản lượng lương thực đạt 26.606 tấn, đạt 95,52% kế hoạch.

2.1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Về cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế: cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển biến tích cực, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp – xây dựng, thương mại -dịch vụ và giảm tỷ trọng nông nghiệp, lâm thủy.

2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

2.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp

a. Sản xuất nông nghiệp

a.1. Trồng trọt

Tổng diện tích gieo trồng 24.020 ha, tăng 4,0% so với kế hoạch. Trong đó:

Cây lương thực có hạt 4.781,8 ha. Trong đó lúa Đông Xuân 1.863,8 ha, năng suất đạt 60,4 tạ/ha; lúa vụ Hè thu 1.744,2 ha, năng suất ước đạt 60,5 tạ/ha; diện tích cây ngô 1.128,8 ha, năng suất bình quân đạt 41,5 tạ/ha. Tổng sản lượng lương thực đạt 26.606 tấn, đạt 95,52% kế hoạch.

Niên vụ 2023-2024: Diện tích mía thu hoạch khoảng 6.391 ha, năng suất bình quân khoảng 70 tấn/ha, sản lượng thu hoạch khoảng 447.370 tấn; Diện tích sản thu hoạch khoảng 9.550 ha, năng suất bình quân 18 tấn/ha, sản lượng đạt khoảng 171.900 tấn.

Thực hiện chủ trương phát triển vùng cây ăn quả trên địa bàn, hiện tại phong trào trồng cây ăn quả trên địa bàn phát triển mạnh, một số cây ăn quả giống mới, giá trị kinh tế cao được khuyến khích phát triển (*mô hình trồng cây ăn quả: cây Sầu riêng, bưởi, cam, dứa, nhãn, vải, ...hiện phát triển tốt*).

Triển khai Nghị quyết 15/2023/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 của HĐND tỉnh về hỗ trợ giống trồng cây ăn quả tại 03 xã Ea Bar, Ea Ly và Ea Trol với diện tích 100 ha giống cây sầu riêng, nguồn kinh phí hỗ trợ dự kiến 1.600 triệu đồng. Hiện nay, tổng diện tích trồng cây ăn quả trên địa bàn huyện đạt trên 2.000 ha, trong đó diện tích trồng sầu riêng khoảng 800 ha, chiếm tỷ lệ khoảng 40% diện tích trồng cây ăn quả.

Đẩy mạnh chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nhân dân đã tổ chức 11 lớp tập huấn về chăm sóc cây sầu riêng, sản xuất lúa nước, ủ phân chuồng và phụ phẩm trong nông nghiệp, xử lý hạt giống lúa trước khi gieo sạ, tiêm phòng cho gia súc... Triển khai mô hình cơ giới hoá hỗ trợ máy thái cỏ và máy làm đất đa năng.

Sản xuất nông nghiệp đã từng bước phát triển sản xuất theo hướng hàng hoá, những năm qua đã tạo được một số sản phẩm có thương hiệu trên thị trường như mía đường, cao su,...

a.2. Chăn nuôi

Tình hình chăn nuôi trên địa bàn huyện cơ bản ổn định; chăn nuôi trang trại công nghệ cao ứng dụng hệ thống sản xuất tự động được phát triển mạnh, hiện trên địa bàn huyện có 12 cơ sở chăn nuôi tập trung đang hoạt động, trong đó có: 07 trang trại chăn nuôi lợn; 04 trang trại chăn gia cầm; 01 trang trại chăn nuôi vịt.

Tổng đàn trâu 253 con, đàn bò 16.713 con, tỷ lệ bò lai ước đạt 60%; đàn lợn thực hiện 44.424 con; đàn gia cầm các loại ước thực hiện 146 ngàn con.

Công tác phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm được quan tâm chú trọng, Tỷ lệ tiêm vắc xin LMLM đạt 84,62% tổng đàn; tỷ lệ tiêm phòng đại chó đạt 34,96% tổng đàn; vắc xin Viêm da nổi cục tiêm được 4.165 con. Thực hiện tốt tháng “Tổng vệ sinh, sát trùng môi trường” phòng, chống dịch bệnh động vật. Tổ chức phun đợt I/2024 là 350 lít, đợt 2/2024 là 290 lít thuốc sát trùng ở tại một số khu vực có nguy cơ cao về dịch bệnh trên địa bàn huyện. Công tác quản lý thuốc thú y, thức ăn, trang trại chăn nuôi, kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ được thực hiện tốt.

b. Ngành lâm nghiệp

Trong năm, tổ chức 708 đợt tuần tra, xử lý 13 vụ (giảm 11 vụ so với cùng kỳ năm 2023). Công tác phát triển rừng được thực hiện có hiệu quả, tổng diện tích rừng trồng năm 2024 trên địa bàn huyện đạt khoảng 822 ha và trồng được 200.000 cây phân tán, nâng tỷ lệ che phủ rừng năm 2024 ước đạt khoảng 45,72%, đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ trồng rừng năm 2024, với diện tích 297,2 ha. Đồng thời, tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia trồng rừng và trồng cây phân tán năm 2024. Tổ chức lễ phát động tết trồng cây “Đời đời nhớ ơn Bác Hồ”, xuân Giáp Thìn 2024.

c. Ngành thủy sản

Công tác nuôi trồng, khai thác thủy sản tiếp tục được quan tâm và chỉ đạo các địa phương vận động, hướng dẫn nhân dân nuôi cá nước ngọt trên các mặt ao hồ và lòng hồ thủy điện. Phối hợp với các địa phương triển khai các dự án nuôi cá nước ngọt như cá Thác lác, cá Lăng,.... Trên địa bàn huyện có 112,74 ha diện tích đất nuôi trồng thủy sản; khoảng 6.000 ha diện tích mặt nước từ 02 hồ chứa 02 công trình thủy điện (hồ chứa sông Hinh và sông Ba) có diện tích mặt nước có thể nuôi trồng thủy sản.

Sản lượng khai thác thủy sản tự nhiên ước đạt 660 tấn/năm.

2.2.2. Khu vực kinh tế Công nghiệp (tiểu thủ công nghiệp-xây dựng)

Giá trị sản xuất CN-TTCN trên địa bàn huyện đạt 3.982,7 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010), tăng 5,3% so năm 2023. Trong đó: Công nghiệp khai thác 78,67 tỷ

đồng, tăng 4,5% so năm trước; Công nghiệp chế biến 2.513,44 tỷ đồng tăng 4,1% so năm trước; Công nghiệp phân phối điện 1.380,78 tỷ đồng tăng 7,8% so cùng kỳ năm trước; Các ngành công nghiệp khác 9,867 triệu đồng tăng 1,1% so năm trước.

2.2.3. Khu vực kinh tế dịch vụ

Hoạt động thương mại dịch vụ tiếp tục duy trì và phát triển. Phối hợp liên ngành tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát giá cả thị trường, hàng hóa khan hiếm, hàng giả, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại. Phối hợp với Sở Công Thương cấp biển hỗ trợ các cửa hàng tiện lợi, quầy hàng xây dựng Điểm bán hàng Việt Nam cố định với tên gọi “Tự hào hàng Việt Nam” tại các xã, trong đó ưu tiên các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới.

- Hoạt động vận tải: Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách thực hiện 87,094 tỷ đồng tăng 7,97% so với năm trước, khối lượng vận chuyển hành khách đạt: 873 ngàn lượt khách, khối lượng vận chuyển hàng hóa đạt: 975 ngàn tấn.

- Hoạt động bưu chính, Dịch vụ viễn thông: Doanh thu hoạt động ước đạt 54,116 tỷ đồng tăng 3,65% so với năm trước.

- Hoạt động ngân hàng: Hoạt động các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn huyện thực hiện tốt huy động, cho vay vốn, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân vay vốn đầu tư phát triển sản xuất.

- Hạ tầng thương mại: tính đến năm 2024 huyện Sông Hinh có 01 chợ trung tâm thương mại tại thị trấn Hai Riêng và các chợ xã để lưu thông và trao đổi hàng hóa. Hình thành mạng lưới buôn bán nhỏ lẻ, trao đổi hàng hoá đến địa bàn thôn đáp ứng một phần nhu cầu về trao đổi hàng hoá.

2.3. Dân số, lao động

Dân số năm 2024 của huyện có trên 52.170 người, với 13.833 hộ. Mật độ dân số 58,44 người/km², trong đó dân số thành thị có trên 11.340 người, chiếm 21,74% tổng dân số.

Về phân bố dân cư: Có sự phân bố không đồng đều giữa thành thị và nông thôn. Năm 2024, quy mô dân số thị trấn là 11.340 người, chiếm 21,74% so dân số toàn huyện; mật độ bình quân 358,65 người/km². Dân số khu vực nông thôn chiếm 78,26%, mật độ dân số bình quân 47,42 người/km²; dân cư sống phân tán theo từng cụm, gần nơi sản xuất; phân bố không đều giữa các địa phương như: Đức Bình Tây 132 người/km²; Ea Bia 107 người/km², Sơn Giang 85 người/km², xã có mật độ dân số thấp nhất là Sông Hinh 10 người/km².

Theo phòng lao động và thương binh và xã hội, tổng số người trong độ tuổi lao động có trên 39.300 người. Tổng số người có việc làm trong các ngành kinh tế có 29.657 người, chiếm 74,69% tổng nguồn lao động; trong đó, lao động nông nghiệp chiếm 80%, còn lại là các ngành khác.

Lồng ghép các dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, đã giải quyết việc làm mới cho 1.721 lao động, đạt 101,2% so với chỉ tiêu tỉnh giao (1.700). Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt của huyện đạt 87%.

Công tác giảm nghèo và bảo trợ xã hội được quan tâm triển khai thực hiện tích cực. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,25%.

2.4. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn

2.4.1. Thực trạng phát triển đô thị

Huyện Sông Hinh có thị trấn Hai Riêng hiện là đô thị loại V, tổng diện tích tự nhiên đất đô thị 3.161,58 ha, chiếm 3,54% DTTN toàn huyện, trong đó đất ở tại đô thị có 67,67 ha, chiếm 2,14% diện tích đất đô thị, với tổng dân số năm 2023 có 11.339 người; mật độ dân số bình quân 358,65 người/km². Theo quy hoạch chung tỉnh đến năm 2030, thị trấn Hai Riêng sẽ trở thành đô thị loại IV với chức năng thị trấn huyện lỵ của huyện Sông Hinh - Trung tâm tổng hợp cấp huyện - Trung tâm tiểu vùng phía Tây của tỉnh kết nối phát triển trực tiếp với vùng Tây Nguyên.

Những năm gần đây tốc độ đô thị hoá diễn ra tương đối nhanh, công tác quy hoạch xây dựng đô thị được coi trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho xây dựng và thực hiện kế hoạch hàng năm, nâng cao hiệu quả đầu tư xã hội; huyện đã lập điều chỉnh quy hoạch chung đô thị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Trên địa bàn thị trấn Hai Riêng có 2 tuyến Quốc lộ 29 và Quốc lộ 19C đi qua thị trấn, đây là hai tuyến đường huyết mạch của Sông Hinh nối với vùng kinh tế Tây Nguyên, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thông thương hàng hóa với TP Tuy Hòa và các tỉnh Bình Định, Khánh Hòa, Gia Lai, Đắk Lắk,...

+ Tuyến Quốc lộ 29 là một quốc lộ mới, được nâng cấp trên cơ sở tỉnh lộ 645 ở Phú Yên và 691 ở Đắk Lắk. Về cơ bản, đường có tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi, gồm 2 làn xe.

+ Tuyến QL19C là tuyến đường bộ liên tỉnh nối liền 4 tỉnh Bình Định, Phú Yên, Đắk Lắk, và Gia Lai. Đây cũng là tuyến đường có tiêu chuẩn là đường cấp IV miền núi với nền đường rộng 7,5m, mặt đường bê tông nhựa rộng 5,5m

- Tỷ lệ đường nội thị được cứng hóa và nhựa hóa trên 90%. 100% tuyến đường từ trung tâm huyện đến trung tâm các xã, thị trấn đã được đầu tư mở rộng, nhựa hóa, bê tông hóa.

- Các trục chính đô thị có hệ thống điện chiếu sáng công cộng đạt trên 50 %.

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt tỷ lệ 100%.

- Tỷ lệ dân cư đô thị được cung cấp nước sạch đạt trên 95%.

- Hiện trạng không gian đô thị phát triển theo trục chính Đông-Tây (QL29) và đã được lập điều chỉnh quy hoạch chung đô thị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (463,03ha).

- Các công trình công cộng khu trung tâm thị trấn phù hợp với quy mô phát triển kinh tế của đô thị.

2.4.2. Thực trạng phát triển khu dân cư nông thôn

- Toàn huyện có 10/10 xã với tổng DTTN đất nông thôn là 86.100,43 ha, chiếm 96,46% diện tích tự nhiên toàn huyện. Trong đó diện tích đất ở tại nông thôn có 358,49 ha, chiếm 0,4% diện tích tự nhiên toàn huyện. Dân số nông thôn

năm 2023 có 40.829 người (chiếm 78,26% % dân số toàn huyện), Mật độ dân số nông thôn 47,42 người/km².

- Có 10/10 khu trung tâm hành chính xã đã được đầu tư cơ bản: đầu tư trụ sở làm việc của xã, trường học, trạm xá,... cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ công tác của hệ thống chính trị cấp xã,...

- 100% tuyến đường từ trung tâm huyện đến trung tâm các xã được nhựa hóa, bê tông hóa, 84,56% đường xã, liên xã.

- Khu vực nông thôn được đầu tư từ chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, đảm bảo 100% dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước đạt tiêu chuẩn nước sạch 85,58%.

- Hệ thống lưới điện được triển khai đến 100% thôn, buôn.

- Rác thải sinh hoạt của 10/10 xã đều được thu gom theo quy định.

- Trung tâm xã Ea Ly được lập quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/2.000 để chuẩn bị cơ sở hạ tầng nâng cấp thành thị trấn của huyện.

- Các khu dân cư nông thôn hiện nay phần lớn phát triển theo hướng tập trung tạo thành các điểm dân cư lớn tại khu trung tâm các xã hoặc dọc theo các trục đường giao thông liên xã, liên thôn nên việc đáp ứng các nhu cầu về điện, nước, giáo dục, y tế,... có nhiều thuận lợi.

Năm 2024, bình quân mỗi xã đạt 15,1 tiêu chí (*trong đó xã Đức Bình Tây, Sông Hình đạt 19 tiêu chí; xã Ea Ly đạt 17 tiêu chí; Đức Bình Đông đạt 16 tiêu chí, Sơn Giang và Ea Trol cùng đạt 15 tiêu chí; xã Ea Bar đạt 14 tiêu chí; xã Ea Bia đạt 13 tiêu chí/xã; xã Ea Lâm đạt 12 tiêu chí; xã Ea Bá đạt 11 tiêu chí*). Trong năm, đã tổ chức lễ công bố quyết định công nhận xã Sông Hình đạt chuẩn NTM, xã Đức Bình Tây đạt chuẩn NTM nâng cao. Đang hoàn thiện hồ sơ tổ chức thẩm tra, xét, công nhận 02 khu dân cư NTM kiểu mẫu, 03 vườn mẫu NTM.

2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

2.5.1. Giao thông

Giao thông của huyện được chú trọng đầu tư, gắn kết mạng giao thông địa phương với các trục giao thông động lực của tỉnh, phục vụ phát triển sản xuất, đi lại giữa các vùng, từ năm 2003 có 100% xã có đường ô tô đi đến trung tâm các xã. Chiều dài đường bộ 340 km, mật độ đường bộ trung bình 0,38 km/km². Trong đó:

- Quốc lộ: có 03 tuyến đường quốc lộ đi qua địa bàn huyện, với tổng chiều dài là 97,07 km, (QL29, QL19C và đường Trường Sơn Đông).

+ Quốc lộ QL29: chất lượng đường tốt, đi qua địa bàn huyện dài 44,27 km, nền đường rộng 7,5m, mặt đường chủ yếu bê tông nhựa rộng 5,5 m, điểm đầu từ xã Sơn Giang điểm cuối xã Ea ly. Đây là trục đường bộ Đông Tây có ý nghĩa quan trọng về phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của tỉnh và các tỉnh Tây Nguyên. Năm 2017, đoạn qua khu trung tâm huyện đã được nâng cấp mở rộng, tạo điều kiện cho việc vận chuyển hàng hóa thuận lợi hơn.

+ Quốc lộ 19C: thuộc trục dọc miền Tây, phần tuyến trên địa bàn huyện dài từ xã Đức Bình Tây đến xã Sông Hình, dài 34,8 km, nền đường rộng 7,5m, mặt

đường bê tông nhựa rộng 5,5m, chất lượng đường tốt. Trong tương lai tuyến này đầu tư hoàn chỉnh và kéo dài về hướng Nam, nối với tỉnh Đắk Lắk tại huyện M'Đrăk trên quốc lộ 26 tạo điều kiện thuận lợi phát triển KT-XH và giao lưu mua bán của huyện với tỉnh Đắk Lắk.

+ Đường Trường Sơn Đông: tổng chiều dài đi qua huyện 19,734 km, đi qua các xã Ea Ly, Ea Bar và Ea Lâm, mặt đường bê tông nhựa, chất lượng đường tốt.

- Đường huyện: Có 13 tuyến, tổng chiều dài 106,64 km, phần lớn có nền đường hẹp, mặt đường đất, cấp phối chiếm tỷ lệ lớn, đã ảnh hưởng đến vận chuyển hàng hoá, đi lại nhất là vào mùa mưa (*có 27,98 km đường BTXM; 8,5 km đường BTN; 33,59km đá nhựa và 36,57 km loại khác*).

- Đường đô thị: Có 32 tuyến nằm trong thị trấn Hai Riêng, tổng chiều dài 23,62 km, phần lớn được nhựa hoá thuận tiện đi lại, tạo mỹ quan đô thị (*có 15,64 km đường bê tông nhựa chiếm 66% tổng số*).

- Đường xã: có 60 tuyến đường, với tổng chiều dài 123,32km. Mạng lưới chưa hoàn chỉnh, một số thôn, buôn, vùng sản xuất chưa có đường ô tô đi lại. Chất lượng đường chưa cao, thiếu công trình cầu, cống, thường ách tắc giao thông vào mùa mưa, lũ ảnh hưởng đến việc vận chuyển hàng hoá và đi lại của người dân (*có 69,78 km đường BTXM; 2,39 km đường BTN; 13,20km đá nhựa; 4,66 km đường cấp phối và 33,29 km loại khác*).

- Bến xe: huyện có 01 bến xe trung tâm đang hoạt động nằm trong thị trấn Hai Riêng. Diện tích 7.783 m², trong đó có 3.000m² bê tông xi măng. 01 bến xe tại xã Ea Ly mới được xây dựng đưa vào hoạt động trong năm 2022.

Nhìn chung, hệ thống giao thông của huyện không đa dạng chủ yếu là đường bộ, đường sông tạm bợ, chưa có đường sắt.

2.5.2. Thủy lợi

Tính đến năm 2024, trên địa bàn huyện có: 13 hồ thủy lợi (*trong đó có hồ Ea Lâm 2 không còn khả năng tưới*); 05 đập dâng; 02 kênh thủy lợi sử dụng nước từ các công trình thủy điện, 05 trạm bơm.

Tổng chiều dài kênh mương của các hồ, trạm bơm trên địa bàn huyện có 116,58 km, đã kiên cố 98,6 km, đạt 84,6%.

a. Cấp nước

* *Cấp nước đô thị*: Nhà máy nước thị trấn Hai Riêng, công suất 3.000 m³/ngày đêm, cấp nước cho thị trấn Hai Riêng, xã Ea Bia và 04 buôn (*xã Ea Trol*). Nhà máy hoạt động tốt, mạng lưới đường ống được phủ khắp thị trấn Hai Riêng và xã Ea Bia, tỷ lệ hộ sử dụng nước máy tại thị trấn Hai Riêng và xã Ea Bia là 100% hộ gia đình. Ngoài ra còn cấp nước cho khoảng 400 hộ thuộc buôn Bàu, buôn Thịnh, buôn Thu và buôn Ly của xã Ea Trol. Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch 99,0%

* *Cấp nước nông thôn*: Ngoài Nhà máy nước thị trấn Hai Riêng, huyện còn có 11 công trình cấp nước tập trung tại các xã, tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch trên địa bàn đạt 85%.

Thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, năm 2017 đầu tư công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại xã Đức Bình Tây, đưa vào sử dụng đảm

bảo cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho 1.000 hộ dân trên địa bàn xã. Hiện đang triển khai xây dựng hệ thống nước sạch xã Ea Bar; Cấp nước sạch xã Đức Bình Đông, xã Sơn Giang và buôn Nhum xã Ea Bia. Ngoài các công trình cấp nước trên còn có các giếng đào, giếng khoan và bể hứng nước mưa phục vụ nước sinh hoạt cho nhân dân,...

b. Thoát nước

** Thoát nước đô thị:* Cơ sở hạ tầng thoát nước tại thị trấn Hai Riêng đầu tư cải tạo, sửa chữa, xây dựng hệ thống thoát nước chưa đồng bộ, chưa phù hợp với tốc độ xây dựng, mở rộng quy mô đô thị. Hệ thống thoát nước hiện tại có phạm vi phục vụ hẹp, chỉ có đường cống, rãnh, mương nắp đan thoát nước dọc theo tuyến đường chính, đoạn dọc qua trung tâm thị trấn, chủ yếu thu gom nước mưa, nước thải ở thị trấn thoát theo rãnh, công hoặc chảy tràn trên các tuyến đường rồi chảy xuống sông, suối,... thiếu công trình xử lý nước thải.

** Thoát nước tại các điểm dân cư nông thôn:* Ở các điểm dân cư nông thôn, việc thoát nước diễn ra tự nhiên, thoát theo địa hình. Nước mưa, nước thải thoát ra vườn, tự thấm xuống và tự chảy ra tập trung một góc vườn, xuống ao hay thoát theo rãnh dọc các tuyến đường, chảy ra suối, sông, hồ,...

2.5.3. Công trình năng lượng

Hệ thống điện trên địa bàn vận hành ổn định đảm bảo cung cấp điện năng. Điện lưới quốc gia đã được đưa về 100% xã trên địa bàn huyện, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đến năm 2024 trên đạt 98,5%.

Hệ thống cấp điện sinh hoạt tập trung được xây dựng và đưa vào hoạt động. Đã nâng cấp lưới điện sửa chữa, thay thế lại các tuyến đường dây trung áp, thiết bị không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Điện lưới phủ đến thôn, buôn tạo điều kiện phát triển các hoạt động thương mại dịch vụ, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề,... tạo ra nhiều việc làm mới, tăng thu nhập, góp phần nâng cao mức sống người dân, từ đó thay đổi bộ mặt thị trấn, nông thôn.

Trên địa bàn huyện có 02 nhà máy thủy điện, bao gồm: thủy điện Sông Hinh công suất 70MW, hàng năm sản xuất khoảng 390 triệu Kwh và thủy điện Krông H'Năng công suất 64MW hàng năm sản xuất khoảng 274 triệu Kwh đã hoà vào lưới điện quốc gia. Ngoài ra, còn có công trình thủy điện Sông Ba Hạ thuộc địa phận 3 huyện: Sơn Hòa và Sông Hinh tỉnh Phú Yên và huyện Krông Pa tỉnh Gia Lai, với công suất 220 MW.

2.5.4. Bưu chính viễn thông, phát thanh, truyền hình và chuyển đổi số.

a. Bưu chính: Mạng lưới bưu chính trên địa bàn có bước phát triển khá. Các điểm phục vụ bưu điện mở rộng đến 100% xã trên địa bàn, tăng số lượng dịch vụ đến các điểm dân cư, giảm số dân phục vụ bình quân trên một điểm bưu điện. Các dịch vụ chuyển phát nhanh dần thay thế bưu chính truyền thống để đáp ứng tốt hơn nhu cầu người sử dụng.

Hiện nay có 1 bưu điện trung tâm huyện, 11 điểm bưu điện văn hoá xã, với bán kính phục vụ bình quân 4,85 km/1 điểm, số dân phục vụ bình quân 4.208 người/1 điểm. Nhìn chung, các dịch vụ mới chưa được cung cấp rộng rãi ở các bưu điện văn hoá xã, chỉ có ở bưu điện trung tâm huyện.

b. Viễn thông: Mạng viễn thông phát triển khá, phục vụ đầy đủ các loại hình viễn thông, có thể nâng cấp đáp ứng các dịch vụ mới. Hệ thống truyền dẫn quang đã đến trung tâm huyện và cáp quang có thể mở rộng cho các tuyến xã. Hệ thống thông tin di động với 5 trạm thu phát sóng BTS đã phủ sóng đến 100% xã. Mạng cung cấp dịch vụ Internet đã đến 11/11 xã, thị trấn.

Nhìn chung, các điểm bưu điện văn hoá xã còn thiếu trang thiết bị, mạng thông tin di động một số nơi sóng còn yếu và dịch vụ Internet hiệu quả chưa cao. Các dịch vụ liên quan đến thương mại điện tử, trợ giúp sản xuất,... đã được người dân tiếp cận, nhưng chưa nhiều.

c. Phát thanh truyền hình

Hệ thống phát thanh truyền hình không ngừng được mở rộng đáp ứng nhu cầu hưởng thụ về mặt tinh thần của người dân địa phương.

Công tác thông tin, tuyên truyền tiếp tục được đẩy mạnh với nhiều tin, bài nội dung phong phú, hình thức đa dạng (Đài truyền thanh huyện, đài truyền thanh xã; trên cổng/trang thông tin điện tử; xe lưu động, trên mạng xã hội: Zalo, facebook, YouTube, với 3.255 tin, 635 bài, 145 ảnh, 27 video và trên 1500m2 tuyên truyền bằng panô; trong đó Trung tâm VH-TT huyện 2.600 tin, 550 bài, 26 chương trình phát thanh tiếng Ê đê và 6 đợt tuyên truyền phòng chống dịch COVID-19 bằng xe lưu động). Đã phản ánh đầy đủ, kịp thời tình hình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng

Bên cạnh đó, đã xây dựng và duy trì tốt chương trình phát thanh tiếng Ê đê trên Đài phát thanh huyện đáp ứng kịp thời nhu cầu thông tin của nhân dân, kịp thời tuyên truyền các ngày lễ lớn, các sự kiện trọng đại của đất nước và địa phương, vận động thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các nhiệm vụ chính trị từ huyện đến cơ sở.

d. Lĩnh vực chuyển đổi số: Đẩy mạnh chuyển đổi số trên các lĩnh vực chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Đến nay, việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước đã đi vào nền nếp, ổn định, chất lượng và đạt được nhiều kết quả, 100% cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng Hệ thống QLVBĐH iOffice phiên bản V5 và trên 97% công chức sử dụng chữ ký số chuyên dùng của Ban Cơ yếu Chính phủ, 98% cán bộ, công chức xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử; một số phần mềm ứng dụng được áp dụng như Thi đua - Khen thưởng, Lưu trữ hồ sơ điện, chấm điểm hoạt động UBND cấp xã; tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục củng cố, kiện toàn và phát huy vai trò ở cơ sở góp phần nâng cao nhận thức và hỗ trợ, hướng dẫn người dân chuyển đổi số. Lĩnh vực bảo đảm an toàn thông tin có chuyển biến tích cực, như cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc tập trung, Hệ thống hội nghị trực tuyến, các trang thông tin điện tử đã được tỉnh phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin; đặt biệt đã phối hợp với Sở TT&TT tổ chức thành công diễn tập “thực chiến an toàn thông tin, ứng cứu sự cố” tỉnh Phú Yên năm 2024.

2.5.5. Cơ sở văn hoá

Công tác gia đình và Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và hoạt động thể dục, thể thao tiếp tục duy trì và phát triển, nhiều mô hình mới, cách làm hay, nhiều điển hình tiên tiến trong xây dựng môi trường văn hóa cơ sở được phát huy, nhân rộng. Đội văn nghệ truyền thống, CLB sinh hoạt văn hóa

dân gian, CLB văn hóa - thể thao được thành lập hầu hết tại các Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, buôn, khu phố; 100% thôn, buôn đồng bào dân tộc thiểu số được trang bị nhạc cụ dân tộc truyền thống phù hợp (hoàn thành nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đề ra); 80% thôn, buôn có trang phục truyền thống; hoàn thành công tác đặt, đổi tên đường trên địa bàn thị trấn Hai Riêng.

Hiện nay, tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa đạt 90%; có 93,0% thôn, buôn, khu phố đạt văn hóa và 93,0% gia đình văn hóa. Công tác bảo tồn, bảo tàng và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống được quan tâm thực hiện và đạt được những kết quả bước đầu. Đang xây dựng “Đề án phát triển du lịch văn hóa cộng đồng buôn Lê Diêm đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hoá và các điểm cung cấp dịch vụ văn hoá được tăng cường. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư đi vào chiều sâu, xoá bỏ dần các thủ tục mê tín dị đoan, tập quán lạc hậu.

Tổng diện tích đất xây dựng cơ sở văn hoá là 2,57 ha.

2.5.6. Cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Theo Trung tâm y tế huyện Sông Hinh, hệ thống cơ sở y tế phát triển trên cả 3 mặt: Xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị y tế và đào tạo cán bộ chuyên môn. Trên địa bàn huyện có 12 cơ sở y tế, gồm: 01 bệnh viện đa khoa cấp huyện và 11 trạm y tế tuyến xã.

Hoạt động y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng đã đạt được kết quả tốt, đã đầu tư nâng cấp bệnh viện đa khoa lên 80 giường bệnh, năng lực khám chữa bệnh của các cơ sở y tế ngày càng tốt hơn, tỷ lệ bác sỹ đạt 6 bác sỹ/vạn dân. Các chương trình y tế quốc gia và công tác phòng chống dịch bệnh thực hiện có hiệu quả.

Tính đến 25/10/2024, ghi nhận 211 ca mắc sốt xuất huyết, 06 ổ dịch, 01 trường hợp tử vong, so với cùng kỳ năm 2023: số ca mắc giảm 154 ca (giảm 42,2%), số ổ dịch giảm 29 ổ dịch (giảm 82,9%), tử vong tăng 1 trường hợp; 28 ca thủy đậu, giảm 09 ca so với cùng kỳ năm 2023; 32 ca tay chân miệng, 01 ổ dịch tay chân miệng. So với cùng kỳ năm 2023: số ca mắc giảm 13 ca, số ổ dịch giảm 03 ổ dịch. Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân, đã khám cho 135.704 lượt bệnh nhân (đạt 96,93 % KH năm); điều trị nội trú 4.134 bệnh nhân (đạt 84,99 KH năm).

Công tác truyền thông dân số, kế hoạch hóa gia đình; phòng, chống HIV/AIDS, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn huyện được thực hiện thường xuyên. Công tác tiêm chủng mở rộng được tập trung thực hiện, tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ là 99,2%, tăng 2,1% so với năm 2023.

- Diện tích sử dụng đất của ngành y tế 4,65 ha đạt 0,89 m²/người (định mức 0,65-0,76m²/người), cơ bản đã đáp ứng nhu cầu sử dụng đất.

2.5.7. Cơ sở giáo dục - đào tạo

Các cấp học triển khai thực hiện hoàn thành, nội dung, chương trình niên học 2023-2024 theo đúng kế hoạch và đảm bảo chất lượng. Công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 1090/1099 HS, đạt tỷ lệ: 99,2 %; Công nhận Tốt nghiệp trung học cơ sở: 823/833 HS, đạt tỷ lệ 98,8%. Công tác tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT

quốc gia năm 2024 diễn ra an toàn, nghiêm túc, kết quả thi tốt nghiệp THPT đạt 99,55% (tăng 2,84% so với năm 2023). Tổ chức Tổng kết hoạt động giáo dục năm học 2023-2024 và triển khai nhiệm vụ năm học 2024-2025. Chỉ đạo các đơn vị trường triển khai tu sửa cơ sở vật chất phục vụ năm học mới 2024-2025; thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo phòng, chống dịch trong cộng đồng, vệ sinh trường lớp chuẩn bị năm học mới 2024-2025.

Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được quan tâm chỉ đạo thực hiện, hiện nay có 18/27 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 66,67% (trong đó Mầm non: 10 trường; Tiểu học: 02 trường; Tiểu học và THCS: 03 trường; THCS: 03 trường)

Diện tích sử dụng đất của ngành giáo dục- đào tạo 65,04 ha, đạt 12,50m²/người (*định mức 4,54-6,09m²/người*). Tuy nhiên, vẫn còn một số trường học có diện tích hẹp, cần được mở rộng để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất.

2.5.8. Cơ sở thể dục - thể thao

- Theo phòng Văn hóa-thông tin: hoạt động thể dục thể thao thông qua các lễ hội vẫn được duy trì hàng năm và ngày càng phát triển về quy mô và chất lượng, đã trở thành ngày hội giao lưu văn hoá giữa các dân tộc, góp phần nâng cao thể lực, ý chí, tinh thần đoàn kết giữa các thôn buôn.

- Thường xuyên tổ chức các giải thi đấu bóng đá, bóng chuyền,... liên huyện, liên thôn tạo sân chơi lành mạnh cho thanh thiếu niên.

- Tham gia chương trình tuần lễ Văn hóa-Du lịch tỉnh Phú Yên. Tham gia các giải thể dục thể thao do tỉnh tổ chức,...

Nhìn chung, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hoạt động văn hoá còn thiếu và yếu. Trên địa bàn huyện hiện nay chỉ có 30% số xã có trung tâm văn hóa. Các xã còn lại, sân chơi cho thanh thiếu niên, các hoạt động văn hoá văn nghệ phải sử dụng hội trường UBND xã tổ chức và chưa thu hút quần chúng.

- Diện tích sử dụng đất cơ sở thể dục thể thao 14,30 ha, đạt 2,75m²/người (*định mức 2,89-3,61m²/người*), thấp hơn định mức và hiện nay còn một số xã chưa có đất cơ sở thể dục thể thao như Ea Lâm, Ea Bá, Sông Hinh.

2.5.9. Cơ sở nghiên cứu khoa học và đất cơ sở về dịch vụ xã hội

- Các công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn huyện chưa phát triển và hiện tại vẫn chưa có quỹ đất dành riêng cho mục đích dịch vụ về nghiên cứu khoa học.

- Các công trình dịch vụ xã hội như khu nuôi dưỡng người già, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn,... trên địa bàn huyện chưa phát triển. Chỉ có các dịch vụ tổ chức lễ cưới phục vụ nhu cầu của người dân gắn với các nhà hàng, khách sạn,... Hiện tại huyện vẫn chưa có quỹ đất dành riêng cho mục đích dịch vụ về xã hội.

2.5.10. Chợ

Đến năm 2024 trên địa bàn huyện có 07 chợ, bình quân 7.583 m²/chợ, diện tích đất các chợ hiện có đều đảm bảo nhu cầu sử dụng đất. Trong đó có 01 chợ hạng 2 (chợ trung tâm huyện); 06 chợ hạng 3. Lưu lượng người mua bán bình quân khoảng 450-500 lượt người/ngày, bình quân một chợ phục vụ 8.416 dân, số hộ buôn bán cố định thường xuyên bình quân 60 hộ/chợ.

Tổng diện tích đất chợ toàn huyện đang sử dụng có 4,77 ha, bình quân 0,92 m²/người; so với định mức quy định 1,13-1,66 m²/người, chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng đất và nhiều xã chưa xây dựng chợ như Sông Hình, Ea Trol, Ea Bá, Ea Bar.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

3.1. Những lợi thế

Qua phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội, huyện Sông Hình có một số lợi thế so với các huyện miền núi lân cận:

- Lợi thế về nguồn nước: Có nhiều sông lớn, nguồn nước dồi dào nhiều vị trí xây dựng hồ, đập đảm bảo yêu cầu nước cho sinh hoạt và các ngành sản xuất trong huyện.

- Lợi thế về đất đai và khí hậu: Quỹ đất phát triển nông nghiệp lớn chiếm trên 85% diện tích tự nhiên, đất đai phì nhiêu, phù hợp với nhiều loại cây trồng, đặc biệt là các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như: mía, cao su, cà phê và cây ăn quả,...

- Nằm trong vùng có mưa nhiều, nền nhiệt độ cao, chế độ gió, độ ẩm, ánh sáng dao động trong phạm vi thích hợp với nhiều loại cây trồng, vật nuôi.

- Quỹ đất phát triển các trang trại, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp còn nhiều tiềm năng phát triển để thu hút đầu tư.

- Lợi thế về tài nguyên rừng: Diện tích đất lâm nghiệp lớn, với nhiều chủng loại động thực vật phong phú, thuận lợi để hình thành các vùng trồng cây nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, cây dược liệu...

- Lợi thế về địa lý: Sông Hình là một trong những địa bàn chiến lược về quốc phòng của tỉnh và khu vực, là hậu phương vững chắc của các tỉnh Tây Nguyên. Tiếp giáp với hai tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai, thuận lợi mở rộng quan hệ giao lưu trao đổi hàng hoá và hợp tác phát triển.

- Lợi thế về những thành tựu đã đạt được trong thời gian qua: Được sự quan tâm của Trung ương và tỉnh, những năm qua tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đến nay các công trình thủy điện lớn, thủy lợi, giao thông, hệ thống lưới điện, thông tin liên lạc, các công trình phúc lợi xã hội,... cơ bản đã phủ kín các xã tạo thuận lợi để phát triển kinh tế và thu hút đầu tư từ bên ngoài,...

3.2. Những hạn chế

- Địa hình đồi núi dốc, lũ quét, hạn hán,... Dân cư phân bố phân tán, do đó phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng gặp nhiều khó khăn.

- Ngoài nông lâm nghiệp và công nghiệp điện năng, các ngành công nghiệp khác và dịch vụ, du lịch...chậm phát triển, chưa có tác động mạnh đến quá trình phát triển kinh tế xã hội của huyện.

- Kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư nhưng còn thiếu và yếu so với nhu cầu của xã hội, đặc biệt là giao thông, thủy lợi, điện, nước sinh hoạt...vì vậy chưa tạo môi trường hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư.

- Tích lũy nội bộ cho đầu tư còn hạn chế, thu ngân sách không đủ chi thường xuyên, khả năng thu hút đầu tư từ bên ngoài chưa cao. Khả năng ứng dụng

khoa học công nghệ vào sản xuất chưa sâu rộng, quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn nhiều lúng túng. Sản lượng sản phẩm sản xuất ra ít, chất lượng chưa cao và thiếu định hướng thị trường tiêu thụ.

IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

4.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 (chi tiết xem Biểu số 01/CH)

Theo kết quả thống kê năm 2023 và kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất trong năm 2024, diện tích đất đang được sử dụng cho các mục đích có 88.660,97 ha, chiếm 99,33 % tổng diện tích tự nhiên, còn lại 601,04 ha đất chưa sử dụng, chiếm 0,67% tổng diện tích tự nhiên. Chi tiết tại biểu 01 sau:

Biểu 01: Hiện trạng sử dụng đất huyện Sông Hình năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(3)*100
	Tổng diện tích tự nhiên (1+2+3)		89.262,01	100,00
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	76.310,47	85,49
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.055,30	2,30
-	Đất chuyên trồng lúa	LUC	1.447,19	1,62
-	Đất trồng lúa còn lại	LUK	608,11	0,68
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	26.071,85	29,21
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	13.166,87	14,75
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	20.948,29	23,47
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	13.777,60	15,44
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>5.510,18</i>	<i>6,17</i>
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	112,74	0,13
1.7	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	177,82	0,20
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	-
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	12.350,50	13,84
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	364,02	0,41
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	68,37	0,08
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,56	0,02
2.4	Đất quốc phòng	CQP	1.029,13	1,15
2.5	Đất an ninh	CAN	2,40	0,00
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	89,01	0,10
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,57	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,65	0,01
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	65,05	0,07
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	15,17	0,02
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,57	0,00
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	101,49	0,11
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	3,52	0,00
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	8,75	0,01
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	60,76	0,07
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	28,47	0,03
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	8.228,51	9,22
-	Đất công trình giao thông	DGT	972,69	1,09
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	540,57	0,61

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	1,00	0,00
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	4,13	0,00
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	6.678,32	7,48
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,93	0,00
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	4,77	0,01
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	26,12	0,03
2.9	Đất tôn giáo	TON	3,62	0,00
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	0,62	0,00
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	81,34	0,09
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	2.359,32	2,64
-	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	49,15	0,06
-	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.310,17	2,59
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,11	0,00
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	601,04	0,67

Nguồn: Thống kê đất đai năm 2023 - Phòng TN&MT.

Kết quả rà soát dự án, công trình thực hiện năm 2024 trên địa bàn huyện.

a. Đất nông nghiệp

Đất nông nghiệp có 76.310,47 ha, chiếm 85,49 % tổng diện tích tự nhiên.

Trong đó:

- Đất trồng lúa: Có diện tích 2.055,30 ha, chiếm 2,69 % đất nông nghiệp, phân bố ở tất cả các xã.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Có diện tích 26.071,85 ha, chiếm 34,17 34,17% đất nông nghiệp. Đất trồng cây hàng năm phân bố ở hầu hết các xã.

- Đất trồng cây lâu năm: Có diện tích 13.166,87 ha, chiếm 17,25 % đất nông nghiệp, phân bố ở hầu hết các xã.

- Đất rừng phòng hộ: Có diện tích 20.948,29 ha, chiếm 27,45 % đất nông nghiệp, phân bố ở xã Sông Hình, Ea Trol và Ea Bar. Đất rừng phòng hộ trên địa bàn huyện chủ yếu là do Ban quản lý rừng phòng hộ quản lý, sử dụng.

- Đất rừng sản xuất: Có diện tích 13.777,60 ha, chiếm 18,05 % đất nông nghiệp, phân bố ở 09/11 xã, thị trấn (trừ thị trấn Hai Riêng và xã Đức Bình Tây không có rừng sản xuất), tập trung chủ yếu ở xã Sông Hình, Ea Trol, Ea Ly,...

Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên: Có 5.510,18 ha. Phân bố ở xã Ea Trol 1.515,02 ha, Sông Hình 3.323,10 ha và Ea Ly 672,06 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Có diện tích 112,74 ha, chiếm 0,15 0,15% đất nông nghiệp, phân bố ở hầu hết các xã, thị trấn. Đất nuôi trồng thủy sản chủ yếu là các ao của hộ gia đình.

- Đất chăn nuôi tập trung: Có diện tích 177,82 ha, chiếm 0,20 % đất nông nghiệp, phân bố ở các xã Ea Lâm, Ea Trol, Ea Bar, Đức Bình Đông, thị trấn và Sơn Giang.

b. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp có 12.350,50 ha, chiếm 13,84 % diện tích tự nhiên.

Trong đó:

- Đất ở tại nông thôn: Có diện tích 364,02 ha, chiếm 2,95 % diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất ở tại đô thị: Có diện tích 68,37 ha chiếm 0,55 % diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Có diện tích 18,56 ha, chiếm 0,15 % diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất quốc phòng: Có diện tích 1.029,13 ha, chiếm 8,33 % diện tích đất phi nông nghiệp, tập trung ở các xã Ea Trol, Sông Hinh, Đức Bình Đông, Đức Bình Tây, Ea Bar và thị trấn Hai Riêng.

- Đất an ninh: Có diện tích 2,40 ha, chiếm 0,02 % diện tích đất phi nông nghiệp, phân bố ở thị trấn Hai Riêng.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp 89,01 ha, chiếm 0,72 % diện tích đất phi nông nghiệp

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 101,49 ha, chiếm 0,82 % diện tích đất phi nông nghiệp Trong đó:

+ Đất cụm công nghiệp: Có diện tích 3,52 ha, chiếm 0,03 % diện tích đất phi nông nghiệp, phân bố ở xã Ea Bia.

+ Đất thương mại, dịch vụ: Có diện tích 8,75 ha, chiếm 0,07 % diện tích đất phi nông nghiệp.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Có diện tích 60,76 ha, chiếm 0,49 % diện tích đất phi nông nghiệp. Chủ yếu là diện tích đất các nhà máy như: nhà máy chế biến phân vi sinh Phúc Trường Thịnh (Ea Ly), xưởng chế biến Cà phê và phân hữu cơ vi sinh (Ea Bar), nhà máy tinh bột sắn Fococov Sông Hinh (Ea Bia), nhà máy chế biến gỗ keo, ván ép (Đức Bình Tây, Ea Trol) và các cơ sở chế biến cao su, đá Granit,...

+ Đất cho hoạt động khoáng sản: Có diện tích 28,47 ha, chiếm 0,23 % diện tích đất phi nông nghiệp, phân bố ở thị trấn Hai Riêng, xã Ea Ly, xã Ea Bar, Đức Bình Đông và Sơn Giang.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Trong cơ cấu đất phi nông nghiệp, loại đất này chiếm tỷ trọng cao (trên 66,62 %) với diện tích 8.228,51 ha. Trong đó chiếm tỷ lệ lớn có đất sử dụng cho các mục đích năng lượng (diện tích 6.678,32 ha, chiếm 81,16 % đất sử dụng vào mục đích công cộng), giao thông (chiếm 11,82 % đất sử dụng vào mục đích công cộng) và thủy lợi (chiếm 6,57 % đất sử dụng vào mục đích công cộng); các mục đích còn lại như đất công trình cấp nước, thoát nước, Đất công trình xử lý chất thải, Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công

cộng, Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối, Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng chiếm tỷ lệ nhỏ.

- Đất tôn giáo: Có diện tích 3,62 ha, chiếm 0,03 % diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Có diện tích 0,62 ha.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 81,34 ha, chiếm 0,66 % diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Có diện tích 2.310,17 ha, chiếm 18,71 % diện tích đất phi nông nghiệp

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Có diện tích 49,15 ha, chiếm 0,40 % diện tích đất phi nông nghiệp, chủ yếu là diện tích hồ trung tâm thị trấn Hai Riêng và hồ Ea Lâm 2.

- Đất phi nông nghiệp khác: Có diện tích 4,11 ha, chiếm 0,03 % diện tích đất phi nông nghiệp.

c. Đất chưa sử dụng

- Toàn huyện còn 601,04 ha đất chưa sử dụng, chiếm 0,67 % diện tích đất tự nhiên, trong đó:

- Đất bằng chưa sử dụng: có 376,30 ha, chiếm 62,61 % diện tích đất CSD.

- Đất đồi núi chưa sử dụng: có 224,74 ha, chiếm 37,39 % đất chưa sử dụng.

4.2. Biến động sử dụng các loại đất năm 2023 - 2024

Năm 2024 tổng diện tích tự nhiên trong địa giới hành chính của huyện có 89.262,01 ha, không biến động so với năm 2023, tình hình biến động đất đai của huyện năm 2024 so với năm 2023 qua biểu sau:

Biểu 02: Biến động sử dụng đất năm 2024 so với năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2023	Tổng diện tích năm 2024 (ha)	
				Diện tích	Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	Tổng diện tích tự nhiên (1+2+3)		89.262,01	89.262,01	0,00
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	76.321,54	76.310,47	-11,07
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.055,44	2.055,30	-0,14
-	Đất chuyên trồng lúa	LUC	1.447,19	1.447,19	0,00
-	Đất trồng lúa còn lại	LUK	608,25	608,11	-0,14
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	26.101,66	26.071,85	-29,81
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	13.197,44	13.166,87	-30,57
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	20.948,29	20.948,29	0,00
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	13.777,60	13.777,60	0,00
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	5.510,18	5.510,18	0,00
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	112,74	112,74	0,00
1.7	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	128,37	177,82	49,45
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	-	0,00
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	12.339,43	12.350,50	11,07

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2023	Tổng diện tích năm 2024 (ha)	
				Diện tích	Tăng (+), giảm (-)
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	358,49	364,02	5,53
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	67,67	68,37	0,70
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,56	18,56	0,00
2.4	Đất quốc phòng	CQP	1.029,13	1.029,13	0,00
2.5	Đất an ninh	CAN	2,40	2,40	0,00
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	89,01	89,01	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,57	2,57	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,65	4,65	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	65,05	65,05	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	15,17	15,17	0,00
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,57	1,57	0,00
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	98,53	101,49	2,96
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	3,52	3,52	0,00
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	8,70	8,75	0,05
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	57,85	60,76	2,91
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	28,47	28,47	0,00
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	8.227,23	8.228,51	1,28
-	Đất công trình giao thông	DGT	971,41	972,69	1,28
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	540,57	540,57	0,00
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	1,00	1,00	0,00
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	4,13	4,13	0,00
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	6.678,32	6.678,32	0,00
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,93	0,93	0,00
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	4,77	4,77	0,00
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	26,12	26,12	0,00
2.9	Đất tôn giáo	TON	3,62	3,62	0,00
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	0,62	0,62	0,00
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	80,74	81,34	0,60
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	2.359,32	2.359,32	0,00
-	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	49,15	49,15	0,00
-	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.310,17	2.310,17	0,00
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,11	4,11	0,00
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	601,04	601,04	0,00

Nguồn: - Kết quả TKĐĐ năm 2023 - Phòng TN&MT.

- Kết quả điều tra, tổng hợp thực hiện các công trình, dự án, hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích trong năm 2024.

a. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp năm 2024 có 76.310,47 ha, giảm 11,07 ha so với năm 2023, do chuyển sang đất phi nông nghiệp, cụ thể các loại đất tăng, giảm như sau:

- Đất trồng lúa: Năm 2024 giảm 0,14 ha so với năm 2023, do chuyển sang đất ở của hộ gia đình.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Năm 2024 giảm 29,81 ha so với năm 2023, giảm do chuyển sang đất phi nông nghiệp (trong đó chuyển sang đất ở 4,42 ha, Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 2,41 ha, đất giao thông 1,20 ha và Đất nghĩa trang 0,60 ha) và nội bộ đất nông nghiệp (đất chăn nuôi tập trung 21,18 ha)

- Đất trồng cây lâu năm: Năm 2024 giảm 30,57 ha so với năm 2023, giảm do chuyển sang đất thương mại dịch vụ (0,18 ha), Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,50 ha, đất giao thông (0,08 ha) và chuyển sang đất ở 1,67 ha và đất chăn nuôi tập trung 28,27 ha.

- Các loại đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác: Năm 2024 không biến động so với năm 2023.

- Đất chăn nuôi tập trung: Năm 2024 tăng 49,45 ha so với năm 2023.

b. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp trong năm 2024 tăng 11,07 ha so với năm 2023, tăng do chuyển từ đất nông nghiệp sang, cụ thể diện tích tăng, giảm các loại đất như sau:

- Đất ở nông thôn tăng 5,53 ha so với năm 2023, từ đất trồng lúa 0,14 ha, đất trồng cây hàng năm 3,87 ha, 1,52 ha từ đất trồng cây lâu năm.

- Đất ở đô thị tăng 0,70 ha so với năm 2023, tăng từ đất trồng cây hàng năm 0,55 ha và 0,15 ha từ đất trồng cây lâu năm.

- Đất thương mại dịch vụ tăng 0,05ha, chuyển từ đất trồng cây lâu năm.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 2,91 ha, chuyển từ đất trồng cây hàng năm và cây lâu năm.

- Đất giao thông tăng 1,28 ha, chuyển từ đất trồng cây hàng năm và cây lâu năm.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 0,60 ha, chuyển từ đất trồng cây hàng năm.

- Các loại đất phi nông nghiệp còn lại năm 2024 không biến động so với năm 2023.

c. Đất chưa sử dụng: Tổng diện tích đất chưa sử dụng năm 2024 có 601,04 ha, không biến động so với năm 2023.

4.3. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước (năm 2024)

Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, huyện đã lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, được UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt tại Quyết định số 1855/QĐ-UBND, ngày 31/12/2023 và Quyết định số 507/QĐ-UBND, ngày 17/4/2024 của UBND tỉnh Phú Yên v/v cho phép thực hiện, cập nhật vào Kế

hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Sông Hinh, huyện Tuy An (đợt 2). Đây là một trong những căn cứ pháp lý và cơ sở quan trọng để tỉnh và huyện thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, phục vụ tăng trưởng kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường và quốc phòng, an ninh của huyện. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện như sau:

4.3.1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất

a. Đánh giá kết quả thực hiện theo công trình, dự án (công trình, dự án năm 2024 đã thực hiện, chuyển tiếp sang năm 2025 và loại bỏ ra ngoài kế hoạch năm 2025).

a.1. Đánh giá kết quả thực hiện theo tổng số công trình, dự án trong kế hoạch năm 2023 đã được phê duyệt.

Năm 2024, đăng ký thực hiện 100 hạng mục công trình, dự án (trong đó bổ sung 02 hạng mục tại Quyết định số 507/QĐ-UBND, ngày 17/4/2024 của UBND tỉnh Phú Yên). Kết quả số công trình đã, đang triển khai thực hiện được 78/100 công trình, đạt 78,00 % tổng số hạng mục công trình, dự án; Diện tích đã thực hiện 149,32 ha/1.861,01ha, đạt 8,02% tổng diện tích đã đăng ký (Tỷ lệ diện tích thực hiện đạt thấp là do năm 2024 có nhiều hạng mục công trình, dự án có diện tích đăng ký lớn nhưng thực hiện thấp hoặc chưa thực hiện được, như: đất chăn nuôi tập trung để phát triển các trang trại chăn nuôi; các tuyến đường giao thông-Dự án Criem; Giao, cho thuê đất nông nghiệp, lâm nghiệp theo DCQH 3 loại rừng; Giao đất, cho thuê đất thu hồi của Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Bá).

Trong đó có 10 công trình đã hoàn thành giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất (trong đó có 02 hạng mục sẽ tiếp tục đăng ký chỉ tiêu cho năm 2025: Giao đất, cho thuê đất nông nghiệp khu vực đã đưa ra khỏi ĐCQH 3 loại rừng, đạt 32,01 % diện tích đăng ký; Giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp theo ĐCQH 3 loại rừng, đạt 19,43% diện tích đăng ký), đạt 10,0 % tổng số hạng mục công trình, dự án. Cụ thể các công trình đã hoàn thành như sau:

Biểu 03: Danh mục công trình, dự án năm 2024 đã thực hiện

TT	Hạng mục	Địa điểm	D. tích kế hoạch (ha)	D. tích thực hiện (ha)
1	Đường nội đồng từ QL 19C đi đồng ruộng buôn Đức Mùi	Ea Trol	0,80	0,80
2	Mở rộng đường nội đồng từ hồ Buôn Đức đi QL 19C	Ea Trol	0,80	0,80
3	Mở rộng nghĩa địa buôn Nhum	Ea Bia	0,60	0,60
4	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn dự án Quy hoạch lô 2, khu dân cư thôn Tân Lập, xã Đức Bình Đông	Đức Bình Đông	0,32	0,32
5	Đường nội đồng đoạn từ đường liên xã Ea Bá - Ea Lâm đến giáp đường nội đồng 75	Ea Lâm	1,28	1,28
6	Trang trại chăn nuôi Tổ Hợp Xanh	Ea Ly	26,27	26,27
7	Trang trại chăn nuôi heo Ea Bar 1	Buôn Ken, Ea Bá, Buôn Trinh xã Ea	23,18	23,18

TT	Hạng mục	Địa điểm	D. tích kế hoạch (ha)	D. tích thực hiện (ha)
		Bar		
8	Xưởng chế biến rừng trồng Sông Hinh (thuộc Khu sản xuất kinh doanh dọc trục đường QL 19C tại buôn Thu)	Ea Trol	2,91	2,91
9	Giao đất, cho thuê đất nông nghiệp khu vực đã đưa ra khỏi ĐCQH 3 loại rừng	Các xã	200,00	64,02
10	Giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp theo ĐCQH 3 loại rừng	Các xã	150,00	29,14

a2. *Hạng mục công trình, dự án đề nghị chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025: có 88 hạng mục công trình, dự án. Trong đó:*

- Số công trình, dự án đang triển khai (đã thực hiện kiểm đếm bồi thường giải phóng mặt bằng, thẩm định giá đất, thu hồi được một phần, chủ đầu tư đã có mặt bằng thi công hoặc đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục đất đai theo quy định,) có 66 hạng mục, chiếm 75,0 % số công trình chuyển tiếp.

- Công trình, dự án chưa triển khai đề nghị chuyển tiếp để thực hiện: 22 hạng mục công trình, dự án, chiếm 25,0% số công trình chuyển tiếp.

Biểu 04: Danh mục công trình, dự án năm kế hoạch 2024 đề nghị chuyển tiếp sang năm 2025

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)
A. Công trình, dự án đang triển khai (Kiểm đếm bồi thường giải phóng mặt bằng, thẩm định giá đất, thu hồi được một phần, chủ đầu tư đã có mặt bằng thi công.)			
I.	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh		
a1.	Đất quốc phòng		
1	Trường bắn, thao trường huấn luyện cấp huyện	Ea Trol	15,00
2	Thao trường bắn cụm xã tại Buôn Trinh	Ea Bar	4,20
3	Trận địa 12,7mm tại khu phố 3 (Công trình chiến đấu 1 tại khu phố 3)	Hai Riêng	2,68
a2.	Đất an ninh		
1	Trụ sở công an xã Ea Lâm	Ea Lâm	0,08
2	Trụ sở công an xã Đức Bình Tây	Đức Bình Tây	0,149
3	Trụ sở công an xã Ea Bar	Ea Bar	0,1168
4	Trụ sở công an xã Ea Trol	Ea Trol	0,087
5	Trụ sở công an xã Ea Ly	Ea Ly	0,085
6	Trụ sở công an xã Ea Bia	Ea Bia	0,10
7	Trụ sở công an xã Ea Bá	Ea Bá	0,12
8	Trụ sở công an xã Sơn Giang	Sơn Giang	0,20
9	Trụ sở công an xã Sông Hinh	Sông Hinh	0,10
II.	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		
a.	Công trình, dự án cấp tỉnh trên địa bàn huyện		
a.1.	Công trình, dự án do: BQL các dự án ĐTXD tỉnh phú Yên làm chủ đầu tư		
1	Nâng cấp tuyến đường từ buôn Chung (Ea Bar) đến buôn Chao (Ea Bá)	Ea Bá, Ea Bar	17,00
2	Nâng cấp tuyến đường từ buôn Thứ xã Ea Bar đi buôn Bách (Tân	Ea Bar, Ea	11,00

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)
	Bình) xã Ea Ly	Ly	
3	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Sơn Giang - Đức Bình Đông	Sơn Giang, Đức Bình Đông	19,00
4	Nâng cấp tuyến đường xã Ea Bia đi xã Đức Bình Tây	Ea Bia, Đức Bình Tây	13,00
a.2.	Công trình, dự án do: BQL điện nông thôn miền Trung làm chủ đầu tư		
1	Trạm điện 110 kV Sông Hinh và đấu nối	Hai riêng, Ea Bia, Đức Bình Tây	0,78
2	Tiểu dự án Cải tạo và Phát triển lưới điện phân phối tỉnh Phú Yên (vốn vay JICA)	Ea Bar, Ea Bia, TT Hai Riêng	0,16
a.3.	Công trình, dự án do Ban Tôn giáo quản lý, theo dõi		
1	Mở rộng nhà nguyện Sơn Giang (Giáo xứ Sơn Giang)	Sơn Giang	0,10
a.4.	Công trình, dự án do Doanh nghiệp làm chủ đầu tư/đơn vị thực hiện.		
1	Dự án Khu đô thị Hồ trung tâm	Hai Riêng	23,90
2	Dự án khai thác VLXD thông thường mỏ đá Dốc Ma Xanh 1 (Mỏ đá VLXD TT thị trấn Hai Riêng)	Hai Riêng	7,40
3	Mỏ đất đồi Hòn 1 thôn Tân Yên (Mỏ đất sản lập thôn Tân Yên, xã Ea Ly)	Ea Ly	3,59
4	Mỏ cát VLXD thông thường sông Ba, thôn Hà Giang, xã Sơn Giang.	Sơn Giang	4,00
5	Mỏ cát thôn Chí Thán, xã Đức Bình Đông.	Đức Bình Đông	5,48
6	Mỏ đá chẻ Buôn Trinh, xã Ea Bar	Ea Bar	5,32
7	Mỏ cát thôn Chí Thán, xã Đức Bình Đông	Đức Bình Đông	8,00
b	Công trình, dự án của huyện:		
b1.	Công trình, dự án do: Ban QLĐXD huyện làm chủ đầu tư		
1	Tuyến đường từ QL29 đi buôn Diêm	Hai Riêng	1,60
2	Đường Nguyễn Công Trứ nối dài	Hai Riêng	0,073
3	Đường Nguyễn Du	Hai Riêng	1,66
4	Đường vành đai khép kín quanh hồ Trung tâm thị trấn Hai Riêng	Hai Riêng	4,54
5	Đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn Nguyễn Du đến Nguyễn Văn Cừ)	Hai Riêng	0,25
6	Kênh tưới Hồ chứa nước La Bách	Hai Riêng	0,68
7	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Ea Bar	Ea Bar	0,16
8	Trạm bơm Ea Lâm 2	Ea Lâm	1,40
9	Công viên cây xanh xã Ea Ly	Ea Ly	2,22
10	Nâng cấp, cải tạo khép kín khu Đồi thông	Ea Bia	1,00
11	Khu dân cư 05 tuyến đường nội thị, thị trấn Hai Riêng (giai đoạn 1)	Hai Riêng	2,22
14	Mở rộng trường tiểu học xã Đức Bình Tây	Đức Bình Tây	0,50
b3.	Công trình, dự án do: UBND thị trấn Hai Riêng làm chủ đầu tư		
1	ĐA cơ sở hạ tầng QH dân cư và công trình công cộng khu phố 7	Hai Riêng	0,27
2	Nhà sinh hoạt cộng đồng khu phố Ngô Quyền	Hai Riêng	0,03
b4.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Trol làm chủ đầu tư		
2	Mở rộng nghĩa địa buôn Thu	Ea Trol	0,70
3	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Vĩnh Sơn (Nhà SHCĐ, khu thể thao	Ea Trol	0,10

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)
	thôn Vĩnh Sơn)		
b5.	Công trình, dự án do: UBND xã Đức Bình Tây làm chủ đầu tư		
1	Mở rộng khu dân cư buôn Quang Dù	Đức Bình Tây	1,976
b6.	Công trình, dự án do: UBND xã Đức Bình Đông làm chủ đầu tư		
1	Bán đấu giá QSD đất dự án quy hoạch khu dân cư thôn Bình Giang, trước cây xăng Bình Giang (Thuộc dự án QH dân cư Bình Giang, bao gồm: xây dựng CSHT, bán đấu giá, giao đất).	Đức Bình Đông	0,64
b7.	Công trình, dự án do: UBND xã Sông Hình làm chủ đầu tư		
2	Mở rộng nghĩa địa thôn Hà Roi	Sông Hình	0,30
III.	Chuyển mục đích, giao đất, định giá đất, đấu giá đất, cho thuê đất		
a.	Công trình, dự án do cấp trên quản lý, theo dõi hoặc quyết định chủ trương đầu tư,...		
a1.	Công trình, dự án do Sở Tài chính làm chủ đầu tư		
1	Bán đấu giá thuê đất TMDV thửa số 42 tờ bản đồ số 102	Hai Riêng	0,18
a2.	Hạng mục do Ban QL rừng phòng hộ Sông Hình quản lý, theo dõi		
1	Bàn giao diện tích rừng tự nhiên cho Ban Quản lý Rừng phòng hộ Sông Hình quản lý	Xã Sông Hình, Ea Trol, Ea Bar và Ea Ly	476,94
a3.	Công trình, dự án do Doanh nghiệp làm chủ đầu tư		
1	Trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao khép kín DLH Farm - Ea Bar	Ea Đin- Ea Bar	31,01
2	Trang trại chăn nuôi heo Ea Trol	Buôn Bàu, Ea Trol	21,14
3	Trang trại chăn nuôi heo Ea Bar 2	Buôn Trinh, Ea Bar	21,49
4	Trang trại chăn nuôi heo Ea Ly 1	Tân Yên - Ea Ly	20,24
5	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Dương Nam	thôn 2/4, xã Ea Ly	0,20
6	Khu chế biến đá VLXD thông thường - mỏ đá Suối Biểu (Cty cổ phần 3-2)	Sơn giang	0,50
b	Công trình, dự án của huyện:		
b1.	Công trình, dự án do: phòng Tài chính KH huyện làm chủ đầu tư		
1	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn phân trường tiểu học Nam Giang, xã Sơn Giang	Sơn giang	0,20
b2.	Công trình, dự án do: phòng Tài nguyên và Môi trường quản lý, theo dõi, thực hiện		
1	Giao đất, cho thuê đất nông nghiệp khu vực đã đưa ra khỏi ĐCQH 3 loại rừng	Các xã	Theo kế hoạch
2	Giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp theo ĐCQH 3 loại rừng	Các xã	Theo kế hoạch
3	Giao đất, cho thuê đất thu hồi của Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Bá giao cho TT PTQĐ huyện Sông Hình quản lý	Ea Bar	475,44
4	Giao đất, cho thuê đất thu hồi của Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Bá giao lại UBND xã Ea Bar quản lý	Ea Bar	100,00
5	Giao đất, cho thuê đất diện tích của Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Bá đã bán giá trị vườn cây	Ea Bar	91,80
b3.	Công trình, dự án do: Trung tâm PTQĐ huyện quản lý, theo dõi, thực hiện		
1	Giao đất, Bán đấu giá QSD đất, đất ở đô thị tại KP 8 (dự án Hạ Tầng	Hai Riêng	0,73

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)
	khu dân cư khu phố 8, TT Hai Riêng)		
2	Đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm (diện tích thu hồi của Công ty TNHH MTV Ea Bá)	Ea Bar	1,60
b3.	Công trình, dự án do: Ban QLĐXD huyện làm chủ đầu tư		
1	Công viên đường Lương Văn Chánh (Nhà hát cũ)	Hai Riêng	0,36
b4.	Công trình, dự án do: UBND thị trấn Hai Riêng làm chủ đầu tư		
1	Bán đấu giá QSDĐ ở đô thị trường Mầm non, khu vui chơi thể thao (Sân bóng chuyền) buôn Suối Mây.	Hai Riêng	0,33
2	Giao đất ở cho ông Phùng Kim Lang (bồi thường bằng đất)	Hai Riêng	0,04
b5.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Bar làm chủ đầu tư		
1	Trường mẫu giáo thôn Chư Blôi	Ea Bar	0,04
2	Nhà văn hóa khu thể thao thôn Chư Blôi	Ea Bar	0,13
b6.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Ly làm chủ đầu tư		
1	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn thửa 42, 68 tờ 104 (khu QH dân cư gần chợ Ea Ly)	Ea Ly	0,49
B. Công trình, dự án chưa triển khai đề nghị chuyển tiếp để thực hiện			
I.	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh		
a1.	Đất quốc phòng		
1	Trường bắn, thao trường huấn luyện cấp huyện	Ea Trol	15,00
a2.	Đất an ninh		
1	Trụ sở công an xã Đức Bình Đông	Đức Bình Đông	0,12
2	Cơ sở làm việc Đội Cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Sông Hinh	Hai Riêng	2,50
II.	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		
a.	Công trình, dự án cấp tỉnh trên địa bàn huyện		
a.4.	Công trình, dự án do Doanh nghiệp làm chủ đầu tư/đơn vị thực hiện.		
9	Đất san lấp Đồi 75, buôn Bưng A	Ea Lâm	1,33
b	Công trình, dự án của huyện:		
b2.	Công trình, dự án do: phòng Tài chính KH huyện làm chủ đầu tư		
1	Đấu giá bán tài sản trên đất, chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở nhà, đất của điểm trường MN thôn Tuy Bình.	Đức Bình Tây	0,2578
2	Đấu giá bán tài sản trên đất, chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở nhà, đất của phân Trường TH thôn Tuy Bình	Đức Bình Tây	0,3739
3	Đấu giá chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở của phân Trường MN Buôn Quang Dù	Đức Bình Tây	0,067
4	Đấu giá chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở của phân Trường TH Buôn Quang Dù	Đức Bình Tây	0,1253
5	Đấu giá khu đất Điểm trường TH Đức Bình Đông (thôn Đức Hiệp), xã Đức Bình Đông.	Đức Bình Đông.	0,199
6	Đấu giá khu đất Nhà văn hóa thôn Chí Thán, xã Đức Bình Đông	Đức Bình Đông.	0,0105
b4.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Trol làm chủ đầu tư		
1	Mở rộng tuyến đường buôn Thu đi buôn Ly	Ea Trol	0,40
b5.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Bia làm chủ đầu tư		
1	Mở rộng nghĩa địa buôn Ma Sung	Ea Bia	0,50
b8.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Lâm làm chủ đầu tư		
1	Đường từ khu giãn dân buôn Bưng A đi đồi 75	Ea Lâm	0,40
b9.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Bá làm chủ đầu tư		
1	Mở rộng khu dân cư buôn Bá (Bố trí đất ở cho đồng bào đặc biệt khó	Ea Bá	1,18

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)
	khăn)		
b10.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Ly làm chủ đầu tư		
1	Nghĩa địa buôn Zô	Ea Ly	1,80
b11.	Công trình, dự án do: UBND xã Sông Hình làm chủ đầu tư		
1	Mở rộng nghĩa địa thôn Hòa Sơn	Sông Hình	0,50
3	Mở rộng nghĩa địa buôn Kít	Sông Hình	0,30
III.	Chuyển mục đích, giao đất, định giá đất, đấu giá đất, cho thuê đất		
a.	Công trình, dự án do cấp trên quản lý, theo dõi hoặc quyết định chủ trương đầu tư,...		
a1.	Công trình, dự án do Doanh nghiệp làm chủ đầu tư		
1	Nhà máy sản xuất dăm gỗ và viên nén	Đức Bình Đông	8,10
b	Công trình, dự án của huyện:		
B1.	Công trình, dự án do: Trung tâm PTQĐ huyện quản lý, theo dõi, thực hiện		
1	Bán Đấu giá QSD đất ở nông thôn tại thửa đất 230, tờ bản đồ số 36	Buôn Chung, Ea Bar	0,03
2	Giao đất, bán đấu giá các lô còn lại trong khu dân cư buôn Trinh	Ea Bar	1,50
3	Bán đấu giá QSDĐ ở đô thị một phần diện tích thửa đất số 47, tờ bản đồ số 122 (diện tích đất hành lang lưới điện gần nhà ông Trần Đình Pháp).	Hai Riêng	0,011
b2.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Lâm làm chủ đầu tư		
1	Mở rộng điểm giãn dân Buôn Bung A, xã Ea Lâm. (San lấp mặt bằng, xây dựng kết cấu hạ tầng, giao đất)	Ea Lâm	0,87

a3. Hạng mục công trình, dự án không chuyển tiếp sang (loại bỏ) Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 có 04 hạng mục, cụ thể như sau:

TT	Hạng mục	Địa điểm	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Diện tích (ha)	Nguyên nhân
1	Căn cứ hậu phương 3 (Khu vực giáp lòng hồ thủy điện, xã Ea Trol)	Ea Trol	BCHQS tỉnh	25,00	Đề nghị của Bộ CHQS tỉnh tại Cuộc họp Thẩm định
2	Giao đất cho hộ gia đình, cá nhân thôn Bình Giang	Đức Bình Đông	UBND xã Đức Bình Đông	1,20	Thực hiện cấp GCNQSDĐ theo hiện trạng cho những hộ dân chưa làm GCNQSDĐ (không thuộc khu vực cấp GCN theo phương án SDĐ).
3	Đất san lấp tại đồi Chư Búk, buôn Bàu (mỏ đất đồi Chư Búk, buôn Bàu, xã Ea Bá)	Ea Bá	Công ty TNHH Nhất Lam	2,39	Đang trồng lần diện tích đất rừng sản xuất
4	Chợ xã Sông Hình	Sông Hình	Ban QLDAXD huyện	0,50	Loại bỏ theo KHOẢN 5 ĐIỀU 72 (do chưa có Nghị quyết thu hồi của HĐND tỉnh)

a.4. Hạng mục công trình, dự án 03 năm liên tục đưa vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng chưa có Quyết định thu hồi hoặc chuyển mục đích sử dụng đất của huyện Sông Hinh.

Tổng số công trình, dự án 03 năm liên tục đưa vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng chưa có Quyết định thu hồi hoặc chuyển mục đích sử dụng đất của huyện Sông Hinh có 39 hạng mục công trình, dự án. Tuy nhiên, hiện có 38 hạng mục công trình, dự án cũng đã, đang triển khai các bước theo quy định, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện, do vậy đề nghị số công trình, dự án trên được chuyển tiếp qua năm 2025 để tiếp tục thực hiện. 01 hạng mục loại bỏ do đề xuất của chủ đầu tư. (chi tiết công trình, dự án xem Phụ lục 05 kèm theo)

b. Đánh giá kết quả thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất

Theo số liệu Thống kê đất đai năm 2023 và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng năm 2024, kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện Sông Hinh như sau:

Biểu 06: Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích kế hoạch được duyet (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) =(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
	Tổng diện tích tự nhiên (1+2+3)		89.262,01	89.262,01		
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	76.143,36	76.310,47	167,11	100,22
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.053,08	2.055,30	2,21	100,11
-	Đất chuyên trồng lúa	LUC	1.446,62	1.447,19	0,57	100,04
-	Đất trồng lúa còn lại	LUK	606,46	608,11	1,64	100,27
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	26.026,83	26.071,85	45,03	100,17
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	12.794,94	13.166,87	371,93	102,91
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	20.948,29	20.948,29	-	100,00
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	13.776,91	13.777,60	0,69	100,01
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>4.840,49</i>	<i>5.510,18</i>	<i>669,69</i>	<i>113,84</i>
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	112,61	112,74	0,13	100,12
1.7	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	271,70	177,82	-93,88	65,45
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	159,00		-159,00	-
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	12.527,49	12.350,50	-176,99	98,59
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	381,95	364,02	-17,93	95,31
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	86,15	68,37	-17,78	79,36
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,59	18,56	0,97	105,51
2.4	Đất quốc phòng	CQP	1.051,02	1.029,13	-21,89	97,92
2.5	Đất an ninh	CAN	4,83	2,40	-2,43	49,67
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	86,68	89,01	2,33	102,69
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,03	2,57	0,54	126,56
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,65	4,65	-	100,00
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	63,49	65,05	1,56	102,45
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	14,93	15,17	0,23	101,56
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,57	1,57	-	100,00
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi	CSK	146,97	101,49	-45,48	69,06

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích kế hoạch được duyet (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) =(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
	nông nghiệp					
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	3,52	3,52	-	100,00
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	10,33	8,75	-1,59	84,63
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	69,04	60,76	-8,28	88,01
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	64,08	28,47	-35,61	44,43
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	8.306,29	8.228,51	-77,77	99,06
-	Đất công trình giao thông	DGT	1.038,19	972,69	-65,50	93,69
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	542,59	540,57	-2,03	99,63
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	1,16	1,00	-0,16	86,21
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	4,13	4,13	-	100,00
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	6.679,26	6.678,32	-0,94	99,99
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,93	0,93	-	100,00
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	4,47	4,77	0,30	106,71
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	35,57	26,12	-9,45	73,44
2.9	Đất tôn giáo	TON	3,72	3,62	-0,10	97,31
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	0,63	0,62	-0,01	98,41
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	85,51	81,34	-4,17	95,12
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	2.347,36	2.359,32	11,96	100,51
-	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	48,85	49,15	0,30	100,61
-	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.298,51	2.310,17	11,66	100,51
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	8,80	4,11	-4,69	46,73
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	591,16	601,04	9,88	98,36

Nguồn: - Quyết định số 1855/QĐ-UBND, ngày 31/12/2023 của UBND tỉnh Phú Yên.

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện Sông Hinh; Kết quả điều tra, tổng hợp thực hiện các công trình, dự án, hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích trong năm 2024.

Nhận xét:

b.1. Đất nông nghiệp: Thực hiện 76.310,47 ha/76.143,36 ha. Thực hiện chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt 167,11 ha. Diện tích đất nông nghiệp thực hiện chưa đạt là do chưa chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện xây dựng các công trình, dự án về phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật nhằm phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện. Cụ thể các chỉ tiêu thực hiện như sau:

- Đất trồng lúa: thực hiện 2.055,30 ha/2.053,08 ha, đạt 100,11%. Do do chưa thực hiện chuyển mục đích để xây dựng các hạng mục đất giao thông (Nâng cấp

tuyến đường giao thông liên xã Sơn Giang - Đức Bình Đông), đất năng lượng (Trạm điện 110 kV Sông Hinh và đầu nối), đất ở.

Trong đó đất chuyên trồng lúa nước: kết quả thực hiện 1.447,19 ha/1.446,62 ha. Chưa thực hiện hạng mục đất giao thông (Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Sơn Giang - Đức Bình Đông), đất năng lượng (Trạm điện 110 kV Sông Hinh và đầu nối).

- Đất trồng cây hàng năm khác: thực hiện 26.071,85 ha/26.026,83 ha. Thực hiện chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt 45,03 ha. Do chưa chuyển sang đất chăn nuôi tập trung, đất nông nghiệp khác, đất phi nông nghiệp để thực hiện xây dựng các công trình, dự án về phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội và chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn huyện.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2024 đất trồng cây hàng năm khác giảm 126,75 ha chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình, dự án và chuyển mục đích sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân. Kết quả thực hiện 8,63 ha, đạt 6,81 %.

- Đất trồng cây lâu năm: thực hiện 13.166,87 ha/12.794,94 ha. Thực hiện chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt 371,93 ha. Do chưa chuyển sang đất chăn nuôi tập trung, đất nông nghiệp khác và đất phi nông nghiệp.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2024 đất trồng cây lâu năm giảm 48,32 ha chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình, dự án và chuyển mục đích sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân. Kết quả thực hiện 2,30 ha, đạt 4,76 %.

- Đất rừng phòng hộ: thực hiện 20.948,29 ha/20.948,29 ha. đạt 100%.

- Đất rừng sản xuất: thực hiện 13.777,60 ha/13.776,91 ha. Diện tích cao hơn so với kế hoạch 0,69 ha là do chưa chuyển sang đất phi nông nghiệp (đất giao thông).

- Đất nuôi trồng thủy sản: thực hiện 112,74ha/112,61 ha. Diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 0,13 ha. Do chưa thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất sang đất giao thông và đất ở nông thôn, đô thị.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2024 đất nuôi trồng thủy sản giảm 0,13 ha chuyển sang đất phi nông nghiệp. Kết quả thực hiện không đạt.

- Đất chăn nuôi tập trung: thực hiện 177,82 ha/271,70ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 93,88 ha. Diện tích thấp là do chưa thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất của các doanh nghiệp phát triển trang trại. *(đã xác định loại đất theo Thông tư 08/2024/TT-BTNMT, ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

- Đất nông nghiệp khác: chưa thực hiện so với kế hoạch được duyệt do chưa thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2024 đất nông nghiệp khác tăng: 159,00 ha với hiện trạng. Kết quả không đạt.

b.2. Đất phi nông nghiệp: thực hiện 12.350,50 ha/12.527,49 ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 176,99 ha. Diện tích thực hiện thấp chủ yếu là do chưa thực hiện các công trình, dự án hoặc đã thực hiện đầu tư xây dựng nhưng chưa hoàn thành các thủ tục đất đai (quyết định giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất) trên địa bàn huyện. Cụ thể như sau:

- Đất ở tại nông thôn: thực hiện 364,02ha/381,95ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 17,93 ha. Thực hiện thấp là do chưa thực hiện các dự án quy hoạch khu dân cư, dự án bán đấu giá đất ở nông thôn và chuyển mục đích sử dụng đất ở của các hộ gia đình, cá nhân.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2024 đất ở tại nông thôn tăng 23,58 ha. Kết quả thực hiện 5,53 ha, đạt 23,45 %. Diện tích thực hiện chủ yếu là chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn các xã.

- Đất ở tại đô thị: thực hiện 68,37ha/86,15ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 17,78 ha. Thực hiện thấp là do chưa thực hiện các dự án quy hoạch khu dân cư, dự án bán đấu giá đất ở và chuyển mục đích sử dụng đất ở của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thị trấn Hai Riêng.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2024 đất ở tại đô thị tăng 18,67 ha. Kết quả thực hiện 0,70 ha, đạt 3,75%. Diện tích thực hiện là chuyển mục đích sử dụng đất ở của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn thị trấn.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: thực hiện 18,56ha/17,59ha. Diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 0,97 ha. Do chưa thực hiện chuyển mục đích, giao đất an ninh để xây dựng trụ sở công an tại các xã.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2024 đất xây dựng trụ sở cơ quan giảm 0,97 ha để xây dựng công trình Trụ sở công an tại các xã nhưng chưa thực hiện (đạt 0%).

- Đất quốc phòng: thực hiện 1.029,13 ha/1.051,02 ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 21,89 ha. Do chưa thực hiện các công trình, dự án: Thao trường bắn cụm xã tại Buôn Trinh, diện tích 4,21 ha tại xã Ea Bar; Trận địa 12,7mm tại khu phố 3, diện tích 2,68 ha tại thị trấn Hai Riêng; Trường bắn, thao trường huấn luyện cấp huyện, diện tích 15,0 ha tại xã Ea Trol.

- Đất an ninh: thực hiện 2,40ha/4,83 ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 2,43 ha. Do chưa thực hiện công trình, dự án xây dựng Trụ sở công an tại 08 xã (trong đó Trụ sở công an xã Ea Lâm 0,08 ha đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thiện thủ tục đất đai theo qui định).

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: thực hiện 89,01 ha/ 86,68 ha. Diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 2,33 ha. Do chưa thực hiện các hạng mục: Công viên đường Lương Văn Chánh (Nhà hát cũ), diện tích 0,36 ha; Bán đấu giá thuê đất TMDV thửa số 42 tờ bản đồ số 102, diện tích 0,18 ha; Đất xây trụ sở công an xã Ea Trol, diện tích 0,09 ha; chuyển sang đất ở 1,82 ha (Đấu giá bán tài sản trên đất, chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở nhà, đất của điểm trường MN thôn Tuy Bình 0,290 ha; Đấu giá bán tài sản trên đất, chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở nhà, đất của phân Trường TH thôn Tuy Bình 0,287 ha; Đấu giá chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở của phân Trường MN Buôn Quang Dù 0,060 ha; Đấu giá chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở của phân Trường TH Buôn Quang Dù 0,120 ha; Đấu giá khu đất Điểm trường TH Đức Bình Đông (thôn Đức Hiệp), xã Đức Bình Đông 0,20 ha; Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn phân trường tiểu học Nam Giang, xã Sơn Giang 0,20 ha; Bán đấu giá QSDĐ ở đô thị trường Mầm non, khu vui chơi thể thao (Sân bóng chuyền) buôn Suối Mây 0,33 ha).

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: thực hiện 101,49 ha/ 146,97 ha.

Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 45,48 ha. Cụ thể:

+ Đất cụm công nghiệp: Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2024 đất cụm công nghiệp không thay đổi về diện tích so với năm 2023.

+ Đất thương mại, dịch vụ: thực hiện 8,75ha/10,33ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 1,59 ha. Do chưa thực hiện các công trình, dự án: Bán đấu giá thuê đất TMDV thửa số 42 tờ bản đồ số 102 (0,18ha) tại thị trấn Hai Riêng; Cửa hàng xăng dầu Dương Nam (0,23 ha) và đất thương mại, dịch vụ do hộ gia đình, cá nhân đăng ký.

Trong năm 2024 đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất tại hộ gia đình, cá nhân là 0,05 ha tại xã Ea Trol.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: thực hiện 60,76 ha/ 69,04 ha, đạt 88,01%. Do chưa thực hiện Khu chế biến đá VLXD thông thường - mỏ đá Suối Biều (Cty cổ phần 3-2) tại xã Sơn Giang; Nhà máy sản xuất dăm gỗ và viên nén tại xã Đức Bình Đông và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân.

Trong năm 2024 đã thực hiện hạng mục: Xưởng chế biến rừng trồng Sông Hinh (thuộc Khu sản xuất kinh doanh dọc trục đường QL 19C tại buôn Thu), diện tích 2,91 ha tại xã Ea Trol.

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: thực hiện 28,47 ha/ 64,08 ha. Diện tích thực hiện thấp so với kế hoạch được duyệt là 35,61 ha. Do chưa thực hiện các công trình, dự án: Bán đấu giá quyền khai thác cát làm VLXD thông thường tại Sông Ba, xã Sơn Giang (4,0 ha); Dự án khai thác VLXD thông thường mỏ đá Dốc Ma Xanh 1, thị trấn Hai Riêng (5,0 ha); Bán đấu giá quyền khai thác cát làm VLXD thông thường tại Sông Ba, xã Đức Bình Đông (5,48 ha); Mỏ đất đồi Hòn 1 thôn Tân Yên (Mỏ đất sản lập thôn Tân Yên, xã Ea Ly), diện tích 3,59 ha; Đất san lấp tại đồi Chư Búk, buôn Bàu (mỏ đất đồi Chư Búk, buôn Bàu), diện tích 2,39 ha. Ngoài ra, trong năm 2024 đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản giảm 0,5 ha so với năm 2023 (do chuyển sang đất xây dựng Khu chế biến đá VLXD thông thường thuộc mỏ đá thôn Suối Biều (công ty cổ phần 3-2) tại xã Sơn Giang), kết quả chưa thực hiện..

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: thực hiện 8.228,51 ha/ 8.306,29 ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 77,77 ha. Diện tích thực hiện thấp do chưa thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn huyện (chưa bố trí được vốn đầu tư hoặc đang trong quá trình thực hiện các bước khảo sát, đo đạc, xây dựng PABTGPMB, xác định hệ số giá,...), trong đó diện tích nhiều là các tuyến đường giao thông cấp tỉnh (Nâng cấp tuyến đường từ buôn Chung (Ea Bar) đến buôn Chao (Ea Bá), diện tích 17,0 ha; Nâng cấp tuyến đường từ buôn Thứ xã Ea Bar đi buôn Bách (Tân Bình) xã Ea Ly, diện tích 11,0 ha; Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Sơn Giang - Đức Bình Đông, diện tích 19,0 ha; Nâng cấp tuyến đường xã Ea Bia đi Đức Bình Tây, diện tích 13,0 ha. Giao thông cấp huyện, xã có 08 tuyến đường giao thông chưa thực hiện, tổng diện tích 9,75 ha. Các công trình đất thủy lợi (Kênh tưới Hồ chứa nước La Bách, Trạm bơm Ea Lâm 2), diện tích 2,08 ha. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng với các hạng mục: Công viên cây xanh xã Ea Ly; Nâng cấp, cải tạo khép kín khu Đồi thông; Nhà sinh hoạt cộng đồng khu phố Ngô Quyền; Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Vĩnh Sơn (Nhà SHCD, khu thể thao thôn Vĩnh Sơn); Công viên đường

Lương Văn Chánh (Nhà hát cũ); Nhà văn hóa khu thể thao thôn Chư Blôi và Đất khu vui chơi, giải trí công cộng dự án Khu đô thị Hồ trung tâm....

- Đất tôn giáo: thực hiện 3,62 ha/ 3,72 ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 0,1 ha. Do chưa thực hiện xong hạng mục: Mở rộng nhà nguyện Sơn Giang (Giáo xứ Sơn Giang).

- Đất cơ sở tín ngưỡng: thực hiện 0,63 ha/0,63 ha. trong năm 2024 đất cơ sở tín ngưỡng không thay đổi về quy mô diện tích tích so với năm 2023.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: thực hiện 2.359,32 ha/ 2.347,36 ha. Diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 11,96 ha.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2024 Đất có mặt nước chuyên dùng giảm 11,96 ha để thực hiện công trình, dự án về khai thác đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản và hạng mục đất giao thông.

- Đất phi nông nghiệp khác: thực hiện 4,11 ha/4,11 ha. Diện tích ổn định không biến động so với năm 2023.

b.3. Đất chưa sử dụng: diện tích 601,04 ha/ 591,16 ha. Diện tích chưa thực hiện so với kế hoạch được duyệt là 9,88 ha.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2024 đưa 9,88 ha đất chưa sử dụng vào sử dụng để thực hiện các hạng mục đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; đất giao thông; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng. Kết quả chưa thực hiện được (đạt 0 %).

4.3.2. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất

Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 của huyện Sông Hinh qua biểu sau:

Biểu 07: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích phê duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	178,30	11,07	-167,23	6,21
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	2,40	0,14	-2,26	5,83
	<i>T. đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	0,61	-	-0,61	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	126,75	8,63	-118,12	6,81
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	48,32	2,30	-46,02	4,76
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	0,70	-	-0,70	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,13	-	-0,13	-
2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	2,05	-	-2,05	-

Nguồn: - Quyết định số 1855/QĐ-UBND, ngày 31/12/2023 của UBND tỉnh Phú Yên.

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện Sông Hinh; Kết quả điều tra, tổng hợp thực hiện các công trình, dự án, hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích trong năm 2024.

a. Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp

Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp 11,07 ha/178,30 ha, đạt 6,21 % (thấp hơn 167,23 ha) để xây dựng các công trình công cộng, mở rộng khu dân cư theo kế hoạch được phê duyệt. Diện tích chưa chuyển sang đất phi nông nghiệp chủ yếu tập trung ở đất quốc phòng, đất phát triển hạ tầng, xây dựng các khu giãn dân, các khu dân cư phân lô, đất chuyển mục đích đất ở của hộ gia đình, cá nhân,... Cụ thể như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác thực hiện 8,63 ha/126,75 ha, đạt 6,81 % (thấp hơn 118,12 ha). Do chưa chuyển sang đất quốc phòng, đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản, Đất sử dụng vào mục đích công cộng, đất ở nông thôn, đất ở đô thị, các loại đất phi nông nghiệp khác.

- Đất trồng cây lâu năm thực hiện 2,30 ha/48,32 ha, đạt 4,76 % (thấp hơn 46,02 ha). Do chưa chuyển sang đất quốc phòng, đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản, Đất sử dụng vào mục đích công cộng, đất ở nông thôn, đất ở đô thị, các loại đất phi nông nghiệp khác.

- * Các hạng mục đã thực hiện: Xưởng chế biến rừng trồng Sông Hinh (thuộc Khu sản xuất kinh doanh dọc trục đường QL 19C tại buôn Thu); Đường nội đồng đoạn từ đường liên xã Ea Bá - Ea Lâm đến giáp đường nội đồng 75; Quy hoạch mới nghĩa địa Buôn Nhum; Và chuyển mục đích sang đất ở đô thị, đất ở nông thôn trên địa bàn các xã, thị trấn.

- * Năm 2024, kết quả chuyển mục đích và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 315 thửa, tổng diện tích là 32,39 ha (chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở 19,19 ha, đất thương mại dịch vụ 0,05 ha, đất trồng cây lâu năm 13,15ha) trên địa bàn các xã, thị trấn của huyện: thị trấn (46 thửa), xã Ea Lâm (19 thửa), Đức Bình Tây (26 thửa), Ea Bá (04 thửa), Sơn Giang (33 thửa), Đức Bình Đông (47 thửa), Ea Bar (35 thửa), Ea Trol (12 thửa), Sông Hinh (35 thửa), Ea Ly (41 thửa) và Ea Bia (21 thửa).

Kết quả Giao đất, cho thuê đất thu hồi của Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Bá giao cho TT PTQĐ huyện Sông Hinh quản lý: đã thực hiện 20,97/ 475,44 ha đất nông nghiệp, đạt 4,41% diện tích.

Kết quả Giao, cho thuê đất nông nghiệp, lâm nghiệp theo ĐCQH 3 loại rừng: đã thực hiện 93,16 ha/350 ha kế hoạch, đạt 26,62 %.

b. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp: năm 2024 đã chuyển mục đích sang đất chăn nuôi tập trung 49,45 ha từ đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm để phát triển các trang trại chăn nuôi tại các xã Ea Ly và Ea Bar)

c. Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở: Theo kế hoạch được duyệt, năm 2024 sẽ thực hiện 2,05 ha nhưng chưa thực hiện. Do chưa thực hiện chuyển mục đích các hạng mục:

- Đất giá bán tài sản trên đất, chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở nhà, đất của điểm trường MN thôn Tuy Bình.

- Đất giá bán tài sản trên đất, chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở nhà, đất của phân Trường TH thôn Tuy Bình

- Đất giá chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở của phân Trường MN Buôn

Quang Dù

- Đấu giá chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở của phân Trường TH Buôn Quang Dù
- Đấu giá khu đất Điểm trường TH Đức Bình Đông (thôn Đức Hiệp), xã Đức Bình Đông.
- Đấu giá khu đất Nhà văn hóa thôn Chí Thán, xã Đức Bình Đông
- Bán đấu giá QSD đất dự án quy hoạch khu dân cư thôn Bình Giang, trước cây xăng Bình Giang (Thuộc dự án QH dân cư Bình Giang, bao gồm: xây dựng CSHT, bán đấu giá, giao đất).
- Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn phân trường TH Nam Giang, xã Sơn Giang
- Giao đất, Bán đấu giá QSD đất, đất ở đô thị tại KP 8 (dự án Hạ Tầng khu dân cư khu phố 8, TT Hai Riêng)
- Bán Đấu giá QSD đất ở nông thôn tại thửa đất 230, tờ bản đồ số 36
- Bán đấu giá QSDĐ ở đô thị trường Mầm non, khu vui chơi thể thao (Sân bóng chuyền) buôn Suối Mây.

4.3.3. Kết quả thực hiện thu hồi đất

Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2024 của huyện Sông Hinh qua biểu sau:

Biểu 08: Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2024

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích được phê duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
1	Đất nông nghiệp	NNP	107,09	1,88	-105,21	1,76
1.1	Đất trồng lúa	LUA	0,73	0,00	-0,73	-
T. đó	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	0,61	0,00	-0,61	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	79,76	1,80	-77,96	2,26
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	25,88	0,08	-25,80	0,31
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	0,70		-0,70	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4,02	0,00	-4,02	-
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,02		-1,02	-
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	0,23		-0,23	-
2.3	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	2,05		-2,05	-
	Đất cơ sở giáo dục-đào tạo	DGD	1,82		-1,82	-
	Đất cơ sở thể dục-thể thao	DTT	0,23		-0,23	-
2.4	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	0,72		-0,72	-
	Đất thủy lợi	DTL	0,72		-0,72	-

Nguồn: - Quyết định số 1855/QĐ-UBND, ngày 31/12/2023 của UBND tỉnh Phú Yên.

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện Sông Hinh; Kết quả điều tra, tổng hợp thực hiện các công trình, dự án, hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích trong năm 2024.

Tổng diện tích đất nông nghiệp và phi nông nghiệp đã thực hiện để thu hồi thực hiện các công trình, dự án là 1,88 ha/111,11ha, đạt 1,69 % (thấp hơn 109,23 ha). Trong đó toàn bộ là thu hồi đất nông nghiệp, cụ thể:

- Đất nông nghiệp thu hồi 1,88 ha/107,09ha, đạt 1,76 % (thấp hơn 105,21 ha). Công trình đã thực hiện công tác thu hồi (hoặc đã có Quyết định thu hồi): Đường nội đồng đoạn từ đường liên xã Ea Bá - Ea Lâm đến giáp đường nội đồng 75; QH mới nghĩa địa Buôn Nhum.

Ngoài ra, năm 2024 có các hạng mục đã thực hiện công tác thu hồi (hoặc đã có Quyết định thu hồi) từ năm 2023 nhưng chưa hoàn thiện thủ tục đất đai: Dự án đường Nguyễn Công Trứ nối dài; Đường giao thông buôn Thô đi Suối Mây; Đường Nguyễn Du; Mở rộng đường nội đồng đoạn từ đường liên xã Ea Bá - Ea Lâm đi trạm bơm Ea Lâm 2; Kênh tưới hồ chứa nước La Bách; Trạm bơm Ea Lâm 2; Hệ thống cấp nước sạch xã Ea Bar.

- Đất phi nông nghiệp: Kế hoạch 4,02 ha, kết quả chưa thực hiện.

Nhìn chung, diện tích đất thu hồi đạt thấp do nhiều công trình, dự án chưa được triển khai; như Thao trường bắn cùm xã tại Buôn Trinh, các khu giãn dân, khu đô thị, các tuyến đường giao thông liên xã thuộc dự án Criem, công trình phát triển hạ tầng và các công trình thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới,...

4.3.4. Kết quả thực hiện khai thác đất chưa sử dụng vào mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp

Trong năm chưa khai thác được diện tích đất chưa sử dụng. Kết quả thực hiện 0ha/ 9,88 ha, đạt 0%.

4.4. Đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước

Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện đã đạt được những thành quả nhất định, thể hiện ở các mặt như: Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai; làm cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất; đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái; đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện và tỉnh.

4.4.1. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

- Các công trình, dự án thực hiện năm 2024 đạt thấp so với Kế hoạch sử dụng đất được duyệt do thiếu vốn đầu tư, thời gian thực hiện thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng, bán đấu giá QSD đất các công sở diễn ra khá chậm.

- Một số hạng mục bán đấu giá quyền sử dụng đất nhưng chưa thống nhất phương án sắp xếp, xử lý tài sản gắn liền với đất của cấp có thẩm quyền nên chưa triển khai thực hiện (Phân trường tiểu học và mần non buôn Quang Dừ; Phân trường tiểu học và điểm trường mần non Thôn Tuy Bình; Giao đất, Bán đấu giá QSD đất, đất ở đô thị tại KP 8.

- Một số dự án có quy mô lớn của cấp tỉnh trên địa bàn huyện như: mở rộng đất quốc phòng, mở rộng các tuyến giao thông liên xã (dự án Criem) chậm triển khai nên chỉ tiêu sử dụng đất của huyện đạt thấp.

- Một số công trình triển khai đã phát sinh cần điều chỉnh về diện tích, vị trí cho phù hợp với thực tế nên cần phải điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và các quy hoạch xây dựng có liên quan trên địa bàn huyện (Đất trụ sở công an xã Ea Bá, đất trụ sở công an xã Sơn Giang, Đất trụ sở công an Đức Bình Đông, Trạm bơm Đồng Phú, Mở rộng cửa hàng xăng dầu Sông Hinh tại khu phố 10 thị trấn Hai Riêng, Dự án khai thác VLXD thông thường mỏ đá Dốc Ma Xanh 1,...).

- Có nhiều dự án trên địa bàn huyện đang thực hiện trong thời gian giao thời giữa Luật Đất đai 2013 và Luật Đất đai 2024, có liên quan đến chính sách thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng khác nhau, dẫn đến tiến độ thực hiện công tác GPMB chậm.

- Một số nhà đầu tư đã cam kết thực hiện các dự án kêu gọi đầu tư của địa phương nhưng chậm triển khai thực hiện theo đăng ký ban đầu, hoặc vướng mắc trong công tác thỏa thuận đất đai hoặc chưa thống nhất phương án hỗ trợ bồi thường thiệt hại về hoa màu với người dân nên chưa triển khai thực hiện được (các dự án phát triển trang trại).

- Công tác đăng ký nhu cầu sử dụng đất các xã, thị trấn chưa có kế hoạch thực hiện cụ thể, dứt điểm: nhiều xã, thị trấn đăng ký công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm kéo dài do chưa tiến hành hoàn thiện thủ tục đất đai theo qui định, trong khi công trình đã được xây dựng hoàn thành, đưa vào sử dụng.

4.4.2. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Việc triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện ngoài những thành tựu đạt được còn có những tồn tại ảnh hưởng đến chất lượng cũng như hiệu quả thực hiện các kế hoạch sử dụng đất của huyện đã đề ra. Cụ thể những nguyên nhân sau:

- Khi triển khai thu hồi đất thực hiện dự án, có một số hộ dân trong vùng dự án chưa đồng thuận, mặc dù đã được thực hiện đầy đủ các chính sách bồi thường theo đúng quy định của nhà nước. Những khiếu nại, kiến nghị cần được hướng dẫn giải quyết chỉ đạo cụ thể, dẫn đến việc thu hồi đất kéo dài.

- Trong quá trình triển khai thực hiện các dự án, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng còn nhiều công trình dự án phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất, dẫn đến kéo dài thời gian giải phóng mặt bằng, ảnh hưởng đến kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/8/2024, chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể thi hành luật, dẫn đến khó khăn trong việc triển khai thực hiện các dự án, công trình nhất là việc đền bù, giải phóng mặt bằng, hình thức thuê đất, giá đất cụ thể...

- Khi triển khai bồi thường, giải phóng mặt bằng của một số dự án, do chủ sử dụng đất đã chuyển quyền sử dụng đất, không xác định được chủ sử dụng đất mới hoặc chủ sử dụng đất được thừa kế, nhưng không đủ cơ sở pháp lý chứng minh cho việc sử dụng đất hợp pháp, làm khó cho việc quy chủ sử dụng đất.

- Thủ tục đầu tư thực hiện dự án còn nhiều và mất nhiều thời gian, một số hạng mục công trình đã được thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh, nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa làm xong thủ tục nên phải lùi tiến độ thực hiện.

- Hệ thống bản đồ đo đạc địa chính chưa được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung kịp thời gây khó khăn trong việc xác định thửa đất ngoài thực địa hoặc xác định tính phù hợp vị trí thửa đất với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch có liên quan.

4.4.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ tới.

- Quy trình kế hoạch sử dụng đất hàng được tổ chức một cách có hệ thống, với sự tham gia của nhiều cơ quan chuyên môn và tư vấn; tổ chức lấy ý kiến nhân dân trong quá trình lập Kế hoạch sử dụng đất bảo đảm tính minh bạch và dân chủ, phản ánh chính xác nhu cầu và mong muốn của người dân.

- Tăng cường huy động mọi nguồn lực, vốn đầu tư để thực hiện các công trình, dự án đã đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất đạt được mục tiêu phát triển của từng ngành, lĩnh vực đề ra; góp phần thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội hiện tại và tương lai.

- Sử dụng đất phải tiết kiệm, đem lại hiệu quả sử dụng cao nhất; bảo đảm sự cân bằng giữa nhu cầu và lợi ích sử dụng đất của các ngành kinh tế, xã hội và các địa phương; tăng cường bảo vệ môi trường, phát triển sinh thái tự nhiên nhằm duy trì và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

V. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

5.1. Tiêu chí lựa chọn các công trình, dự án ưu tiên trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện

5.1.1. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Xác định đủ quỹ đất cho các công trình quốc phòng, an ninh theo yêu cầu của ngành Quốc phòng, An ninh trên địa bàn huyện, đáp ứng yêu cầu hoạt động của các lực lượng quân đội, công an nhân dân, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

- Xác định danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất; giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quốc phòng, an ninh đảm bảo phù hợp với các quy hoạch chuyên ngành và quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, an ninh; đảm bảo nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 cho ngành quốc phòng, an ninh gắn với kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, huyện.

5.1.2. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường

- Đất đai là nguồn lực để khai thác tăng nguồn thu cho ngân sách, tạo nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế-xã hội cho địa phương.

- Tạo sự phối hợp đồng bộ giữa các Sở, ngành của Tỉnh và địa phương trong quá trình quản lý, sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đề ra; đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành trên địa bàn huyện có hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường cao nhất.

- Việc bố trí quỹ đất đáp ứng nhu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển dịch vụ, chỉnh trang và xây dựng các khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn... việc quản lý chặt chẽ chuyển đất sản xuất nông nghiệp sang các mục đích phi nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu trong nội bộ các loại đất, đầu tư thâm canh tăng vụ... đã tạo điều kiện cho kinh tế phát triển; tạo việc làm cho người lao động; góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

- Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội từ khu vực trung tâm đến ngoại thị, khu vực nông thôn được xây dựng chất lượng ngày càng tốt và phát triển đồng đều.

- Thực hiện kế hoạch sử dụng đất góp phần quản lý chặt chẽ tài nguyên đất đai theo pháp luật; đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, đảm bảo phát triển bền vững.

5.1.3. Tính khả thi của việc thực hiện.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện được lập trên nguyên tắc các dự án đưa vào thực hiện trong kế hoạch năm 2025 đảm bảo:

- Phù hợp với điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện, các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng trên địa bàn huyện.

- Các chỉ tiêu sử dụng đất phù hợp với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của huyện và các ngành, lĩnh vực phát triển của tỉnh.

5.1.4. Định hướng phát triển kinh tế-xã hội năm 2025 của huyện

Năm 2025, là năm có ý nghĩa quan trọng, năm cuối trong việc thực hiện hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Sông Hình lần thứ IX, nhiệm kỳ 2020-2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025, tạo động lực thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ của cả nhiệm kỳ.

UBND huyện tiếp tục tập trung triển khai có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm tốc độ tăng trưởng hợp lý, kinh tế phát triển bền vững. Huy động tối đa mọi nguồn lực và phát huy sức mạnh của toàn dân, khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế sẵn có để nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ nhanh, bền vững, gắn với ổn định, phát triển xã hội. Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện. Đẩy nhanh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tạo ra sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh cao. Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, phát triển nguồn nhân lực về y tế, văn hóa, thể dục - thể thao. Đời sống nhân dân được nâng cao đi đôi với giảm nghèo và giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố an ninh - quốc phòng, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Một số chỉ tiêu thực hiện trong năm 2025 như sau:

1). Tổng giá trị sản xuất các ngành (giá so sánh năm 2010) đạt 11.389 tỷ đồng. Trong đó:

- Giá trị sản xuất Nông - Lâm - Thủy sản: 2.008 tỷ đồng.
- Giá trị sản xuất Công nghiệp - Xây dựng: 6.174 tỷ đồng.
- Giá trị sản xuất Thương mại - Dịch vụ: 3.207 tỷ đồng.

2) Thu nhập bình quân đầu người: 60 triệu đồng/người/năm.

3) Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn: 1.000 tỷ đồng.

4) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (huyện giao): 130 tỷ đồng.

5) Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 88%.

6) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: trên 95%.

7) Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội: 20,3%.

8) Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin: 95%.

9) Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 2-3%.

10) Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa: 70%; tỷ lệ gia đình được công nhận gia đình văn hóa đạt trên 94%; tỷ lệ thôn, buôn khu phố văn hóa đạt 96% trở lên;

11) Giữ vững 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Phấn đấu 01 xã nông thôn mới nâng cao.

12) Giữ vững ANCT- trật tự ATXH, giao quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu tỉnh giao.

13) Tỷ lệ che phủ rừng: 45,8%.

14) Tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch đạt Quy chuẩn quốc gia về nước sạch đạt 90%.

5.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

5.2.1. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức

Tổng số công trình năm 2025: 116 hạng mục công trình, trong đó: chuyển tiếp năm 2024 sang 88 hạng mục công trình, dự án và đăng ký mới 28 công trình. Ngoài ra, năm 2025 tiếp tục thực hiện 69 công trình đã hoàn thành xây dựng nhưng chưa hoàn thiện thủ tục đất đai để làm căn cứ hoàn thiện thủ tục đất đai. Chi tiết biểu sau:

Biểu 09: Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức

Số TT	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Số lượng, diện tích công trình, dự án năm 2025		Chia ra			
				Năm 2024 chuyển sang		Đăng ký mới năm 2025	
		Tổng số DA	Diện tích (ha)	Tổng số DA	Diện tích (ha)	Tổng số DA	Diện tích (ha)
I.	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh	14	25,54	14	25,54	0	-
1	Ban CHQS huyện	3	21,88	3	21,88		
2	Công an tỉnh	11	3,66	11	3,66		
II.	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	60	168,73	47	147,05	13	21,68
1	Ban Tôn giáo quản lý, theo dõi	1	0,10	1	0,10		
2	BQL các dự án ĐTXD tỉnh Phú Yên	4	60,00	4	60,00		
3	Công ty Điện lực Phú Yên	1	1,80			1	1,80
4	Truyền tải điện Phú Yên	1	1,75			1	1,75
5	BQL điện nông thôn miền Trung	2	0,94	2	0,94		
6	Các Doanh nghiệp (thu hút, kêu gọi đầu tư)	10	71,02	8	59,02	2	12,00
7	Ban QL dự án ĐTXD huyện	13	19,04	12	16,30	1	2,74
8	Trung tâm PT quỹ đất huyện	7		6	1,03	1	0,11
9	UBND thị trấn Hai Riêng	4	1,07	2	0,86	2	0,21
10	UBND Xã Ea Lâm	1	0,40	1	0,40		
11	UBND Xã Đức Bình Tây	1	1,98	1	1,98		
12	UBND xã Sơn Giang	3	0,37			3	0,37
13	UBND Xã Ea Bá	1	1,18	1	1,18		
14	UBND Xã Đức Bình Đông	1	0,64	1	0,64		
15	UBND Xã Ea Trol	3	1,20	3	1,20		
16	UBND Xã Ea Ly	1	1,80	1	1,80		
17	UBND Xã Sông Hinh	3	1,10	3	1,10		
18	UBND Xã Ea Bia	3	3,20	1	0,50	2	2,70
III.	Chuyển mục đích, giao đất, định giá đất, đấu giá đất, cho thuê đất	42	2.468,77	27	2403,3	15	65,47
1	Sở Tài chính	1	0,18	1	0,18		
2	Ban QL rừng phòng hộ Sông Hinh	1	476,94	1	476,94		
3	Phòng Tài nguyên và Môi trường (phòng Nông nghiệp và Môi trường)	5	1.817,24	5	1.817,24		

Số TT	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Số lượng, diện tích công trình, dự án năm 2025		Chia ra			
				Năm 2024 chuyển sang		Đăng ký mới năm 2025	
		Tổng số DA	Diện tích (ha)	Tổng số DA	Diện tích (ha)	Tổng số DA	Diện tích (ha)
4	Trung tâm PT quỹ đất huyện	6	3,73	6	3,73		
5	Ban QL dự án ĐTXD huyện	1	0,56	1	0,56		
6	Các Doanh nghiệp (thu hút, kêu gọi đầu tư)	12	128,12	7	102,68	5	25,44
7	UBND thị trấn Hai Riêng	3	5,37	2	0,37	1	5,00
8	UBND Xã Đức Bình Tây	1	3,00			1	3,00
8	UBND Xã Ea Bar	4	16,04	2	0,24	2	15,80
9	UBND Xã Ea Ly	1	0,49	1	0,49		
10	UBND Xã Ea Lâm	3	2,47	1	0,87	2	1,60
11	UBND xã Sơn Giang	1	0,33			1	0,33
12	UBND Xã Sông Hinh	3	14,30			3	14,30
	CỘNG	116	2.663,04	88	2.575,89	28	87,15
(*)	<i>Công trình đã hoàn thành xây dựng nhưng chưa hoàn thiện thủ tục đất đai (Đưa vào phương án KHSD đất năm 2025 để tiếp tục hoàn thiện thủ tục đất đai, thuộc nhiều chủ đầu tư)</i>	69	23,28	69	23,28		

Ghi chú: Chi tiết Công trình, dự án Biểu 10/CH

5.2.2. Nhu cầu sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 có 1.236 trường hợp xin đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn các xã, thị trấn (xem Phụ biểu 01)

Biểu 10: Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân

Stt	Xã, thị trấn	Trường hợp	Diện tích xin chuyển	Loại đất sau khi chuyển đổi mục đích sử dụng								
				HNK	CLN	CNT	NKH	SKC	TMD	ONT	ODT	PNK
	CỘNG	1.236	344,33	8,79	228,26	20,00	44,27	1,60	2,53	28,89	5,30	4,69
1	Thị trấn Hai Riêng	205	8,58	2,93			0,15		0,20		5,30	
2	Xã Ea Lâm	62	10,90		9,40					1,50		
3	Xã Đức Bình Tây	38	21,45			20,00				1,45		
4	Xã Ea Bá	16	37,55	5,86	12,53		18,66			0,50		
5	Xã Sơn Giang	86	7,98		2,90		0,62		0,23	4,23		
6	Xã Đức Bình Đông	253	30,25		24,94					5,31		
7	Xã Ea Bar	215	121,38		92,46		24,84		0,08	4,00		
8	Xã Ea Trol	69	6,55					1,60	0,05	4,90		
9	Xã Sông Hinh	24	1,00							1,00		
10	Xã Ea Ly	231	97,59		86,03				1,87	5,00		4,69
11	Xã Ea Bía	37	1,10						0,10	1,00		

Chi chú: Chi tiết số tờ số thửa, diện tích xin chuyển mục đích xem phụ biểu 1.

Hồ sơ chuyển mục đích các thửa đất được tiếp nhận và thực hiện theo trình

tự thủ tục hành chính quy định; thửa đất chỉ được xem xét cho phép chuyển mục đích sau khi được thẩm định nhu cầu sử dụng đất và đủ điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định hiện hành.

5.3. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã

Chỉ tiêu sử dụng các loại đất năm 2025 của huyện như sau:

Biểu 11: Kế hoạch sử dụng các loại đất năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2024	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		
				Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tăng (+), giảm (-) so với 2024
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(4)
	Tổng diện tích tự nhiên (1+2+3)		89.262,01	89.262,01	100,00	0,00
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	76.310,47	76.080,03	85,23	-230,44
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.055,30	2.053,45	2,30	-1,85
-	Đất chuyên trồng lúa	LUC	1.447,19	1.446,88	1,62	-0,31
-	Đất trồng lúa còn lại	LUK	608,11	606,57	0,68	-1,54
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	26.071,85	25.856,20	28,97	-215,66
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	13.166,87	12.889,31	14,44	-277,56
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	20.948,29	20.948,29	23,47	0,00
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	13.777,60	13.776,90	15,43	-0,70
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>5.510,18</i>	<i>5.510,18</i>	<i>6,17</i>	<i>0,00</i>
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	112,74	112,68	0,13	-0,06
1.7	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	177,82	396,64	0,44	218,82
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	46,57	0,05	46,57
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	12.350,50	12.590,22	14,10	239,72
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	364,02	397,54	0,45	33,52
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	68,37	89,94	0,10	21,57
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,56	17,72	0,02	-0,84
2.4	Đất quốc phòng	CQP	1.029,13	1.051,01	1,18	21,88
2.5	Đất an ninh	CAN	2,40	6,07	0,01	3,67
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	89,01	87,06	0,10	-1,95
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,57	2,36	0,00	-0,21
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,65	4,54	0,01	-0,11
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	65,05	63,27	0,07	-1,77
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	15,17	15,31	0,02	0,14
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,57	1,57	0,00	0,00
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	101,49	185,77	0,21	84,28

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2024	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		
				Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tăng (+), giảm (-) so với 2024
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	3,52	3,52	0,00	0,00
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	8,75	29,17	0,03	20,42
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	60,76	78,00	0,09	17,24
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	28,47	75,09	0,08	46,62
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	8.228,51	8.305,33	9,30	76,81
-	Đất công trình giao thông	DGT	972,69	1.031,22	1,16	58,53
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	540,57	545,34	0,61	4,77
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	1,00	1,16	0,00	0,16
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	4,13	4,13	0,00	0,00
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	6.678,32	6.682,81	7,49	4,49
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,93	0,93	0,00	0,00
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	4,77	4,65	0,01	-0,12
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	26,12	35,10	0,04	8,98
2.9	Đất tôn giáo	TON	3,62	3,72	0,00	0,10
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	0,62	0,62	0,00	0,00
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	81,34	89,29	0,10	7,95
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	2.359,32	2.347,36	2,63	-11,96
-	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	49,15	48,85	0,05	-0,30
-	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.310,17	2.298,51	2,58	-11,66
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,11	8,80	0,01	4,69
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	601,04	591,76	0,66	-9,28

Ghi chú: - Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã, thị trấn xem biểu 17/CH.

Các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 đều nằm trong chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện được phê duyệt (Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên).

- Đất nông nghiệp 76.080,03 ha/ 75.734,00 ha cao hơn 346,04 ha, do chưa chuyển hết chỉ tiêu đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình, dự án theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện.

- Đất phi nông nghiệp 12.590,22 ha/ 13.424,00 ha thấp hơn 833,78 ha, do chưa thực hiện các công trình, dự án theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện.

- Đất chưa sử dụng 591,76 ha/ 104,01 ha cao hơn 487,75 ha, do chưa thực hiện hết chỉ tiêu đất chưa sử dụng để khai thác vào mục đích sử dụng đất nông nghiệp và chuyển sang phi nông nghiệp để thực hiện các công trình, dự án theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện.

Phân tích nguyên nhân tăng, giảm diện tích các loại đất trong năm kế hoạch 2025:

5.3.1. Nhóm đất nông nghiệp

- Diện tích năm 2024: 76.310,47 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 76.078,43 ha, giảm 232,04 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp (xem Biểu số 24/CH).

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 1,60 ha. Do mở rộng diện tích đất trồng cây lâu năm chuyển từ đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại xã Ea Bar (chi tiết xem Biểu số 24/CH).

- Diện tích kế hoạch năm 2025: 76.080,03 ha, giảm 230,44 ha so với năm 2024. Do chuyển sang nhóm đất phi nông nghiệp để thực hiện xây dựng các công trình, dự án về quốc phòng; phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xây dựng khu đô thị, khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện.

Diện tích đất nông nghiệp tập trung nhiều ở các xã Sông Hinh, Ea Trol, Ea Bar, Ea Ly,...(chi tiết xem Biểu số 17/CH).

5.3.1.1. Đất trồng lúa

- Diện tích năm 2024 có 2.055,30 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 2.053,45 ha, giảm 1,85 ha, do chuyển sang đất ở nông thôn 0,08 ha, đất ở đô thị 0,19 ha; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,10 ha, đất giao thông 0,20 ha, Đất công trình thủy lợi 0,05 ha, đất năng lượng 0,03 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 2.053,45 ha, giảm 1,85 ha so với năm 2024.

Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước

- Diện tích năm 2024 có 1.447,19 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 1.446,88 ha, giảm 0,31 ha. Do chuyển sang đất ở nông thôn 0,08 ha, đất giao thông 0,20 ha đất năng lượng 0,03 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 1.446,88 ha, giảm 0,31 ha so với năm 2024.

- Diện tích đất chuyên trồng lúa nước tập trung nhiều ở các xã Sơn Giang, Ea Bar, Ea Trol và Ea Ly (chi tiết xem Biểu số 17/CH).

5.3.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác

- Diện tích năm 2024 có 26.071,85 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 25.856,20 ha, giảm 215,66 ha do chuyển sang đất nông nghiệp khác 51,22 ha tại các xã; đất quốc phòng 16,38 ha tại xã Ea Bar và thị trấn; đất an ninh 2,50 ha, đất thương mại dịch vụ 9,34 ha tại xã thị trấn, Ea Trol, Đức Bình Tây và Ea Bar; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 16,62 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng 14,49 ha; đất phát triển hạ tầng 51,07 ha; đất ở nông thôn 23,27 ha tại tất cả các xã; đất ở tại đô thị 18,59 ha và các loại đất khác,...

- Năm 2025, không mở rộng đất trồng cây hàng năm khác.

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 25.856,20 ha, giảm 215,66 ha so với năm 2024.

- Diện tích đất trồng cây hàng năm khác tập trung ở các xã Ea Ly, Đức Bình Đông, Ea Bar, Ea Bá, Ea Trol,... (chi tiết xem Biểu số 17/CH).

5.3.1.3. Đất trồng cây lâu năm

- Diện tích năm 2024 có 13.166,87 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 12.887,71 ha, giảm 279,16 ha; do chuyển sang đất chăn nuôi tập trung 167,40 ha, nông nghiệp khác 40,20 ha; đất ở tại nông thôn 9,74 ha, đất ở tại đô thị 2,14 ha; đất quân sự 5,50 ha; Đất xây dựng công trình sự nghiệp 85,86 ha; Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,18 ha; Đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,66 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 1,60 ha, chuyển từ đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại Ea Bar (đất thu hồi của Công ty TNHH MTV cà phê Ea Bá)

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 12.889,31 ha, giảm 277,56 ha so với năm 2024.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm tập trung nhiều ở các xã Ea Bar, Ea Trol, Ea Ly, Ea Bá,... (chi tiết xem Biểu số 17/CH).

5.3.1.4. Đất rừng phòng hộ

- Diện tích năm 2024 có 20.948,29 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 20.948,29 ha, không thay đổi so với năm 2024.

- Đất rừng phòng hộ phân bố chủ yếu ở 03 xã Sông Hinh, Ea Trol và Ea Bar (chi tiết xem Biểu số 17/CH).

5.3.1.5. Đất rừng sản xuất

- Diện tích năm 2024 có 13.777,61 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 13.776,90 ha, giảm 0,70 ha, do chuyển sang đất giao thông tại xã Sơn Giang.

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 13.776,90 ha, giảm 0,70 ha so với năm 2024.

Đất rừng sản xuất phân bố chủ yếu ở xã Sông Hinh, Ea Trol, Ea Ly, Sơn Giang,... xã Đức Bình Tây và thị trấn Hai Riêng không có rừng sản xuất (chi tiết xem Biểu số 17/CH).

5.3.1.6. Đất nuôi trồng thủy sản

- Diện tích năm 2024 có 112,74 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 112,68 ha, giảm 0,06 ha, do chuyển sang đất ở nông thôn.
- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 112,68 ha, giảm 0,06 ha so với năm 2024. Diện tích đất nuôi trồng thủy sản phân bố rải rác ở tất cả các xã và thị trấn.

5.3.1.7. Đất chăn nuôi tập trung

- Diện tích năm 2024 có 177,82 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 177,82 ha.
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất chăn nuôi tập trung: 218,82 ha; chuyển từ đất cây hàng năm 51,22 ha, từ cây trồng lâu năm 167,40 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 396,64 ha, tăng 218,82 ha so với năm 2024. Diện tích tăng là do thực hiện các hạng mục: Trại trại chăn nuôi heo công nghệ cao khép kín DLH Farm - Ea Bar, Ea Đin- Ea Bar, diện tích 31,01 ha; Trại trại chăn nuôi heo Ea Trol, Buôn Bàu, Ea Trol, diện tích 21,14 ha; Trại trại chăn nuôi kết hợp nông nghiệp hữu cơ Ea Bar 2, Buôn Trinh, Ea Bar, diện tích 21,49 ha; Trại trại chăn nuôi kết hợp nông nghiệp hữu cơ Ea Ly 1, Tân Yên - Ea Ly, diện tích 20,24 ha.

Đất chăn nuôi tập trung phân bố ở hầu hết tại các xã, thị trấn (trừ xã Ea Bá, Sông Hinh và Ea Bia); tập trung nhiều tại các xã: Ea Ly, Ea Bar, Ea Lâm, Ea Trol, Đức Bình Đông,...

5.3.1.8. Đất nông nghiệp khác

- Diện tích năm 2024 có 0 ha.
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất nông nghiệp khác: 46,57 ha; chuyển từ đất cây hàng năm 6,37 ha, từ cây trồng lâu năm 40,20 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 46,57 ha, tăng 46,57 ha so với năm 2024. Đất nông nghiệp khác tăng là do thực hiện nhu cầu đăng ký chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân tại các xã Ea Bá, Sơn Giang, Ea Bar, Ea Ly và thị trấn Hai Riêng.

5.3.2. Đất phi nông nghiệp

- Diện tích năm 2024 có 12.350,50 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 12.348,90 ha, giảm 1,60 ha do chuyển sang đất trồng cây lâu năm từ đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại Ea Bar (đất thu hồi của Cty TNHH MTV cà phê Ea Bá)
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất phi nông nghiệp: 241,32 ha; chuyển từ đất nông nghiệp sang 232,04 ha (từ đất trồng lúa 1,65 ha, đất trồng cây hàng năm 158,07 ha, đất trồng cây lâu năm 71,56 ha, đất rừng sản xuất 0,70 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,06 ha), đất chưa sử dụng sang 9,28 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 12.590,22 ha, tăng 239,72 ha so với năm 2024.

Trong đó:

5.3.2.1. Đất ở tại nông thôn

- Diện tích năm 2024 có 364,02 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 362,97 ha, giảm 1,05 ha do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng (đất giao thông; đất công trình cấp nước, thoát nước và đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng)

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất ở tại nông thôn: 34,57 ha, do chuyển từ đất trồng lúa 0,08 ha, đất trồng cây hàng năm khác 23,27 ha, đất trồng cây lâu năm 9,74 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,02 ha, đất y tế 0,11 ha, đất cơ sở giáo dục - đào tạo 1,05 ha (*chuyển các điểm trường không còn sử dụng sang đất ở để bán đấu giá*).

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 397,54 ha, tăng 33,52 ha so với năm 2024.

Diện tích đất ở tại nông thôn mở rộng theo các dự án quy hoạch xây dựng nông thôn mới ở các xã; bố trí khép kín và mở rộng các khu dân cư nông thôn,... Năm 2025, huyện sẽ tập trung xây dựng các khu dân cư nông thôn, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư sau:

+ Mở rộng điểm giãn dân Buôn Bưng A, xã Ea Lâm. (San lấp mặt bằng, xây dựng kết cấu hạ tầng, giao đất) (0,87 ha).

+ Mở rộng khu dân cư buôn Bá (Bố trí đất ở cho đồng bào đặc biệt khó khăn), xã Ea Bá (1,18 ha)

+ Mở rộng khu dân cư buôn Quang Dù, Đức Bình Tây (1,92 ha).

+ Giao đất, bán đấu giá các lô còn lại trong khu dân cư buôn Trinh, Ea Bar (1,5 ha).

+ Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn thửa 42, 68 tờ 104 (khu QH dân cư gần chợ Ea Ly), Ea Ly (0,49 ha).

+ Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (điểm trường tiểu học và màn non Thôn Tuy Bình, buôn Quang Dù, xã Đức Bình Tây (0,824 ha).

+ Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn dự án QH KDC thôn Bình Giang (trước cây xăng Bình Giang), xã Đức Bình Đông, Đức Bình Đông (0,64 ha).

+ Đấu giá khu đất Điểm trường TH Đức Bình Đông (thôn Đức Hiệp), xã Đức Bình Đông (0,2 ha)

+ Đấu giá khu đất Nhà văn hóa thôn Chí Thán, xã Đức Bình Đông (0,01 ha)

+ Bán đấu giá QSD đất phân trường Nam Giang (cũ), Sơn giang (0,2 ha).

+ Bán Đấu giá QSD đất ở nông thôn tại thửa đất 230, tờ bản đồ số 36, Ea Bar (0,03 ha).

Ngoài ra, còn các hộ gia đình, cá nhân đăng ký chuyển mục đích đất ở theo sổ thửa, tờ bản đồ, diện tích kèm theo (chi tiết danh sách các xã xem phụ biểu).

5.3.2.2. Đất ở tại đô thị

- Diện tích năm 2024 có 68,37 ha.

- Diện tích đất ở đô thị không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 67,94 ha; giảm 0,43 ha do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng (đất giao thông).

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất ở tại đô thị: 22,00 ha; từ đất trồng cây hàng năm khác 18,59 ha, đất trồng cây lâu năm 2,14 ha, đất cơ sở giáo dục - đào tạo 0,83 ha (*Bán đấu giá QSD đất, đất ở đô thị tại KP 8 (phân trường tiểu học Hai Riêng số 1 tại KP 8), mầm non buôn Suối Mây sang đất ở bán đấu giá*), đất thể thao 0,23 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 89,94 ha, tăng 21,57 ha so với năm 2024.

Diện tích đất ở tại đô thị mở rộng theo các dự án quy hoạch chi tiết xây dựng chỉnh trang đô thị; bố trí khép kín và mở rộng các khu dân cư đô thị... Năm 2025, huyện xây dựng Khu dân cư 5 tuyến đường nội thị (giai đoạn 1), Dự án Khu đô thị Hồ trung tâm; Bán đấu giá QSD đất, đất ở đô thị tại KP 8 (phân trường tiểu học Hai Riêng số 1 tại KP 8); Bán đấu giá QSDĐ ở đô thị trường Mầm non, khu vui chơi thể thao (Sân bóng chuyền) buôn Suối Mây.

Ngoài các khu đô thị, khu dân cư còn có hộ gia đình, cá nhân đăng ký được thống kê số tờ bản đồ, sổ thửa bản đồ, diện tích và tọa độ kèm theo (*chi tiết phụ biểu 01*).

Đối với những khu dân cư quy hoạch chỉnh trang và quy hoạch mới nhỏ lẻ khép kín trong khu dân cư thì cho phép nhân dân được quyền chuyển mục đích sử dụng đất, vốn ngân sách chỉ đầu tư xây dựng đường giao thông và các công trình công cộng; còn lại cho phép nhân dân tự chuyển mục đích sử dụng đất và nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất theo qui định; nhà nước không thu hồi đất và đền bù đất, hoa màu trên đất để giảm vốn đầu tư từ ngân sách và tiến độ thực hiện quy hoạch sẽ nhanh hơn, tính khả thi của quy hoạch sẽ cao hơn. Nhà nước chỉ thu hồi đất khi thực hiện xây dựng các khu dân cư tập trung quy mô lớn để bán đấu giá quyền sử dụng đất.

5.3.2.3. Đất xây dựng trụ sở cơ quan

- Diện tích năm 2024 có 18,56 ha.

- Diện tích đất trụ sở cơ quan không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 17,72 ha, giảm 0,84 ha do chuyển sang đất xây dựng trụ sở công an tại các xã: Ea Lâm, Đức Bình Tây, Ea Bá, Sơn Giang, Ea Bar, Sông Hình, Ea Lý và Ea Bia.

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 17,72 ha, giảm 0,84 ha so với năm 2024.

5.3.2.4. Đất quốc phòng

- Diện tích năm 2024 có 1.029,13 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 1.029,13 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất quốc phòng: 21,88 ha; chuyển từ đất nông nghiệp.

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 1.051,01 ha, tăng 21,88 ha so với năm 2024.

Trong năm kế hoạch 2024, xây dựng các công trình quốc phòng sau:

- + Thao trường bắn cùm tại Buôn Trinh xã Ea Bar 4,20 ha.
- + Trộn địa 12,7mm tại thị trấn Hai Riêng 2,68 ha.
- + Trường bắn, thao trường huấn luyện cấp huyện, 15,0 ha.
- Diện tích đất quốc phòng tập trung chủ yếu ở các xã Ea Trol, Đức Bình Đông, Sông Hinh, thị trấn.

5.3.2.5. Đất an ninh

- Diện tích năm 2024 có 2,40 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 2,4 ha
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất an ninh: 3,67 ha; chuyển từ đất trụ sở cơ quan, đất trồng cây hàng năm khác, đất giáo dục, đất chợ.
- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 6,07 ha, tăng 3,67 ha so với năm 2024.

Trong năm 2025, xây dựng các công trình an ninh sau: Trụ sở công an xã Ea Lâm; Trụ sở công an xã Đức Bình Tây; Trụ sở công an xã Ea Bar; Trụ sở công an xã Ea Trol; Trụ sở công an xã Ea Ly; Trụ sở công an xã Ea Bia; Trụ sở công an xã Ea Bá; Trụ sở công an xã Sơn Giang; Trụ sở công an xã Sông Hinh; Trụ sở công an xã Đức Bình Đông; Cơ sở làm việc Đội Cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Sông Hinh.

- Đất an ninh phân bố ở thị trấn Hai Riêng và tất cả các xã trên địa bàn huyện.

5.3.2.6. Đất xây dựng công trình sự nghiệp

Trong đó:

a. Đất cơ sở văn hoá

- Diện tích năm 2024 có 2,57 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 2,03 ha, giảm 0,54 ha, do chuyển sang đất thương mại dịch vụ và đất khu vui chơi, giải trí công cộng tại thị trấn Hai Riêng.
- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 2,36 ha, giảm 0,21 ha so với năm 2024.

b. Đất cơ sở y tế

- Diện tích năm 2024 có 4,65 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 4,54 ha, giảm 0,11 ha do chuyển sang đất ở để thực hiện hàng mục Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (trạm y tế cũ), xã Đức Bình Đông.
- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 4,54 ha, giảm 0,11 ha so với năm 2024.

c. Đất cơ sở giáo dục - đào tạo

- Diện tích năm 2024 có 65,05 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 62,77 ha, giảm 2,27 ha, do chuyển sang đất ở nông thôn 1,05 ha (*điểm trường tiểu học và mầm non buôn Quang Dù, điểm trường tiểu học và mầm non Thôn Tuy Bình; phân trường tiểu học Nam Giang cũ; điểm trường mẫu giáo Ea Bar tại buôn Chung; phân trường tiểu học thôn Đức Hiệp cũ, xã Đức Bình Đông*), đất ở đô thị 0,83 ha (*phân*

trường tiểu học Hai Riêng số 1 tại khu phố 8, điểm trường mẫu giáo của buôn Suối Mây cũ); đất công an 0,09 ha; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,30 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang 0,50 ha. Chuyển từ đất trồng cây lâu năm để thực hiện hàng mục Mở rộng trường tiểu học Đức Bình Tây (điểm chính)

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 63,27 ha, giảm 1,77 ha so với năm 2024.

d. Đất cơ sở thể dục - thể thao

- Diện tích năm 2024 có 15,17 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 14,61 ha, giảm 0,23 ha do chuyển sang đất ở đô thị và đất xây dựng trung tâm văn hóa xã Sơn Giang.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang 0,70 ha. Chuyển từ đất trồng cây lâu năm để thực hiện hàng mục Sân thể thao buôn Dành, xã Ea Bia.

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 15,31 ha, tăng 0,14 ha so với năm 2024.

e. Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác

- Diện tích năm 2024 có 1,57 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 1,57 ha, không thay đổi so với năm 2024.

5.3.2.7. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp

Trong đó:

a. Đất cụm công nghiệp

- Diện tích năm 2024 có 3,52 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 3,52 ha, không thay đổi so với năm 2024.

b. Đất thương mại, dịch vụ

- Diện tích năm 2024 có 8,75 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 8,75 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất thương mại, dịch vụ nghiệp: 20,42 ha, trong đó: chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 9,34 ha, đất trồng cây lâu năm 10,90 ha, đất cơ sở văn hóa 0,18 ha. Trong năm 2025 sẽ triển khai Bán đấu giá thuê đất TMDV thửa số 42 tờ bản đồ số 102, Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Dương Nam, đất thương mại dịch vụ trong Khu đô thị Hồ trung tâm tại thị trấn Hai Riêng, nhu cầu chuyển đất thương mại dịch vụ của hộ gia đình cá nhân,...

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 29,17 ha, tăng 20,42 ha so với năm 2024.

c. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

- Diện tích năm 2024 có 60,76 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 59,16 ha, giảm 1,60 ha, do chuyển sang đất trồng cây lâu năm; Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (Cơ sở Đào tạo lái xe ô tô Sông Hinh) tại xã Ea Bar.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 18,84 ha, chuyển từ đất đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản.

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 78,00 ha, tăng 17,24 ha so với năm 2024.

Trong năm 2025 thực hiện các hạng mục: xây dựng khu chế biến đá vật liệu xây dựng thông thường- công ty cổ phần 3/2 xã Sơn Giang; Nhà máy sản xuất dăm gỗ và viên nén tại xã Đức Bình Đông; Nhà máy sản xuất vật liệu không nung tại thị trấn Hai Riêng; Khu sản xuất kinh doanh dọc trục đường QL 19C tại buôn Thu, xã Ea Trol.

d. Đất cho hoạt động khoáng sản

- Diện tích năm 2024 có 28,47 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 27,97 ha, giảm 0,50 ha do chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp để xây dựng Khu chế biến đá VLXD thông thường - mỏ đá Suối Biều (Cty cổ phần 3-2).

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 47,12 ha, chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 14,49 ha; đất trồng cây lâu năm 15,15 ha; đất sông, suối 11,66 ha và đất bằng chưa sử dụng 5,82 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 75,09 ha, tăng 46,62 ha so với năm 2024.

Gồm các công trình: mỏ đá Dốc Ma Xanh 1 tại thị trấn; Mỏ đá chẻ Buôn Trinh, xã Ea Bar; khai thác cát tại xã Đức Bình Đông và Sơn Giang; đất san lấp xã Ea Ly, Ea Bá, Ea Lâm, Ea Bar.

5.3.2.8. Đất sử dụng vào mục đích công cộng

Trong đó:

a. Đất công trình giao thông

- Diện tích năm 2024 có 972,69 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 972,59 ha, giảm 0,10 ha do chuyển sang đất thủy lợi.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 58,63 ha; từ đất nông nghiệp 89,78 ha; đất thủy lợi 0,05 ha, đất chợ 0,68 ha; đất nghĩa trang 0,13 ha; đất ở nông thôn 0,90 ha, đất ở đô thị 0,43 ha, đất có mặt nước chuyên dùng 0,30 ha, đất chưa sử dụng 3,10 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 1.031,22 ha, tăng 58,53 ha so với năm 2024; trong đó:

- Các công trình giao thông chính nâng cấp, mở rộng và làm mới trong kế hoạch năm 2025 như sau:

+ Nâng cấp tuyến đường từ buôn Chung xã Ea Bar đến buôn Chao xã Ea Bá (17,00ha).

+ Nâng cấp tuyến đường từ buôn Thứ xã Ea Bar đi buôn Bách (Tân Bình) xã Ea Ly (11,0 ha).

+ Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Sơn Giang - Đức Bình Đông (19,0 ha).

+ Nâng cấp tuyến đường xã Ea Bia đi Đức Bình Tây (13,0 ha)

+ Đường vành đai khép kín quanh hồ Trung tâm thị trấn Hai Riêng (4,54 ha)

- + Đường Nguyễn Du (1,66 ha)
- + Đường nội đồng đoạn từ đường liên xã Ea Bá - Ea Lâm đến giáp đường nội đồng 75 (1,28 ha)
- + Đường Nguyễn Công Trứ nối dài
- + Đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn Nguyễn Du đến Nguyễn Văn Cừ)
- + Mở rộng tuyến đường buôn Thu đi buôn Ly
- + Đường từ khu giãn dân buôn Bưng A đi đèo 75
- + Và các công trình khác xem biểu số 25/CH

b. Đất công trình thủy lợi

- Diện tích năm 2024 có 540,57 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 540,52 ha, giảm 0,05 ha do chuyển sang đất giao thông.
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất thủy lợi: 4,82 ha, từ đất trồng lúa 0,05 ha, đất trồng cây hàng năm khác 4,67 ha, đất trồng cây lâu năm ha, đất giao thông 0,10 ha và đất ở nông thôn ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 545,34 ha, tăng 4,77 ha so với năm 2024.
- Trong năm 2025 các công trình nâng cấp và làm mới như sau:
 - + Kênh tưới hồ chứa nước La Bách.
 - + Trạm bơm Ea Lâm 2.
 - + Trạm bơm Đồng Phú.

c. Đất công trình cấp nước, thoát nước

- Diện tích năm 2024 có 1,00 ha.
 - Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: ha, giảm 0,05 ha do chuyển sang đất giao thông.
 - Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang 0,16 ha, từ đất trồng cây hàng năm khác 0,06 ha, đất trồng cây lâu năm 0,07 ha và đất ở nông thôn 0,03 ha.
 - Diện tích kế hoạch năm 2025 có 1,16 ha, tăng 0,16 ha so với năm 2024.
- Trong năm 2025 thực hiện hạng mục: Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Ea Bar.

d. Đất công trình xử lý chất thải

- Diện tích năm 2024 có 4,13 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 4,13 ha, không thay đổi so với năm 2024.

e. Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng

- Diện tích năm 2024 có 6.678,32 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 6.678,32 ha,.
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 4,49 ha, từ đất lúa 0,03 ha, đất trồng cây hàng năm khác 4,26 ha, đất trồng cây lâu năm 0,20 ha;

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 6.682,81 ha, tăng 4,49 ha so với năm 2024.

- Trong năm 2025, các công trình năng lượng có: Trạm điện 110 kV Sông Hình và đầu nối; Tiểu dự án Cải tạo và Phát triển lưới điện phân phối tỉnh Phú Yên (vốn vay JICA); Đường dây 110 kV Sông Hình - thủy điện Sông Hình; Đường dây 220kV TĐ Sông Ba Hạ-Krông Buk 500kV.

i. Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin

- Diện tích năm 2024 có 0,93 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 0,93 ha, không biến động so với năm 2024.

j. Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối

- Diện tích năm 2024 có 4,77 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 4,65 ha, giảm 0,12 ha do chuyển sang đất an ninh, đất công trình giao thông.

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 4,65 ha, giảm 0,12 ha so với năm 2024.

k. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng

- Diện tích năm 2024 có 26,12 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 26,00 ha, giảm 0,12 ha, do chuyển sang đất an ninh tại xã Ea Bar (xây dựng trụ sở công an xã)

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 9,10 ha; chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 5,75 ha, đất trồng cây lâu năm 2,51 ha, đất văn hóa 0,36 ha, đất ở nông thôn 0,12 ha, đất chưa sử dụng 0,06 ha.

- Trong kế hoạch năm 2025 xây dựng mới các nhà văn hóa thôn Chư Blôi xã Ea Bar; Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Vĩnh Sơn (Nhà SHCĐ, khu thể thao thôn Vĩnh Sơn), xã Ea Trol; Nhà sinh hoạt cộng đồng khu phố Ngô Quyền, Nhà sinh hoạt cộng đồng khu phố 7 tại thị trấn Hai Riêng; Thực hiện các hạng mục công trình: nâng cấp khép kín khu đồi thông xã Ea Bia; đất công viên, cây xanh trong Khu đô thị Hồ trung Tâm, thị trấn Hai Riêng, công viên xã Ea Ly, Công viên đường Lương Văn Chánh (Nhà hát cũ).

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 35,10 ha, tăng 8,98 ha so với năm 2024.

5.3.2.9. Đất tôn giáo

- Diện tích năm 2024 có 3,62 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 3,72 ha, tăng 0,1 so với năm 2024 (Mở rộng nhà nguyện Sơn Giang - Giáo xứ Sơn Giang).

5.3.2.10. Đất tín ngưỡng

- Diện tích năm 2024 có 0,62 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 0,62 ha, ổn định so với năm 2024.

5.3.2.11. Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt

- Diện tích năm 2024 có 81,34 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 81,21 ha, giảm 0,13 ha, do chuyển sang đất giao thông.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 8,08 ha, chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 5,68 ha, đất trồng cây lâu năm 2,40 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 89,29 ha, tăng 7,95 ha so với năm 2024.

Trong năm 2025, Mở rộng nghĩa địa buôn Thu (xã Ea Trol); Mở rộng nghĩa địa buôn Dành, Mở rộng nghĩa địa buôn Ma Sung (xã Ea Bia); Nghĩa địa buôn Zô (xã Ea Ly); Mở rộng nghĩa địa thôn Hòa Sơn, Mở rộng nghĩa địa thôn Hà Roi, Mở rộng nghĩa địa buôn Kít (xã Sông Hình).

5.3.2.12. Đất có mặt nước chuyên dùng.

Trong đó:

a. Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá

- Diện tích năm 2024 có 49,15 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 48,85 ha, giảm 0,30 ha, do chuyển sang đất giao thông.

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 48,85 ha, giảm 0,30 ha so với năm 2024.

b. Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối

- Diện tích năm 2024 có 2.310,17 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 2.298,51 ha, giảm 11,66 ha, do chuyển sang đất sản xuất vật liệu xây dựng (Khai thác cát vật liệu xây dựng tại xã Sơn Giang và Đức Bình Đông).

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 2.298,51 ha, giảm 11,66 ha so với năm 2024.

5.3.2.13. Đất phi nông nghiệp khác

- Diện tích năm 2024 có 4,11 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 8,80 ha, tăng 4,69 ha so với năm 2024.

Diện tích tăng là do nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn xã Ea Ly.

5.3.3. Đất chưa sử dụng

- Diện tích năm 2024 có 601,04 ha.

- Năm 2025, khai thác đưa vào sử dụng 9,28 ha cho mục đích đất phi nông nghiệp (đất ở nông thôn; đất cho hoạt động khoáng sản; đất công trình giao thông; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng)

- Diện tích kế hoạch năm 2025 có 591,76 ha, giảm 9,28 ha so với năm 2024.

5.4. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Để khai thác triệt để và có hiệu quả tiềm năng đất đai, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất các ngành. Năm 2025, tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng: 9,28 ha, khai thác vào mục đích đất phi nông nghiệp (Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; Đất công trình giao thông; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng; đất ở nông thôn).

Biểu 12: Diện tích đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2025

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	-
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	9,28
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,30
2.2	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	5,82
-	<i>Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản</i>	SKS	5,82
2.3	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	3,16
-	<i>Đất công trình giao thông</i>	DGT	3,10
-	<i>Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng</i>	DKV	0,06

Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã xem biểu 18/CH.

5.5. Diện tích đất cần thu hồi

Trên cơ sở xác định các công trình, dự án thực hiện trong năm 2025 có nhu cầu sử dụng đất và phải thu hồi, chuyển mục đích theo qui định. Diện tích đất cần phải thu hồi trong năm kế hoạch 2025 khoảng 136,66 ha đất nông nghiệp và phi nông nghiệp:

Biểu 13: Kế hoạch thu hồi đất năm 2025

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	136,66
1.1	Đất trồng lúa	LUA	0,55
-	<i>Đất chuyên trồng lúa</i>	LUC	0,31
-	<i>Đất trồng lúa còn lại</i>	LUK	0,24
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	95,46
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	39,93
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	0,70
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,02
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	15,27
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,02
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	0,23
2.3	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	2,22
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	DYT	0,11
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	DGD	1,88
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao</i>	DTT	0,23
2.4	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0,00
-	<i>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</i>	SKC	0,00
2.5	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	0,14
-	<i>Đất công trình giao thông</i>	DGT	0,10
-	<i>Đất công trình thủy lợi</i>	DTL	0,04
2.6	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	11,66

Ghi chú: -Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã xem biểu 19/CH.

- Chi tiết Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất xem biểu 25/CH.

5.6. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Để thực hiện được các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng thì ngoài khai thác quỹ đất chưa sử dụng, phải lấy thêm từ các loại đất đang sử dụng. Năm 2025, sẽ chuyển 232,04 ha đất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp để xây dựng cơ sở hạ tầng, sản xuất kinh doanh, đất ở,...

Biểu 14: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	232,04
	<i>Trong đó:</i>	-	-
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	1,65
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	158,07
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	71,56
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	0,70
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,06
2	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT	218,82
3	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp	-	2,22
3.1	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	2,22

Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã, thị trấn xem biểu 20/CH.

5.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2025

Tổng số công trình năm 2025: 116 hạng mục công trình, trong đó: chuyển tiếp năm 2024 sang 88 hạng mục công trình, dự án và đăng ký mới 28 công trình.

Ngoài ra, năm 2025 thống kê đưa vào KHSD đất 69 công trình đã hoàn thành xây dựng nhưng chưa hoàn thiện thủ tục đất đai để làm căn cứ hoàn thiện thủ tục đất đai (Những công trình làm thủ tục đất đai được chuyển từ các năm trước sang).

(Chi tiết xem tại Biểu số 25/CH và Phụ biểu 02)

5.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2025

5.8.1. Cơ sở tính toán

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15, ngày 18/01/2024.

- Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ về quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND, ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên 5 năm (2020-2024).

- Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh Phú Yên về việc Phê duyệt Phương án và Kế hoạch thực hiện Phương án khai thác quỹ đất các dự án để ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng, tổ chức bán đấu giá (đấu thầu) tạo nguồn thu ngân sách tiền sử dụng đất, giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/ 2024 của UBND tỉnh Phú Yên về Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

- Căn cứ bảng giá bồi thường thiệt hại về hoa màu, vật kiến trúc,... trên địa bàn tỉnh khi nhà nước thu hồi đất; căn cứ những chính sách ưu đãi của Nhà nước, của tỉnh đối với những doanh nghiệp thuê đất để đầu tư sản xuất kinh doanh,...

- Căn cứ diện tích các loại đất chuyển đổi mục đích sử dụng đất và diện tích đất sẽ thu hồi trong năm 2025.

Theo đó dự kiến nguồn thu, chi từ đất như sau:

5.8.2. Dự tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai năm 2025

- Tổng nguồn thu từ việc giao đất, đấu giá, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: 70,043 tỷ đồng.

- Tổng chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư,...: 40,537 tỷ đồng.

- Cân đối: 29,505 tỷ đồng (*thu vượt chi*).

Để phương án thu các khoản liên quan đến đất đai đạt được chỉ tiêu, kế hoạch giao năm 2025, cần tập trung thực hiện các hạng mục bán đấu giá ở các khu đô thị, khu dân cư nông thôn, khu đất do nhà nước quản lý,... như sau:

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Dự án Khu đô thị Hồ trung tâm	Hai Riêng	23,90
2	Khu dân cư 05 tuyến đường nội thị, thị trấn Hai Riêng (giai đoạn 1)	Hai Riêng	2,22
3	Đấu giá bán tài sản trên đất, chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở nhà, đất của điểm trường MN thôn Tuy Bình.	Đức Bình Tây	0,2578
4	Đấu giá bán tài sản trên đất, chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở nhà, đất của phân Trường TH thôn Tuy Bình	Đức Bình Tây	0,3739
5	Đấu giá chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở của phân Trường MN Buôn Quang Dù	Đức Bình Tây	0,067
6	Đấu giá chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở của phân Trường TH Buôn Quang Dù	Đức Bình Tây	0,1253
7	Bán đấu giá QSD đất dự án quy hoạch khu	Đức Bình	0,64

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)
	dân cư thôn Bình Giang, trước cây xăng Bình Giang (Thuộc dự án QH dân cư Bình Giang, bao gồm: xây dựng CSHT, bán đấu giá, giao đất).	Đông	
8	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn phân trường tiểu học Nam Giang, xã Sơn Giang	Sơn giang	0,20
9	Giao đất, Bán đấu giá QSD đất, đất ở đô thị tại KP 8 (dự án Hạ Tầng khu dân cư khu phố 8, TT Hai Riêng)	Hai Riêng	0,73
10	Bán Đấu giá QSD đất ở nông thôn tại thửa đất 230, tờ bản đồ số 36	Buôn Chung, Ea Bar	0,03
11	Giao đất, bán đấu giá các lô còn lại trong khu dân cư buôn Trinh	Ea Bar	1,355
12	Bán đấu giá QSDĐ ở đô thị một phần diện tích thửa đất số 47, tờ bản đồ số 122 (diện tích đất hành lang lưới điện gần nhà ông Trần Đình Pháp).	Hai Riêng	0,011
13	Bán đấu giá QSDĐ ở đô thị trường Mầm non, khu vui chơi thể thao (Sân bóng chuyền) buôn Suối Mây.	Hai Riêng	0,33
14	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn thửa 42, 68 tờ 104 (khu QH dân cư gần chợ Ea Ly)	Ea Ly	0,49
15	Đấu giá khu đất Điểm trường TH Đức Bình Đông (thôn Đức Hiệp), xã Đức Bình Đông.	Đức Bình Đông.	0,200
16	Đấu giá khu đất Nhà văn hóa thôn Chí Thán, xã Đức Bình Đông	Đức Bình Đông.	0,0105
17	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (trạm y tế cũ)	Đức Bình Đông	0,11

VI. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

6.1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh trồng rừng phủ xanh đất trống đồi trọc và trồng lại rừng trên đất rừng đã khai thác để tăng độ che phủ cho đất, bảo vệ đất và môi trường sinh thái.

- Trong sản xuất nông nghiệp cần áp dụng các biện pháp canh tác luân canh, đầu tư cân đối các loại phân bón, trong đó chú trọng bón các loại phân hữu cơ, phân vi sinh để cải tạo độ phì nhiêu đất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất trong đó chú trọng phát triển các loại giống cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản thích ứng với biến động thời tiết và khả năng kháng dịch bệnh cao. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác mới, quan tâm nhiều hơn đến môi trường và khai thác bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên; hướng đến nền nông nghiệp hàng hóa, sạch, đa dạng, phát triển bền vững.

- Tăng cường các biện pháp điều tiết nguồn nước bảo đảm phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện; áp dụng công nghệ và phương pháp sản xuất tiết kiệm nước; chủ động phòng chống và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước. Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; thực hiện nề nếp công tác cấp phép khai thác tài nguyên nước và cấp phép xả nước thải vào nguồn nước.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng nước sạch, xây dựng và thực hiện chương trình hành động cụ thể để bảo vệ môi trường nhằm xây dựng môi trường sống xanh-sạch-đẹp và đảm bảo phát triển bền vững.

- Cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh phải có phương án xử lý chất thải để tránh ô nhiễm môi trường; thường xuyên thanh tra, kiểm tra và xử phạt các cơ sở gây ô nhiễm môi trường theo quy định.

- Trong quá trình triển khai các dự án cụ thể về xây dựng cụm công nghiệp, các nhà máy chế biến nông, lâm sản, các cơ sở sản xuất công nghiệp, các trang trại, khu chăn nuôi tập trung,... cần chấp hành và tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường.

- Những vùng đất trồng cây công nghiệp dài ngày, những vườn cây đã già cỗi, mang lại hiệu quả kinh tế thấp cần tuyên truyền, vận động nhân dân chuyển đổi cây trồng hoặc thay thế cây trồng mới để mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

- Phát triển thủy điện, khai thác tốt tiềm năng hiện có gắn với bảo vệ môi trường sinh thái cần tiếp tục tập trung thực hiện đồng bộ: xác định đầy đủ, chính xác và thực hiện đúng các tiêu chí về môi trường, xem nó như là cơ sở cứng để đánh giá tiêu chí môi trường dự án và là một điều kiện đủ để đầu tư dự án. Từ yêu cầu đặt ra là các dự án thủy điện cần đảm bảo được sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững và ổn định; bảo vệ được các hệ sinh thái tự nhiên; cung cấp nước cho các hoạt động kinh tế - xã hội ở vùng hạ lưu; đảm bảo cho nhân dân ở vùng xây dựng các nhà máy thủy điện có đời sống vật chất, tinh thần ổn định cần thiết.

6.2. Các giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Các chủ đầu tư của các công trình dự án cần phải bố trí đủ nguồn vốn và nhân lực để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Huy động nhiều nguồn vốn và quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước, để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội quan trọng theo nguyên tắc đồng bộ, tập trung, không dàn trải, có tính hữu dụng cao để tạo bước đột phá về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Thực hiện huy động nguồn lực đất đai, đầu tư bán đấu giá quỹ đất ở các vị trí có lợi thế, khu vực các trục giao thông, trung tâm thị trấn,... để tăng nguồn thu ngân sách, tạo việc làm, phát triển thương mại dịch vụ,...

- Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh để thu hút đầu tư.

- Kêu gọi nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp để khai thác khu du lịch, khu thương mại dịch vụ tại trung tâm huyện.

- Tiếp tục thực hiện hình thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng quy mô nhỏ, phục vụ dân sinh, nhất là các hệ

thống giao thông, thủy lợi,... Đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

6.3. Giải pháp về khoa học - công nghệ

- Đầu tư hệ thống thông tin về đất đai, ứng dụng công nghệ viễn thám trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai và hội nhập quốc tế.

- Đầu tư xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu đất nông nghiệp để doanh nghiệp, HTX, nhà đầu tư và các tổ chức, cá nhân khai thác thông tin đầu tư sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương.

- Ứng dụng các loại giống cây trồng chịu hạn, giống ngắn ngày vào sản xuất để tiết kiệm nước tưới trong sản xuất nông nghiệp.

- Ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản;

- Trong sản xuất công nghiệp-TTCN; chế biến nông, lâm, thủy sản phải áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại để hạn chế tác hại của chất thải gây ô nhiễm đất canh tác, nguồn nước và môi trường xung quanh.

- Ưu tiên đầu tư công nghệ tiên tiến về xử lý nước thải, rác thải; tái chế rác thải cho cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Nghiên cứu ứng dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng, nước trong sinh hoạt và hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại,...

6.4. Các giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Thực hiện việc công bố công khai kế hoạch sử dụng đất toàn huyện sau khi được UBND tỉnh phê duyệt và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ tổng thể đến các địa phương để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; kế hoạch của các ngành, địa phương có sử dụng đất phải dựa trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất toàn huyện được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển cụm công nghiệp; đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Việc sử dụng đất cho mục đích phi nông nghiệp phải theo kế hoạch, tiết kiệm và hiệu quả. Có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút các nhà đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển du lịch-dịch vụ, sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện việc quản lý đất đai theo kế hoạch: Bao gồm việc thẩm định dự án, xét duyệt dự án, thu hồi đất và giao đất phải theo đúng kế hoạch.

- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, để nâng cao đời sống nhân dân, đáp ứng mục tiêu đô thị hóa.

- Thực hiện những chính sách ưu đãi những hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất, hết đất sản xuất, phải chuyển đến ở tại các khu tái định cư, phải tốt hơn nơi ở cũ và hỗ trợ đào tạo nghề, ưu tiên thu hút vào làm việc tại các cơ sở sản xuất kinh doanh đã thu hồi đất.

- Khuyến khích nhân dân được chuyển mục đích sử dụng đất những thửa đất đan xen, có diện tích nhỏ phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất

đã được phê duyệt để thuận lợi trong quản lý và có nguồn thu ngân sách.

- Phát huy chính sách liên kết đầu tư giữa các doanh nghiệp và nhân dân góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

- UBND các xã, thị trấn căn cứ theo kế hoạch sử dụng đất của huyện đã được phê duyệt, tổ chức triển khai, hướng dẫn nhân dân đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất các năm tiếp theo đúng phạm vi, ranh giới quy hoạch.

- Hàng năm, phòng Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch sử dụng đất cho UBND huyện, để làm cơ sở điều chỉnh lập kế hoạch sử dụng đất cho năm sau.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện được xây dựng trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội toàn huyện và các ngành năm 2025. Dự án đã đánh giá khái quát về điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội toàn huyện, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 và xác định những tồn tại, nguyên nhân để làm cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cho các ngành nhằm đạt được mục tiêu đề ra và có tính khả thi cao hơn.

Kết quả lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đã xác định được ranh giới sử dụng các loại đất: đất nông nghiệp (đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất chăn nuôi tập trung, đất nông nghiệp khác,...); đất phi nông nghiệp (đất trụ sở cơ quan, đất quốc phòng, an ninh, đất thương mại dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản, đất ở tại khu vực nông thôn, đô thị, đất xây dựng công trình sự nghiệp (đất cơ sở văn hóa, y tế, giáo dục-đào tạo, đất thể dục-thể thao,...) đất sử dụng cho mục đích công cộng (đất giao thông, thủy lợi; Đất công trình cấp nước, thoát nước; Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng; Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng),...; xác định quỹ đất đáp ứng chỉ tiêu tỉnh phân bổ cho huyện và nhu cầu sử dụng đất phát triển các ngành kinh tế- xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện năm 2025.

Thực hiện dự án kế hoạch sử dụng đất năm 2025 sẽ góp phần đạt được các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội toàn huyện và bố trí đủ đất để thực hiện các dự án, công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Kiến nghị

Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm phụ thuộc vào nguồn vốn thực hiện các công trình, dự án. Vì vậy, hàng năm các cơ quan, ban ngành, các doanh nghiệp,... cần sớm đăng ký danh mục các công trình, dự án thực hiện trên địa bàn để việc lập KHSD đất được đầy đủ, chính xác.

Đề nghị UBND huyện tập trung chỉ đạo các ngành chức năng của huyện và UBND các xã, thị trấn hoàn thiện các thủ tục đất đai đối với các công trình, dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa tiến hành làm thủ tục đất đai đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, trên địa bàn huyện có một số công trình, dự án đã triển khai thực hiện, các khu vực đất nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng và được kiểm kê, thống kê diện tích, thể hiện trên bản đồ trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019, nhưng chưa có quyết định giao đất. Năm kế hoạch 2025 đã thống kê các công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân vào phương án kế hoạch sử dụng đất của huyện để làm căn cứ giao đất, cấp giấy CNQSDĐ cho các đối tượng sử dụng và quản lý khi có nhu cầu.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHẦN BIỂU

**KÈM THEO BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÁC CÔNG TRÌNH,
DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ TRÍCH LỤC CÁC THỬA ĐẤT
ĐĂNG KÝ CHUYỂN MỤC ĐÍCH HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN,
DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN

Phụ lục số IV:
Hệ thống biểu trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và điều chỉnh quy hoạch, kế
hoạch sử dụng đất cấp huyện

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Số TT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
2	Biểu 02/CH	Biến động sử dụng đất từ năm 2023 đến năm 2024 huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
3	Biểu 04/CH	Kết quả thực hiện sử dụng đất năm 2024 huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
4	Biểu 17/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
5	Biểu 18/CH	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2025 huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
6	Biểu 19/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
7	Biểu 20/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
8	Biểu 24/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
9	Biểu 25/CH	Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2025 huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên

Ghi chú: Số thứ tự biểu theo quy định hệ thống biểu của Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT